

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh  
Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023)

## CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 331/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán  
Nhà nước cấp ngày 30 tháng 9 năm 2025)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại những địa điểm dưới đây:

**1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (VIETBANK)**

Địa chỉ : 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ  
Điện thoại : (02-99) 362 1454  
Fax : (02-99) 362 1858  
Website : [www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)

**2. Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)**

Địa chỉ : Khu vực 1, Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ  
Dừa, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (84-24) 7304 5688  
Fax : (84-24) 3726 2601  
Website : <https://mbs.com.vn/>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên : Bà Trần Tuấn Anh  
Chức vụ : Tổng Giám đốc  
Số điện thoại : (02-99) 3621 454

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023; Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK, Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5 ngày 24/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.*

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá:** 10.000 VND/Cổ Phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

**Giá chào bán:** 10.000 VND/Cổ Phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

**Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 270.940.550 cổ phiếu

**Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 2.709.405.500.000 đồng

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024 được kiểm toán bởi:**

**Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở : Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều,  
chính Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh  
Số điện thoại : (84-28) 3824 5252  
Số Fax : (84-28) 3824 5250  
Website : <https://www.ey.com/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ trụ sở : Khu vực 1, Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ  
chính Dừa, Thành phố Hà Nội  
Số điện thoại : (84-24) 7304 5688  
Số fax : (84-24) 3726 2601  
Website : <https://mbs.com.vn/>



## MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>7</b>
1. Tổ chức phát hành	7
2. Tổ chức Tư vấn	7
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>	<b>8</b>
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	14
5. Rủi ro pha loãng	14
6. Rủi ro quản trị công ty	17
7. Rủi ro khác	17
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>19</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b>	<b>21</b>
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành	21
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	23
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành	28
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	37
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	65
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành	66
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	75
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	75
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	77
10. Hoạt động kinh doanh	77
11. Chính sách đối với người lao động	121
12. Chính sách cổ tức	123
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	123
14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành	127
15. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	127
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	128
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH</b>	<b>129</b>



1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	129
2. Tình hình tài chính.....	131
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành .....	142
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận .....	143
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....</b>	<b>145</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	145
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	145
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng	
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>169</b>
1. Loại cổ phiếu .....	170
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	170
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	170
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	170
5. Giá chào bán dự kiến .....	170
6. Phương pháp tính giá.....	170
7. Phương thức phân phối.....	170
8. Đăng ký mua cổ phiếu .....	172
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	173
10. Phương thức thực hiện quyền.....	174
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu .....	174
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu .....	174
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành....	174
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	175
15. Các loại thuế có liên quan.....	175
16. Thông tin về các cam kết.....	176
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành cùng đợt .....	176
<b>VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>	<b>177</b>
<b>IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>177</b>
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>179</b>
1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....	179
2. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán .....	179
3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán.....	179
<b>XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ .....</b>	<b>179</b>
<b>XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....</b>	<b>180</b>
<b>XIII. PHỤ LỤC .....</b>	<b>182</b>



## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của VIETBANK .....	67
Bảng 2: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát hành tại ngày 30/06/2025 .....	75
Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VIETBANK .....	75
Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất) .....	78
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ) .....	78
Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất) .....	79
Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ) .....	80
Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (hợp nhất) .....	81
Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (riêng lẻ) .....	82
Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (Hợp nhất) .....	82
Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (riêng lẻ) .....	83
Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất) .....	84
Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ) .....	85
Bảng 14: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất) .....	85
Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ) .....	86
Bảng 16: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất) .....	88
Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ) .....	88
Bảng 18: Phân loại chất lượng tín dụng VIETBANK .....	90
Bảng 19: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại VIETBANK .....	90
Bảng 20: Tình hình trích lập dự phòng của VIETBANK .....	91
Bảng 21: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất) .....	91
Bảng 22: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ) .....	92
Bảng 23: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (hợp nhất) .....	94
Bảng 24: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (riêng lẻ) .....	95
Bảng 25: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất) .....	96
Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ) .....	97
Bảng 27: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất) .....	98
Bảng 28: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ) .....	99
Bảng 29: Quy mô vốn chủ sở hữu và dư nợ cho vay của VIETBANK .....	118
Bảng 30: So sánh quy mô của VIETBANK và một số ngân hàng khác .....	118
Bảng 31: So sánh quy mô của VIETBANK và một số ngân hàng khác .....	119
Bảng 32: Số lượng, cơ cấu người lao động của VIETBANK .....	121
Bảng 33: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây .....	123
Bảng 34: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024 .....	125



Bảng 35: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VIETBANK .....	128
Bảng 36: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VIETBANK năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 – Hợp nhất .....	129
Bảng 37: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 – Riêng lẻ .....	129
Bảng 38: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (hợp nhất) .....	131
Bảng 39: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (riêng lẻ) .....	132
Bảng 40: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất) .....	132
Bảng 41: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ) .....	133
Bảng 42: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất) .....	133
Bảng 43: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ) .....	133
Bảng 44: Thu nhập bình quân của VIETBANK .....	135
Bảng 45: Thu nhập bình quân của các ngân hàng khác trong 2 năm gần nhất .....	135
Bảng 46: Tình hình công nợ – Hợp nhất .....	136
Bảng 47: Tình hình công nợ – Riêng lẻ .....	138
Bảng 48: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất .....	139
Bảng 49: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ .....	139
Bảng 50: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất .....	140
Bảng 51: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ .....	140
Bảng 52: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất .....	140
Bảng 53: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ .....	141
Bảng 54: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025 .....	143
Bảng 55: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị VIETBANK .....	145
Bảng 56: Danh sách thành viên Ban kiểm soát VIETBANK .....	154
Bảng 57: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc VIETBANK .....	159

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành .....	28
Hình 2: Cơ cấu quản trị của Tổ chức phát hành .....	37
Hình 3: Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch năm Quý II năm 2025 .....	117



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

(Ông) Dương Nhất Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Bà) Trần Tuấn Anh

Chức vụ: Tổng giám đốc

(Bà) Nguyễn Thị Thúy Minh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**

Đại diện được ủy quyền: (Bà) Lê Thị Thu Hiền

Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

*(Theo Giấy ủy quyền số 25/2025/MBS-UQ ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 09/2025/MBS/IBHN-HDTV ngày 24 tháng 6 năm 2025 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh và tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, tăng số lượng việc làm, tăng thu nhập bình quân đầu người, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến khó lường với các xung đột chính trị kéo dài giữa Nga – Ukraine, xung đột tại Trung Đông. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường; kinh tế chịu ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố địa chính trị và thời tiết; lạm phát cơ bản kéo dài đòi hỏi lập trường chính sách tiền tệ thắt chặt; các nền kinh tế tiếp tục đối phó với nợ gia tăng. Các yếu tố đầu vào quan trọng như giá dầu thô, tỷ giá USD, lãi suất USD tiếp tục duy trì ở mức cao.

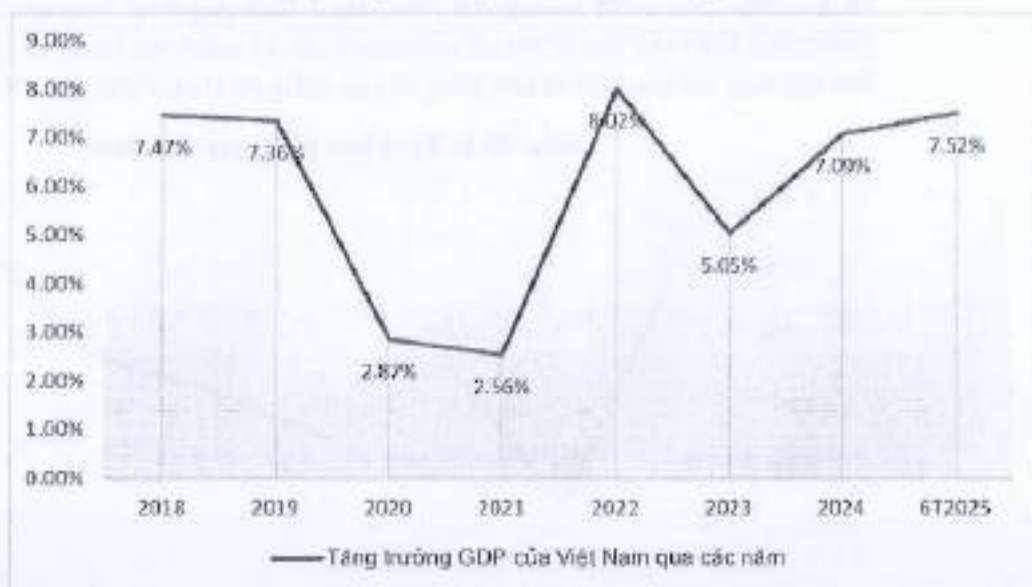
Đối với Việt Nam, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt được kết quả khá tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,09% so với năm trước. Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%.

Với năm 2025, các dự báo đầu năm của các tổ chức Ngân hàng Thế giới và Liên Hợp Quốc dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trên 6%, trong khi Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng trên 8%. Trong Quý 1/2025, kinh tế Việt Nam đã đạt kết quả khá tích cực: mức tăng trưởng đạt 6,93% so với cùng kỳ, nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 tăng 7,96% so với cùng kỳ năm trước. GDP 6 tháng tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất cùng kỳ trong giai đoạn 2011-2025. Tuy nhiên, trước các diễn biến mới đây của kinh tế thế giới, nguy cơ chiến tranh thương mại leo thang, chính sách thuế của Mỹ với Việt Nam biến động khó đoán định có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của VIETBANK.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô mà sự biến động của nó ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Trong năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội thông qua cho năm 2024 ở mức từ 4%-4,5%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Năm 2025, áp lực lạm phát có thể đến từ một số yếu tố, cụ thể như xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế quan của Mỹ, ... Theo Tổng cục Thống kê, CPI bình quân quý II/2025 tăng 3,31% so với quý II/2024. Bình quân 6 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,16%.

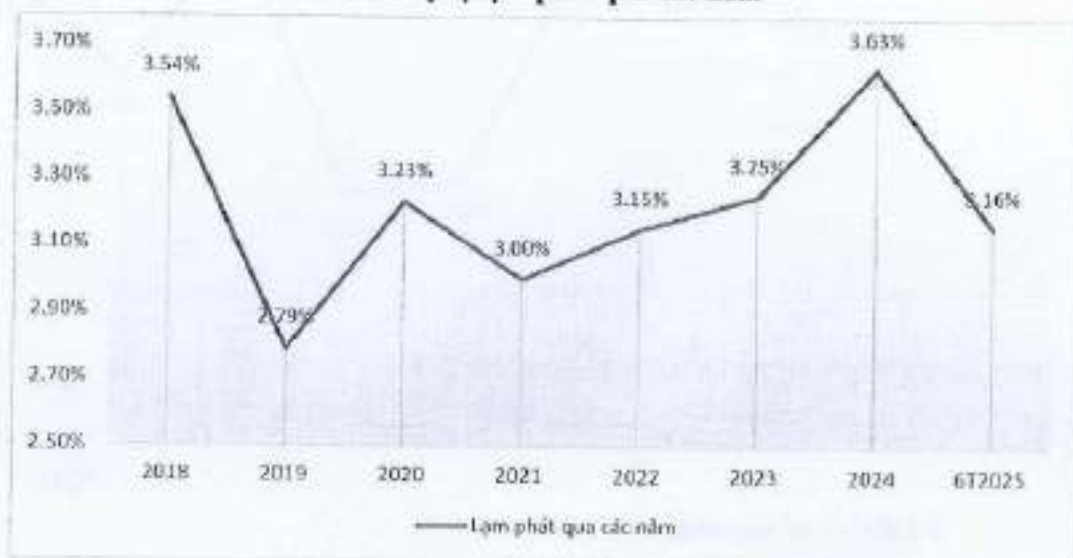
Việc lạm phát vẫn nằm dưới mục tiêu Chính phủ cho thấy Việt Nam đang kiểm soát tốt lạm phát, qua đó bình ổn giá cả các hàng hóa, dịch vụ. Ngược lại, nếu lạm phát vượt quá mục tiêu sẽ khiến cho giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao, sức cầu người tiêu dùng giảm sút.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh



hường bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiểm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

**Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

## 2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

VIETBANK là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở GDCK Hà Nội (UpCom), hoạt động của VIETBANK chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, ... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen và phức tạp khiến cho hoạt động của các Ngân hàng thương mại cổ phần như VIETBANK tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh



tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong ngắn hạn. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

- Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác, dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng của các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm soát) đối với một số vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp nội dung hướng dẫn vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp có thể chưa thống nhất, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.
- Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.
- Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách, pháp luật trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của VIETBANK.

Không có gì đảm bảo rằng, những thay đổi quy định và chính sách nêu trên sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

#### 3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất



hay tỷ giá. Trong phạm vi hoạt động tự doanh của VIETBANK, VIETBANK chỉ phát sinh rủi ro lãi suất, tỷ giá. VIETBANK hiện không phát sinh rủi ro giá vàng, giá cổ phiếu và hàng hóa do không phát sinh hoạt động tự doanh vàng, cổ phiếu, hàng hóa.

Rủi ro lãi suất phát sinh do biến động của bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với danh mục Sổ kinh doanh của Ngân hàng.

Rủi ro về ngoại hối phát sinh do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi VIETBANK có trạng thái ngoại tệ.

### **3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh khi có sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có của Ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo biến động bất lợi của lãi suất sẽ dẫn đến thu nhập sụt giảm, giảm giá trị tài sản, tăng giá trị nợ phải trả và tăng giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng.

### **3.4. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VIETBANK (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

### **3.5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh khoản đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của Ngân hàng khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, để cấp đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt.

### **3.6. Rủi ro tập trung**

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của VIETBANK tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), một đối tác, sản phẩm, giao dịch, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

### **3.7. Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ



có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh,...). Khi đó, VIETBANK sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

### 3.8. Rủi ro đặc thù khác

#### ❖ Rủi ro liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)

Căn cứ theo quy định của Luật Phòng chống rửa tiền số 14/2022/QH15 của Quốc hội ký ngày 15/11/2022: Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có. VIETBANK là một tổ chức tín dụng, vì vậy VIETBANK sẽ đối mặt với rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, rủi ro liên quan đến rửa tiền/tài trợ khủng bố là một thách thức với hệ thống ngân hàng nói chung và VIETBANK nói riêng. Nhằm mục đích hạn chế rủi ro nêu trên, VIETBANK đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả các quy định và yêu cầu của pháp luật, NHNN về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, chống tội phạm tài chính và tuân thủ báo cáo theo Đạo luật FATCA.

Quy định nội bộ VIETBANK về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là “kim chỉ nam” cho toàn thể CBNV tuân thủ theo.

#### ❖ Rủi ro về ngành

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành Ngân hàng. Việc phát triển các sản phẩm tài chính tối ưu góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển dòng vốn trong nền kinh tế. Đồng thời, khách hàng cũng có cơ hội được sử dụng các dịch vụ tài chính hiện đại, phù hợp nhất. Cùng với sự phát triển của ngành Ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các Ngân hàng thương mại về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch...

#### ❖ Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác như: VIETBANK phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng,... Ngoài ra, quá trình số hóa và hiện đại hóa công nghệ lõi cũng tiềm ẩn các rủi ro: khả năng tích hợp hệ thống, rủi ro bảo mật dữ liệu, tuân thủ pháp lý; chi phí đầu tư lớn nhưng hiệu quả không đảm ngay lập tức,...



#### 4. Rủi ro về đợt chào bán

##### 4.1. Rủi ro từ đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu lần này được thực hiện theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu của VIETBANK không có tổ chức bảo lãnh phát hành. Do đó, trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phiếu được phân bổ, và không có nhà đầu tư đăng ký mua tiếp số lượng cổ phiếu còn lại, đợt chào bán có thể không phân phối hết như kế hoạch, dẫn đến rủi ro không huy động đủ số vốn dự kiến.

Điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán và làm chậm quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra của Ngân hàng.

##### 4.2. Rủi ro từ mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025 là 2.709.405.500.000 đồng dự kiến sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn này vẫn tiềm ẩn một số rủi ro, bao gồm:

- **Rủi ro không đạt hiệu quả kỳ vọng:** Trong trường hợp môi trường kinh doanh biến động bất lợi, hoạt động tín dụng tăng trưởng chậm hoặc chất lượng tài sản suy giảm, hiệu quả sử dụng vốn có thể không đạt như dự kiến, ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông.
- **Rủi ro điều hành và giám sát:** Việc phân bổ và sử dụng vốn cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình nội bộ, quy định pháp luật và sự kiểm soát chặt chẽ từ Ban Điều hành, Hội đồng quản trị. Nếu công tác giám sát không được thực hiện đầy đủ, có thể phát sinh rủi ro về quản trị và tuân thủ.

#### 5. Rủi ro pha loãng

##### 5.1. Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Công thức tính:	EPS (cơ bản)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$
- Số lượng cổ phần đang lưu hành;	(1)		821.031.970
- Số lượng cổ phần chào bán đợt này;	(2)		270.940.550
- SLCP lưu hành sau khi chào bán;	(3) = (1)+(2)		1.091.972.520
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (triệu VND);	(4)		900.925
- EPS năm 2024 (VND/cổ phiếu);	(5) = (4)/(1)		1.097



**Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):** có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên mức độ pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần sẽ phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu mà VBB chào bán thành công được trong đợt này.

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot T}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Dự kiến đợt phát hành này sẽ hoàn thành trong Quý IV/2025, EPS năm 2025 có thể bị pha loãng do việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Tuy nhiên, rủi ro từ việc pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS sẽ được hạn chế nếu VIETBANK sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

## 5.2. Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Công thức tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Khoản mục	Đơn vị	Tại 31/12/2024	Tại 30/06/2025
Vốn chủ sở hữu	Triệu Đồng	8.701.053	9.073.487
Số lượng CP lưu hành	CP	713.941.329	713.941.329
- Cổ phiếu quỹ	CP	0	0
Giá trị sổ sách mỗi CP	Đồng	12.187	12.709



Tại ngày 31/12/2024, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán là 12.187 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 30/06/2025, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 30/06/2025 đã được soát xét là 12.709 đồng/cổ phiếu.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành (với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro từ việc pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ được hạn chế nếu VIETBANK sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

### 5.3. Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đợt chào bán ra công chúng thông qua phát hành quyền mua có đối tượng là cổ đông hiện hữu của VIETBANK. Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Do đó, sau đợt chào bán, tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông có thể sẽ bị giảm so với thời điểm trước chào bán nếu cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện không hết số lượng quyền mua được phân bổ trong đợt phát hành lần này.

Việc từ bỏ quyền mua hoặc là nắm giữ cổ phiếu trên thị trường hiện tại bao giờ cũng kèm rủi ro thấp hơn nhiều và không liên lụy trực tiếp vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng có thể so sánh với những rủi ro trực tiếp hoặc gián tiếp đối với lợi ích của nhà đầu tư là cổ đông sở hữu cổ phiếu VBB, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

### 5.4. Pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Giá cổ phiếu VBB sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành cổ phiếu để chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua (tỷ lệ 100 : 33). Giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức sau:

$$P_{ic} = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

Trong đó:

- $P_{ic}$ : là giá tham chiếu của cổ phiếu VBB trong ngày giao dịch không hưởng quyền.
- $P_{t-1}$ : là giá cổ phiếu VBB phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- $I$ : là tỷ lệ vốn tăng.
- $I_R$ : là tỷ lệ vốn tăng liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- $P_R$ : là giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

VI dụ:



Giá sử giá cổ phiếu VBB vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 11.000 đồng/cổ phiếu ( $P_{t-1}$ ). Tỷ lệ tăng vốn cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành lần này là 100 : 33 hoặc 33%. Giá chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu VBB tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{tc} = \frac{11.000 + (33\% \times 10.000)}{1 + 33\%} = 10.752 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

## 6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông Ngân hàng.

## 7. Rủi ro khác

### 7.1. VIETBANK là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

VIETBANK hoạt động theo mô hình ngân hàng TMCP đa dạng hóa về hình thức sở hữu và không phụ thuộc vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tháng 07/2019, VIETBANK có cổ phiếu chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VBB.

VIETBANK chịu áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác (bao gồm cả ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, ngân hàng TMCP, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng ngày càng tăng.

### 7.2. Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

VIETBANK lập các BCTC hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Các thông tin được thể hiện trong Bản Công Bố Thông Tin này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Do VIETBANK hoạt động trong ngành ngân hàng là ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và quy định cụ thể tại Việt Nam.

### 7.3. Các trường hợp bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VIETBANK như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố,... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, Tổ chức là khách hàng của VIETBANK.



**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU.**

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



### III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

Bản Cáo bạch:	Bản công bố thông tin của Ngân hàng về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ đông:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Ngân hàng.
Cổ phần:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu:	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ tức:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
Điều lệ:	Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín thông qua. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
Vốn điều lệ:	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và được thay đổi theo từng thời kỳ.
Tổ chức phát hành:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
Tổ chức kiểm toán:	Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam – là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024 của VIETBANK

#### Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

VIETBANK, Tổ chức phát hành, Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
VBB	Mã cổ phiếu của VIETBANK
MBS :	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
UBCKNN:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT:	Hội đồng quản trị
TGD:	Tổng giám đốc
BKS:	Ban kiểm soát



CNTT:	Công nghệ Thông tin
ISO:	Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
ATM:	Máy rút tiền tự động
CTCP:	Công ty Cổ phần
NHTM:	Ngân hàng Thương mại
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TMCP:	Thương mại Cổ phần
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TCTD:	Tổ chức tín dụng
TCKT:	Tổ chức kinh tế
SGDCK:	Sở Giao dịch chứng khoán
UBND:	Ủy Ban Nhân Dân
USD:	Đồng đô la Mỹ
VND:	Việt Nam Đồng
VPDD:	Văn phòng đại diện
ALCO:	Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Tài Sản Có
HĐTD:	Hội Đồng Tín Dụng
L/C:	Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
CBNV:	Cán bộ nhân viên
QLRR:	Quản lý rủi ro
TTKD:	Trung tâm Kinh doanh
GTCG:	Giấy tờ có giá
KHCN:	Khách hàng Cá nhân
KHDN:	Khách hàng Doanh nghiệp
SXKD:	Sản xuất Kinh doanh
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
KPI:	Key Performance Indicator (chỉ số hiệu suất công việc)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

##### **1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành**

**Tên đầy đủ:** NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

**Tên Tiếng Anh:** VIETNAM THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

**Tên viết tắt:** VIETBANK

**Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài:** VIETBANK

**Mã cổ phiếu:** VBB

**Sàn giao dịch:** UpCOM

**Trụ sở:** Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

**Điện thoại:** (0299) 362 1454

**Fax:** (0299) 362 1858

**Website:** [www.Vietbank.com.vn](http://www.Vietbank.com.vn)

**Biểu tượng (logo):**



**Vốn điều lệ:** 8.210.319.700.000 đồng (theo Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank).

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Trần Tuấn Anh – Tổng Giám đốc.

**Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023.

**Giấy phép hoạt động:** Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của VIETBANK số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023; Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK, Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5 ngày 24/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.

**Ngành nghề kinh doanh chính:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:



- a) Cho vay;
  - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - c) Bảo lãnh ngân hàng;
  - d) Phát hành thẻ tín dụng;
  - e) Bao thanh toán trong nước.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
  4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
    - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
    - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
  5. Mở tài khoản:
    - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
    - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
  6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
  7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
  8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
  9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
  10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
  11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
  12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
19. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
20. Dịch vụ Ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
21. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006, Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của VIETBANK số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 28, ngày 28 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước (cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ); mở tài khoản tại NHNN, tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tài cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của



pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; kinh doanh mua, bán vàng miếng; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; Dịch vụ Ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định; các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của VIETBANK:

<b>Năm 2006</b>	- Thành lập với vốn điều lệ 200 tỷ đồng.
<b>Năm 2007</b>	- VIETBANK chính thức được thành lập, trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới trên toàn quốc; đồng thời VIETBANK cũng khai trương hoạt động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của VIETBANK; - Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
<b>Năm 2008</b>	- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
<b>Năm 2009</b>	- Khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh đầu tiên của VIETBANK tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.
<b>Năm 2010</b>	- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.
<b>Năm 2015</b>	- Liên tiếp được công nhận các giải thưởng uy tín: ✓ Thương Hiệu Uy Tín ✓ Doanh Nghiệp Phát triển Bền Vững 2015 - Hệ thống mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại 11 tỉnh thành trên toàn quốc.
<b>Năm 2016</b>	- Tăng vốn điều lệ lên 3.249 tỷ đồng; - Vinh dự nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”
<b>Năm 2017</b>	- Kỷ niệm 10 năm thành lập; - Chuyển đổi các Quỹ tiết kiệm thành Phòng giao dịch; - Triển khai dự án Corebanking.
<b>Năm 2018</b>	- Tăng vốn điều lệ lên 4.105 tỷ đồng, triển khai nhiều dự án nhằm phát triển VIETBANK theo hướng Digital Banking.
<b>Năm 2019</b>	- Tăng vốn điều lệ lên 4.190 tỷ đồng; - Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi; - Mở mới 18 Trung tâm Kinh doanh tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước;
<b>Năm 2020</b>	- Mở mới thành công 5 chi nhánh trong điều kiện khó khăn của dịch



	<p>Covid-19.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Ngân hàng triển khai công nghệ ngân hàng lõi tốt nhất năm 2020, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020, Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam</li> </ul>
Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 4.777 tỷ đồng.</li> </ul>
Năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tài sản trên 110.000 tỷ đồng;</li> <li>- Nguồn nhân lực chuyên nghiệp và nhiệt huyết 2.600 CBNV;</li> <li>- Mạng lưới hoạt động 118 Trung tâm Kinh doanh trên toàn quốc;</li> <li>- Hàng trăm sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp;</li> <li>- Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022, Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022, Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022; Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022</li> </ul>
Năm 2023	<p>VIETBANK được các tổ chức uy tín vinh danh: Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, Thương hiệu mạnh - Phát triển bền vững, Top 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam &amp; Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam, Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng, Top 10 dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng, Top 10 Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023, Excellence in Innovation... Các giải thưởng này tiếp tục là minh chứng cho sự tin nhiệm của khách hàng, đối tác, cổ đông dành cho VIETBANK</p>
Năm 2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tài sản 162.859 tỷ đồng</li> <li>- Vốn điều lệ 7.139 tỷ đồng</li> <li>- Nguồn nhân lực gần 3.000 CBNV</li> <li>- Mở thêm mới 14 điểm giao dịch, nâng tổng mạng lưới ngân hàng lên 132 TTKD trên toàn quốc.</li> </ul>

Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay, VIETBANK đã đạt được những giải thưởng, danh hiệu và thành tích tiêu biểu như sau:

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	Thương hiệu uy tín – Doanh nghiệp phát triển bền vững 2015	Viện DN Việt Nam
2016	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam



<b>2018</b>	VIETBANK xếp thứ 399/500 VNR 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, xếp thứ 209/500 VNR 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2018.	Vietnamnet
<b>2018</b>	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2018.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
<b>2019</b>	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2019.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
<b>2020</b>	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 (VNR500)	
	Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2020 - “Ngân hàng bán lẻ uy tín”	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
<b>2022</b>	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022	Viet Research và Báo Đầu tư
	Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy – Vietnam Economic Times
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
<b>2023</b>	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2023	Vietnam Report và báo VietNamNet bình chọn
	Top 10 Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng 2023	Viện Khoa học phát triển nhân lực kinh tế và văn hóa kết hợp với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam bình chọn
	Top 10 Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023	Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam



		tổ chức bình chọn
	Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng năm 2023	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và IDG Việt Nam bình chọn
	Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á năm 2023	Tổ chức Enterprise Asia trao tặng
	Thương hiệu mạnh - Phát triển bền vững năm 2023	Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy bình chọn
	Excellence in Innovation	Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard trao tặng
	Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023 (VBE500) & Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023	Viet Research và Báo Đầu tư bình chọn
	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất năm 2023 & Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam 2023 (VNR500)	Vietnam Report và báo VietNamNet bình chọn
<b>2024</b>	Top 10 Thương hiệu mạnh phát triển bền vững 2024	Tạp chí Kinh tế Việt Nam
	Top 10 Doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam	Viet Research phối hợp với Báo Đầu tư
	Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam	
	Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam	Viet Research
	Giải thưởng Công nghệ xuất sắc Việt Nam về an ninh mạng Asian Technology Excellence Awards 2024	Tạp chí Asian Business Review
	Private 100 Giải thưởng dành cho các doanh nghiệp Việt Nam nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2024	CaféF
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2024	Báo Vietnamnet và Tổ chức Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)
<b>2025</b>	Giải thưởng quốc tế Platinum Correspondent Award – Danh hiệu Bạch kim dành cho Ngân hàng đại lý	Habib American Bank (HAB Bank)



### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: VIETBANK

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức của VIETBANK bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ,
- Mạng lưới hoạt động gồm: 1 (một) trụ sở chính, 30 chi nhánh, 102 phòng giao dịch trên cả nước. Danh sách cụ thể như sau:

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Trụ sở chính: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần Thơ
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng	47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần Thơ
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Ngõ Gia Tự	107 - 109 Ngõ Gia Tự, Phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, xã Kế Sách, Tp. Cần Thơ
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, xã Mỹ Tú, Tp. Cần Thơ
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, phường Xuân Hòa, Tp.HCM.
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp.HCM
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, Tp.HCM.
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, phường Vĩnh Hội, Tp.HCM



STT	Tên gọi	Địa chỉ
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Bình Dã	246 - 248 Liên Tỉnh 5, phường Bình Đông, Tp.HCM
10	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, Tp.HCM
11	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng - H5, Khu A, TT-ĐTM-NTP, phường Tân Hưng, Tp.HCM
12	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tri Phương	335 - 337 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Tp.HCM
13	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lý Thường Kiệt	428 - 430 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
14	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, phường Hạnh Thông, Tp.HCM
15	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
16	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Bình Chánh	A11/5 - A11/6 QL1A, Ấp 1, xã Bình Chánh, Tp.HCM
17	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng, Tp.HCM
18	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Trần Nãi	129 Trần Nãi, phường An Khánh, Tp.HCM
19	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, phường Xóm Chiếu, Tp.HCM
20	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Mỹ, Tp.HCM
21	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Tp.HCM
22	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Hàng Xanh	171 Nguyễn Gia Trí, phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM
23	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Quang Trung	635 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, Tp.HCM
24	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lê Trọng Tấn	143 - 145 Lê Trọng Tấn và Số 78 Sơn Kỳ, phường Tân Sơn Nhì, Tp.HCM



STT	Tên gọi	Địa chỉ
25	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Củ Chi	226 Tỉnh Lộ 8, Khu Phố 2, xã Tân An Hội, Tp.HCM
26	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Phổ Quang	Khu GM - Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phổ Quang, phường Đức Nhuận, Tp.HCM
27	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Cộng Hòa	101D Cộng Hòa, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
28	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Tp.HCM
29	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, Tp.HCM
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp.HCM
31	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	Một phần Tầng 1 và một phần tầng Lửng, một phần Tầng 2 tòa nhà số 51 Nguyễn Cư Trinh, phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM
32	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bình Tân	70 - 72 đường số 17A, phường An Lạc, Tp.HCM
33	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Trần Hưng Đạo	874 - 876 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, Tp.HCM
34	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Tân Quý	Một phần Tầng 1 và một phần Tầng 2 căn nhà số 143A Gò Dầu, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
35	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bàu Cát	96 - 98 - 100 Bàu Cát, phường Tân Bình, Tp.HCM
36	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
37	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn	36 - 38 Hậu Giang, phường Bình Tây, Tp.HCM
38	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, phường An Lạc, Tp.HCM
39	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, phường Bình Đông, Tp.HCM
40	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Lê Đại Hành	109 - 111 Lê Đại Hành, phường Minh Phụng, Tp.HCM
41	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Lý Thái Tổ	11A - 11B Hùng Vương, phường Chợ Quán, Tp.HCM



STT	Tên gọi	Địa chỉ
42	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hả, ấp Chánh 1, xã Hóc Môn, Tp.HCM
43	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn</b>	Một phần tầng 1 và một phần tầng 2 số 346-348-350 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
44	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn - PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Tp.HCM
45	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn - PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, phường Thới An, Tp.HCM
46	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn</b>	299 Nguyễn Văn Trỗi, phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM
47	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú, Tp.HCM
48	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Đinh Tiên Hoàng	Tầng trệt, lưng và lầu 1 số 96 Lê Văn Duyệt, phường Gia Định, Tp.HCM
49	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, phường Phước Long, Tp.HCM
50	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội</b>	70 - 72 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Tp Hà Nội
51	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Gia Lâm	01SH15 tòa L26M (S2-18), Ô đất B2-CT04 Dự án khu đô thị Gia Lâm - Vinhomes Ocean Park, xã Gia Lâm, Tp Hà Nội
52	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành Phố Xanh, phường Từ Liêm, Tp.Hà Nội
53	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Đội Cấn	279B - 279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Tp Hà Nội
54	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, phường Ba Đình, Tp Hà Nội
55	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, Tp Hà Nội
56	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, Tp Hà Nội
57	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, phường Đống Đa, Tp Hà Nội
58	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Tp Hà Nội
59	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, Tp Hà Nội



STT	Tên gọi	Địa chỉ
60	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lô Đức	103 -105 Lô Đức, phường Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội
61	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Tp Hà Nội
62	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Tp Hà Nội.
63	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Trung Hòa	Số 3 lô 11B Khu đô thị mới Trung Yên, phường Yên Hòa, Tp Hà Nội
64	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Nguyễn Khánh Toàn	48 Nguyễn Khánh Toàn, phường Nghĩa Đô, Tp Hà Nội
65	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Tây Hồ	Số LKC08, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1 TT1, phường Xuân Đình, Tp Hà Nội
66	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Thành	654 Tân Mai, phường Hoàng Mai, Tp Hà Nội
67	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hoàng Mai	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Tp Hà Nội
68	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, phường Bồ Đề, Tp Hà Nội
69	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Đông	SH-16, SH-19, SH-20 thuộc CC cao cấp H-CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, Tp Hà Nội
70	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	05 Lô 22B đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, Tp Hải Phòng
71	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Trần Nguyễn Hân	268B Trần Nguyễn Hân, phường An Biên, Tp Hải Phòng
72	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Bạch Đằng	199 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, Tp Hải Phòng
73	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Ngô Quyền	25 Đa Nặng, phường Ngô Quyền, Tp Hải Phòng
74	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Lạch Tray	Một phần Tầng 1 tòa nhà SHP Plaza, số 12 Lạch Tray, phường Gia Viên, Tp Hải Phòng
75	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Lê Chân	309 - 311 Tô Hiệu, phường Lê Chân, Tp Hải Phòng.
76	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An	Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An



STT	Tên gọi	Địa chỉ
77	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
78	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.
79	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
80	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Hưng Dũng	85 Nguyễn Phong Sắc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
81	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi	473 - 475 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
82	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Trạch Trụ Tây, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi.
84	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Bình Sơn	450 Phạm Văn Đồng, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
85	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng	119 - 121 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
86	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
87	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
88	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
89	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, Tp Đà Nẵng.
90	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Đồng Đa	265 Đồng Đa, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
91	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, phường An Hải, Tp Đà Nẵng
92	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng
93	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa	Tầng 1, tầng 2, tầng 3 căn nhà số 55A + 55/2 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa



STT	Tên gọi	Địa chỉ
94	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Vĩnh Phước	Số 530 Đường 2 tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
95	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
96	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Vạn Ninh	18 Nguyễn Huệ, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
97	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu</b>	93 Nguyễn Thái Học, phường Tam Thắng, Tp HCM
98	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Đồng Xuyên	383 Đường 30/4, phường Rạch Dừa, Tp.HCM
99	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Bà Rịa, Tp.HCM
100	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, xã Ngãi Giao, Tp.HCM
101	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ</b>	26 - 28 Hòa Bình, phường Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
102	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, Tp Cần Thơ
103	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, phường Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
104	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD Bình Thủy	202 Cách Mạng Tháng 8, phường Bình Thủy, Tp Cần Thơ.
105	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An</b>	292 - 294-296 Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh
106	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
107	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
108	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, xã Đức Hòa tỉnh Tây Ninh
109	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk</b>	160 - 162 - 164 Lê Hồng Phong, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
110	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk - PGD Buôn Hồ	446 - 448 Hùng Vương, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
111	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai	381 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.



SIT	Tên gọi	Địa chỉ
112	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương	303A Đại lộ Bình Dương, phường Thủ Dầu Một, Tp HCM.
113	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD Thuận An	Ô 7, Lô A2, khu nhà thương mại Phú Hồng Lộc, đường 22 tháng 12, phường Thuận Giao, Tp HCM.
114	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD Bến Cát	Số 249, đường Trục CDT.03, phường Bến Cát, Tp HCM
115	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh An Giang	95 Nguyễn Trãi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.
116	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh An Giang - PGD Châu Đốc	79 - 81 Nguyễn Hữu Cánh, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang
117	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Vĩnh Phúc	289 Mê Linh, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.
118	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	12 Âu Cơ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
119	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp - PGD Hồng Ngự	56 - 58 Lê Hồng Phong, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
120	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ninh	131 Đường 25/4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh
121	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ninh - PGD Bãi Cháy	595 Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
122	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Nam	592 Hai Bà Trưng, phường Hội An, Tp Đà Nẵng
123	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	164 - 166 - 168 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
124	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang - PGD Kiên Lương	Nền 19 - 20 Lô L2, đường số 6, khu phố Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang
125	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang - PGD Hà Tiên	01 Trần Hữu, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.
126	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định	112 Trần Phú, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
127	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định - PGD Tam Quan	381 Quang Trung, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai
128	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Ninh	314 Trần Hưng Đạo, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh
129	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa	46 - 48 Trần Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
130	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng	121 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
131	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau	295 - 297 Nguyễn Tất Thành, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau



STT	Tên gọi	Địa chỉ
132	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Phước	20 An Dương Vương, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

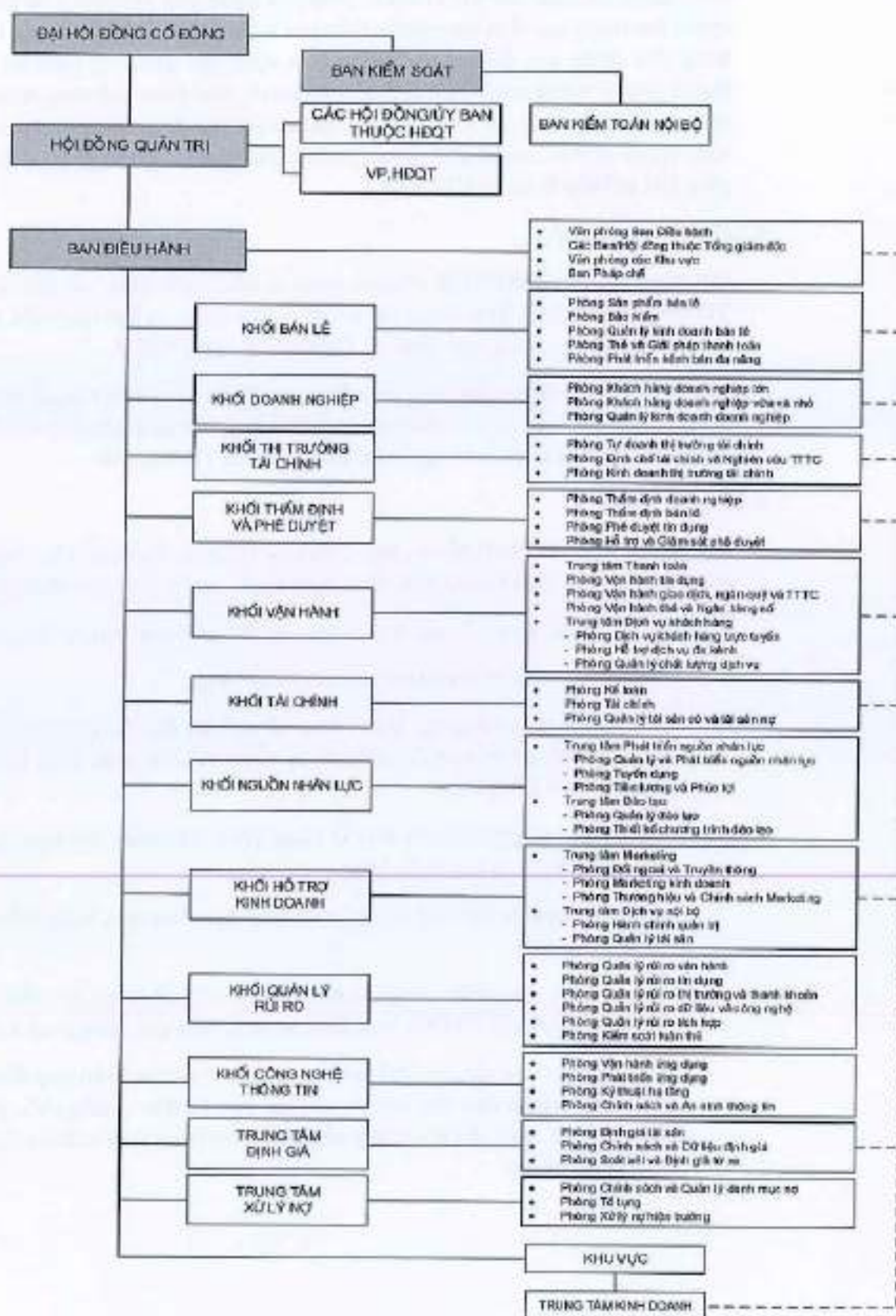
Ngân hàng có một (01) Công ty con sở hữu trực tiếp: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín (VIETBANK AMC).

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



## 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị của Tổ chức phát hành





#### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCD) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VIETBANK, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VIETBANK.

#### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VIETBANK để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.

HDQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến VIETBANK.

#### 4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCD bầu ra, thực hiện việc giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD, HDQT.

Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Kiểm soát là Ban Kiểm toán nội bộ, có chức năng sau:

- Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.
- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của VIETBANK.
- Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
- Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm VIETBANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước, nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; Là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.



#### **4.4. Ban điều hành**

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Đứng đầu Ban Điều hành của Ngân hàng là Tổng Giám đốc, sau đó là các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của VIETBANK.

Hiện nay, VIETBANK có 04 (bốn) Phó Tổng giám đốc là thành viên trong Ban Điều hành và 01 (một) Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

Các Đơn vị trực thuộc Ban Điều hành bao gồm:

- i. Văn phòng Ban Tổng Giám đốc: Có các chức năng sau:
  - Đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin giữa Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị (HDQT)/Thường trực HDQT, các Hội đồng - Ủy ban trực thuộc HDQT, Ban Kiểm soát, (các) thành viên Ban điều hành, Khu vực, Khối/Trung tâm/Ban/Phòng, Văn phòng, Trung tâm kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác bên ngoài VIETBANK.
  - Kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc triển khai các chủ trương, quy định, các chương trình hành động và các ý kiến chỉ đạo của Tổng giám đốc.
  - Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ Ngân hàng, bao gồm cả công tác của Ban Giám đốc lưu động.
  - Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu VIETBANK.
  - Thư ký cho các Thành viên Ban Tổng giám đốc.
  - Lễ tân, khánh tiết cho các Thành viên Ban Tổng giám đốc.
  - Các chức năng khác do Tổng giám đốc phân công trong từng thời kỳ.
- ii. Ban Pháp chế: Có các chức năng sau:
  - Quản lý danh mục hệ thống văn bản lập quy của VIETBANK.
  - Soạn thảo và thẩm định hệ thống văn bản nội bộ của VIETBANK đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và thống nhất trong các văn bản nội bộ.
  - Xây dựng, quản lý hệ thống phân quyền, ủy quyền trong toàn hệ thống.
  - Tư vấn pháp lý cho toàn hệ thống.
  - Xây dựng, quản lý hệ thống mẫu biểu Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo đảm (trừ các biểu mẫu Hợp đồng/Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng bảo đảm ban hành theo sản phẩm, quyết định của cấp có thẩm quyền) và thẩm định các hợp đồng mẫu có liên quan



đến hoạt động kinh doanh của VIETBANK.

- Xây dựng Sổ tay pháp lý.
- Hỗ trợ, tham gia các công tác tổ tụng (tất cả các tranh chấp liên quan đến hoạt động của VIETBANK, trừ các tranh chấp trong hoạt động cấp tín dụng, công tác xử lý nợ).
- Quản lý và tổ chức thực hiện việc tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của VIETBANK.
- Thực hiện công tác thông tin, đào tạo pháp lý.
- Góp ý văn bản pháp luật theo yêu cầu của Hiệp hội Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Các chức năng khác do Tổng giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

iii. Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn và các Hội đồng/Ban khác trực thuộc Tổng Giám đốc.

- Hội đồng ALCO:

Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài sản Có – tài sản Nợ của VIETBANK, bao gồm:

+ Quản lý bảng cân đối tài sản Có – tài sản Nợ hiệu quả, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro của VIETBANK;

+ Quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng;

+ Rà soát, tham mưu, đề xuất thời điểm, tiến độ triển khai kế hoạch (kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, ...), nguyên tắc xây dựng giá điều chuyển vốn nội bộ, mô hình tài chính ngắn hạn, trung hạn liên quan đến cơ cấu tài sản Có – tài sản Nợ của VIETBANK phù hợp với chiến lược kinh doanh của VIETBANK;

+ Tham mưu, đề xuất quy trình, phương pháp quản lý tài sản Nợ - tài sản Có của VIETBANK (Quy định phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản, Quy trình quản lý, điều khoản thanh khoản trong ngày; Quy định phương pháp quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; Phương pháp điều hòa vốn nội bộ (FTP));

+ Quản lý hệ thống đo lường, đánh giá thường xuyên rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, theo quy định của NHNN và của VIETBANK. Xác định các giới hạn chỉ số rủi ro mà VIETBANK có thể chấp nhận đối với rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, từ đó quyết định hoặc trình HĐQT kế hoạch, biện pháp hạn chế/ngăn chặn các loại rủi ro nêu trên.

- Hội đồng rủi ro:

Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc:

+ Lập quy trình xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro;



+ Thực hiện chính sách quản lý rủi ro và đánh giá chính sách quản lý rủi ro theo quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ;

+ Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ; thực hiện các biện pháp xử lý khi không đáp ứng được các hạn mức rủi ro;

+ Tổ chức thực hiện chỉ đạo của HĐQT trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

+ Giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận, ý kiến tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro đã được HĐQT ghi nhận/thông qua;

+ Chức năng khác theo quy định từng thời kỳ.

- Hội đồng quản lý vốn:

Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc:

+ Thực hiện đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn dựa trên cơ sở Kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt cho tối thiểu 03 năm nhưng không quá 05 năm tiếp theo theo Quyết định số 89/2020/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 về Quy chế đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ;

+ Theo dõi lộ trình thực hiện kế hoạch vốn đã được thông qua và tham mưu kế hoạch định hướng cho Tổng Giám đốc;

+ Thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế đối với đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

#### 4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị/Thường trực Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị (trừ Hội đồng tín dụng) trong việc thực hiện chức năng quản trị VIETBANK và các Công ty con.

Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:

- Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị;
- (Các) Phó Chánh Văn phòng;
- Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng;
- Thư ký Hội đồng quản trị;
- Các Trưởng Bộ phận, các Trợ lý/Thư ký Ban Lãnh đạo (cấp HĐQT/Thường trực HĐQT);



- Các Chuyên gia cấp cao, Chuyên gia, Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên;
- Các nhân viên.

#### 4.6. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT

##### 4.6.1. Ủy ban quản lý rủi ro

Chức năng của Ủy ban quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc: ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIETBANK; tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VIETBANK trước những nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của VIETBANK để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy định chính sách, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị thông qua quyết định đầu tư, các hợp đồng, giao dịch có liên quan; quyết định chính sách quản trị và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VIETBANK trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị giao.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

##### 4.6.2. Ủy ban nhân sự

Chức năng của Ủy ban nhân sự:

- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của VIETBANK.
- Thay mặt HĐQT quyết định những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự trong phạm vi được HĐQT ủy quyền.
- Giúp việc cho HĐQT trong việc thẩm định, đánh giá, phê duyệt về chiến lược, định hướng, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của ngân hàng; tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề chuyên môn về đào tạo nguồn nhân lực thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT.

##### 4.6.3. Hội đồng xử lý rủi ro

Chức năng của Hội đồng xử lý rủi ro:

- ❖ Quản lý chính sách dự phòng rủi ro tín dụng:



- Phê duyệt chính sách dự phòng rủi ro tín dụng;
- Quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;
- Phê duyệt báo cáo tổng hợp về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt.
- ❖ Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp xử lý và thu hồi đối với nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro:
  - Miễn, giảm lãi vay, khoan nợ (tạm dừng thu gốc, tạm dừng tính lãi), xóa nợ gốc từng phần hoặc toàn phần theo Quy chế miễn, giảm lãi của VIETBANK và các quy định có liên quan.
  - Mua, bán nợ (kể cả trong trường hợp bán nợ mà không thu đủ nợ gốc);
  - Nhận tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ và bán lại tài sản bảo đảm đã nhận cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
  - Các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm khác để thu hồi nợ (kể cả trong trường hợp không thu đủ nợ gốc);
  - Sử dụng dịch vụ thu hồi nợ;
  - Các biện pháp thu hồi nợ khác theo chính sách của VIETBANK trong từng thời kỳ.

#### 4.7. Các khối chức năng tại Hội sở chính

Đối với các Khối nghiệp vụ tại Hội sở: bao gồm 10 Khối và 02 Trung tâm như sau:

##### 4.7.1. Khối Bán lẻ

Đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ bao gồm:

##### ❖ Phòng Sản phẩm cá nhân

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản phẩm, dịch vụ và chính sách bán hàng nhằm phát triển quy mô, thị phần, gia tăng hiệu quả kinh doanh dành cho khách hàng cá nhân (KHCN).
- Xây dựng, cải tiến, phát triển các chương trình khuyến mãi, chương trình chăm sóc bán hàng nhằm phát triển sản phẩm và dịch vụ dành cho KHCN.
- Quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm, dịch vụ, khách hàng và chính sách bán hàng dành cho KHCN đến từng đơn vị kinh doanh trong toàn hàng.
- Hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ, tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, khó khăn vướng mắc của TTKD, đội ngũ bán hàng với các sản phẩm, dịch vụ và chính sách bán hàng dành cho KHCN.



- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ, khách hàng và chính sách bán hàng dành cho KHCN.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao phân công trong từng thời kỳ.

#### ❖ Phòng Bảo hiểm

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm bao gồm Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm phi nhân thọ, trực tiếp hoặc phối hợp với đối tác để xây dựng sản phẩm, chính sách bán hàng nhằm phát triển quy mô, thị phần, gia tăng hiệu quả kinh doanh mảng bảo hiểm.
- Xây dựng mô hình/chính sách, triển khai hợp tác nghiệp vụ bảo hiểm tại ngân hàng (mô hình Bancassurance).
- Huấn luyện và đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng liên quan đến việc triển khai tư vấn sản phẩm bảo hiểm.
- Xử lý thông tin và phản hồi của khách hàng về sản phẩm, chất lượng dịch vụ, bồi thường, chăm sóc sau bán hàng.
- Phối hợp thực hiện hoặc trực tiếp triển khai các chương trình, chiến dịch bán hàng và thúc đẩy hoạt động kinh doanh, thu hút khách hàng tham gia bảo hiểm trên toàn hệ thống.
- Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao phân công trong từng thời kỳ.

#### ❖ Phòng Quản lý kinh doanh cá nhân

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch cho Khối Bán lẻ trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Xây dựng và quản lý KPIs của Khối Bán lẻ, các đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ, các Khu vực và các Trung tâm kinh doanh ("TTKD") về mảng cá nhân.
- Xây dựng, quản lý chính sách và đánh giá kết quả KPIs dành cho lực lượng bán hàng, cán bộ quản lý thuộc mảng cá nhân tại TTKD.
- Xây dựng định hướng, chiến lược và tổ chức hoạt động thúc đẩy kinh doanh mảng cá nhân trong toàn hệ thống.
- Xây dựng kế hoạch hành động, theo dõi, đôn đốc hoạt động bán hàng tại các Khu vực/TTKD liên quan đến sản phẩm, dịch vụ cá nhân.
- Quản lý danh mục Khách hàng, danh mục nợ.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển các sản phẩm, dịch



vụ thuộc quản lý của Phòng.

- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Thẻ và Giải pháp thanh toán**

- Trực tiếp xây dựng và/hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản phẩm, dịch vụ thẻ (nội địa, quốc tế) và giải pháp thanh toán, các gói sản phẩm/dịch vụ kết hợp, sản phẩm/dịch vụ theo đối tượng khách hàng, phân nhóm khách hàng, các chính sách bán hàng (về lãi suất, phí) nhằm phát triển quy mô, thị phần, gia tăng hiệu quả kinh doanh dành cho khách hàng cá nhân ("KHCN").
- Phát triển hợp tác với các đối tác là Tổ chức thẻ, Tổ chức chuyển mạch, Trung gian thanh toán, các công ty Fintech, công ty dịch vụ tìm kiếm phát triển đối tác, khách hàng trong việc phát triển để gia tăng tiện ích sản phẩm, dịch vụ thẻ và giải pháp thanh toán của VIETBANK, đẩy mạnh phân phối sản phẩm, dịch vụ thẻ và giải pháp thanh toán của VIETBANK đến khách hàng.
- Quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm, dịch vụ thẻ và giải pháp thanh toán từ đơn vị kinh doanh đến toàn hàng và theo từng đối tác, tổ chức thẻ hợp tác với VIETBANK.
- Thực hiện công tác bán hàng và thúc đẩy bán hàng.
- Hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ, tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, khó khăn vướng mắc của TTKD, đội ngũ bán hàng với các sản phẩm, dịch vụ thẻ và giải pháp thanh toán.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ thuộc quản lý của Phòng.
- Chức năng khác theo phân công của Tổng giám đốc trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Phát triển kênh bán đa năng**

- Đầu mối nghiên cứu sản phẩm chuyển đổi số tại Khối Bán lẻ, tiếp nhận các yêu cầu sản phẩm, dịch vụ truyền thống sang sản phẩm số.
- Xây dựng, thiết kế, cải tiến để nâng cao trải nghiệm người dùng trên các kênh giao dịch số của VIETBANK dành cho khách hàng cá nhân như: Mobile app, website và Internet banking và các kênh điện tử khác (nếu có).
- Triển khai bán hàng qua kênh số.
- Triển khai công cụ phát triển khách hàng mới qua kênh digital (mạng xã hội) song song kênh phân phối truyền thống VIETBANK.
- Trực tiếp thực hiện và/hoặc phối hợp với Phòng Thẻ và Giải pháp thanh toán để hợp tác và liên kết các tổ chức trung gian thanh toán, các Công ty Fintech trong và ngoài nước để gia tăng tiện ích sản phẩm, dịch vụ thanh toán số đa dạng, tăng khai thác khách hàng bán chéo, tiết kiệm chi phí và nguồn lực của VIETBANK.
- Phối hợp với Trung tâm Marketing xây dựng công cụ truyền thông số phù hợp với nhu



cầu của khách hàng khi ra mắt sản phẩm công nghệ mới.

- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ thuộc quản lý của Phòng.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### **4.7.2. Khối Doanh nghiệp**

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp bao gồm:

##### **❖ Phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn**

- Tham mưu cho Ban Giám đốc khối về chiến lược, định hướng liên quan đến hoạt động kinh doanh của Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) lớn và KHDN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).
- Phát triển nền tảng KHDN Lớn và FDI.
- Hỗ trợ kết nối, chăm sóc KHDN Lớn và FDI.
- Quản lý quan hệ đối tác và phát triển chuỗi hệ sinh thái.
- Phân tích chuyên sâu về khách hàng và thị trường để phát triển các sản phẩm và dịch vụ đặc thù.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chăm sóc và phát triển KHDN Lớn và FDI.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ**

- Nghiên cứu đánh giá và cập nhật định kỳ thông tin thị trường, thông tin các sản phẩm dịch vụ để phát triển mới, hoặc cải tiến các sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) vừa và nhỏ (SME).
- Quản lý danh mục sản phẩm và quản lý rủi ro.
- Phát triển nền tảng Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME).
- Quản lý vận hành, đảm bảo hiệu quả triển khai các sản phẩm dịch vụ và giải pháp thuộc phạm vi phụ trách.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Quản lý kinh doanh doanh nghiệp**

- Thúc đẩy hoạt động bán hàng toàn Khối Doanh nghiệp (DN).
- Quản trị, hỗ trợ hoạt động vận hành kinh doanh hàng ngày của Khối DN.
- Quản trị hiệu suất toàn Khối DN.



- Quản trị danh mục khách hàng và các ngưỡng kiểm soát liên quan đến danh mục khách hàng doanh nghiệp (KHDN).
- Quản trị chất lượng tín dụng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển và vận hành kinh doanh.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### **4.7.3. Khối Thị trường tài chính**

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính bao gồm:

##### **❖ Phòng Tự doanh thị trường tài chính**

- Tự doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.
- Phối hợp và hỗ trợ Khối Tài chính điều hòa thanh khoản thực tế trong ngày.
- Tự doanh vốn trên thị trường Liên ngân hàng.
- Tự doanh và đầu tư (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp) trên thị trường 2.
- Tự doanh và đầu tư giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính trên thị trường 2.
- Tự doanh và đầu tư các sản phẩm phái sinh liên quan đến các sản phẩm thuộc chức năng của Phòng Tự doanh thị trường tài chính trên thị trường 2.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tự doanh và đầu tư thuộc chức năng của Phòng Tự doanh thị trường tài chính của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên thị trường 2.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Định chế tài chính và Nghiên cứu TTTC**

- Khai thác, phát triển kinh doanh và duy trì quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong và ngoài nước.
- Công tác đánh giá, phân tích, xét cấp và quản lý hạn mức giao dịch trên thị trường 2.
- Công tác quan hệ với Ngân hàng Đại lý của VIETBANK.
- Nâng cao hình ảnh và thương hiệu VIETBANK trên thị trường trong và ngoài nước.
- Lập kế hoạch và triển khai công tác nghiên cứu thị trường tài chính.
- Kiểm soát độc lập tất cả các giao dịch của Khối liên quan đến các rủi ro đã nhận biết được (Rủi ro đối tác, rủi ro tín dụng); nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong



công tác xây dựng các sản phẩm tài chính, bao gồm không giới hạn các loại sản phẩm tài chính thuộc chức năng nghiệp vụ Khối Thị trường tài chính.

- Thực hiện tính toán phân bổ hạn mức rủi ro đối tác và các hạn mức rủi ro liên quan khác cho các nghiệp vụ kinh doanh trong Khối, đảm bảo duy trì tổng hạn mức trong giới hạn cho phép được phân bổ và phối hợp với các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ Hội sở (bao gồm các phòng nghiệp vụ thuộc Khối Tài chính, Khối Quản lý rủi ro, Khối Thẩm định và phê duyệt,...) để đảm bảo duy trì hệ số CAR toàn hàng định kỳ theo quy định.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quan hệ đối tác, đánh giá, phân tích, cấp xét hạn mức, phát triển kinh doanh và các nghiệp vụ khác thuộc chức năng của Phòng.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Kinh doanh thị trường tài chính**

- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng của TTKD.
- Triển khai Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng của TTKD.
- Triển khai hoạt động kinh doanh Vàng theo quy định của NHNN nói chung và của VIETBANK nói riêng.
- Phát hành Giấy tờ có giá gồm: Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu và các giấy tờ có giá khác của VIETBANK.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh thuộc chức năng của Phòng.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**4.7.4. Khối Thẩm định và Phê duyệt**

Đơn vị trực thuộc Khối Thẩm định và Phê duyệt bao gồm:

❖ **Phòng Tái thẩm định doanh nghiệp**

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Thẩm định và Phê duyệt về chiến lược, định hướng phát triển công tác thẩm định/tái thẩm định tín dụng doanh nghiệp (bao gồm: cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và cấp hạn mức giao dịch/đầu tư đối với các định chế tài chính).
- Thẩm định/tái thẩm định và cho ý kiến đánh giá độc lập đối với các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng doanh nghiệp theo quy định của VIETBANK để tham mưu cho cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định tín dụng doanh nghiệp.



- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ cấp tín dụng liên quan đến khách hàng doanh nghiệp.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Tái thẩm định cá nhân**

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Thẩm định và Phê duyệt về chiến lược, định hướng phát triển công tác thẩm định/tái thẩm định tín dụng đối với khách hàng cá nhân (bao gồm thẻ tín dụng), thẩm định thực địa khách hàng hỗ trợ cho cấp phê duyệt tín dụng.
- Thẩm định/tái thẩm định và cho ý kiến đánh giá độc lập đối với các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng khách hàng cá nhân (bao gồm thẻ tín dụng), thẩm định thực địa hỗ trợ cho cấp phê duyệt tín dụng theo quy định của VIETBANK để tham mưu cho cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định tín dụng đối với khách hàng cá nhân (bao gồm thẻ tín dụng), thẩm định thực địa hỗ trợ cho cấp phê duyệt tín dụng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ cấp tín dụng liên quan đến khách hàng cá nhân (bao gồm thẻ tín dụng), thẩm định thực địa khách hàng.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Phê duyệt tín dụng**

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Thẩm định và Phê duyệt về chiến lược, định hướng phát triển công tác phê duyệt tín dụng.
- Xem xét, đánh giá và ra quyết định phê duyệt trong phạm vi mức phán quyết được giao đối với các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng theo quy định của VIETBANK.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động phê duyệt tín dụng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động phê duyệt tín dụng.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Hỗ trợ và Giám sát phê duyệt**

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Thẩm định và Phê duyệt về chiến lược, định hướng phát triển công tác quản lý phân quyền phán quyết và thẩm quyền phê duyệt tín dụng, phân luồng và hỗ trợ bộ máy phê duyệt tín dụng, cải tiến quy trình nhằm nâng cao chất lượng và tổ chức giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng.
- Thực hiện phân luồng hồ sơ lên cấp phê duyệt (bao gồm các cấp Chuyên gia phê duyệt, Ban Tín dụng, Hội đồng tín dụng, Chuyên gia phê duyệt cấp cao, Hội đồng tín dụng cấp cao).
- Tổ chức các phiên họp, lập biên bản phán quyết cấp tín dụng/phê duyệt cấp tín dụng.
- Quản lý phân quyền phán quyết cấp tín dụng của hệ thống phê duyệt tín dụng.



- Theo dõi, giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định và phê duyệt trong Khối và chất lượng phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động quản lý phân quyền phán quyết và thẩm quyền phê duyệt tín dụng, phân luồng và hỗ trợ bộ máy phê duyệt tín dụng, cải tiến quy trình nhằm nâng cao chất lượng và tổ chức giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng, giám sát các điều kiện phê duyệt đối với các khoản cấp tín dụng lớn theo quy định trong từng thời kỳ.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý phân quyền phán quyết và thẩm quyền phê duyệt tín dụng, phân luồng và hỗ trợ bộ máy phê duyệt tín dụng, cải tiến quy trình nhằm nâng cao chất lượng và tổ chức giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### 4.7.5. Khối Vận hành

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành bao gồm:

##### ❖ Trung tâm Thanh toán

- Quản lý tập trung hoạt động thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế.
- Quản lý các hệ thống thanh toán tại VIETBANK (Citad, Swift, VCB Money và các công thanh toán khác theo từng thời kỳ).
- Quản lý tài khoản Nostro, tài khoản VIETBANK mở tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN), các Định chế tài chính và Tài khoản Vostro của các Định chế tài chính mở tại VIETBANK.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Trung tâm.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thanh toán.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### ❖ Phòng Vận hành Tín dụng

- Tổ chức, xây dựng và triển khai các chính sách liên quan đến hoạt động vận hành tín dụng.
- Kiểm soát, cải tiến chất lượng và giám sát hoạt động nghiệp vụ vận hành tín dụng.
- Tổ chức thực hiện thủ tục bảo đảm tiền vay.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản bảo đảm tại kho tập trung.
- Tổ chức kiểm tra và tác nghiệp tập trung vận hành tín dụng.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành tín dụng.



- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Vận hành giao dịch, ngân quỹ & Thị trường tài chính**

- Quản lý ngành dọc về hoạt động Dịch vụ khách hàng tại kênh phân phối.
- Kiểm soát hoạt động giao dịch đối với kênh giao dịch tại quầy.
- Quản lý và triển khai tác nghiệp vận hành giao dịch tập trung.
- Quản lý ngành dọc về nhân sự và hoạt động ngân quỹ, công tác an toàn kho quỹ trong toàn hệ thống.
- Tổ chức triển khai hoạt động ngân quỹ tập trung.
- Kiểm soát hoạt động ngân quỹ, an toàn kho quỹ.
- Tổ chức thực hiện, quản lý và tác nghiệp giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính trên thị trường liên ngân hàng.
- Kiểm soát giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính trên thị trường liên ngân hàng.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý vận hành giao dịch, ngân quỹ và tác nghiệp thị trường tài chính.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Vận hành thẻ và Ngân hàng số**

- Sản xuất cá thể hóa thẻ.
- Quản lý và vận hành hoạt động phát hành và giao nhận thẻ và PIN.
- Tác nghiệp tập trung hoạt động vận hành, thanh toán thẻ, ATM, POS và Ngân hàng số.
- Quản lý rủi ro và giám sát, phòng chống gian lận giao dịch thẻ, ATM, POS và Ngân hàng số.
- Quản lý và vận hành hoạt động hệ thống ATM, POS.
- Quản lý và vận hành các hoạt động về giao dịch trên thẻ, ATM, POS và Ngân hàng số.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành thẻ, ATM, POS và Ngân hàng số.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Dịch vụ khách hàng trực tuyến**

- Tổ chức, quản lý, vận hành tổng đài đa kênh (gồm: Hotline, Email, Webchat, Messenger facebook, Zalo, và các kênh khác phát sinh theo từng thời kỳ) của



**VIETBANK.**

- Tổ chức giao tiếp khách hàng qua tổng đài đa kênh của VIETBANK.
- Tổ chức và xử lý các nghiệp vụ qua tổng đài đa kênh của VIETBANK theo quy trình và theo yêu cầu của khách hàng.
- Triển khai hoạt động bán hàng qua tổng đài đa kênh của VIETBANK (Telesales).
- Triển khai hoạt động chăm sóc khách hàng sau bán.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành hệ thống tổng đài đa kênh của VIETBANK.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**❖ Phòng Hỗ trợ dịch vụ đa kênh**

- Xây dựng và tổ chức kiểm soát chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng qua tổng đài đa kênh (gồm: Hotline, Email, Webchat, Messenger facebook, Zalo, và các kênh khác phát sinh theo từng thời kỳ) của VIETBANK.
- Hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên của Trung tâm Dịch vụ khách hàng.
- Phân tích dữ liệu nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.
- Xây dựng, cải tiến, giám sát hệ thống tổng đài đa kênh nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác hỗ trợ dịch vụ đa kênh.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**❖ Phòng Quản lý chất lượng dịch vụ**

- Quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Quản lý việc thực hiện 5S trên toàn hệ thống.
- Xây dựng, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của ISO 9001.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**4.7.6. Khối Tài chính**



Đơn vị trực thuộc Khối Tài chính bao gồm:

❖ **Phòng Kế Toán**

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn để quản lý công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Giám sát việc thực hiện hệ thống, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán đúng quy định.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Tài chính**

- Thiết lập, theo dõi và kiểm soát hoạt động sử dụng ngân sách của Ngân hàng.
- Quản trị hiệu quả sử dụng chi phí của Ngân hàng.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và đánh giá việc thực hiện kế hoạch hướng đến kết quả chung của Ngân hàng.
- Tài chính quản trị.
- Quản trị liệu liên quan đến các nghiệp vụ tài chính và quản lý hệ thống báo cáo thống kê theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán quản trị của VIETBANK.
- Chức năng khác do Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Quản lý Tài sản có và Tài sản nợ**

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý và giám sát hiệu quả bằng cân đối kế toán.
- Thực hiện công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.
- Quản lý vốn tự có, kế hoạch vốn.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**4.7.7. Khối nguồn nhân lực**

Đơn vị trực thuộc Khối Nguồn nhân lực bao gồm:

a) **Trung tâm phát triển nguồn nhân lực**

❖ **Phòng Quản lý và Phát triển nguồn nhân lực**



- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực, Ban Giám đốc Trung tâm Phát triển Nguồn nhân lực về chiến lược, định hướng về chính sách phát triển nguồn nhân lực toàn hàng theo nguyên lý chuỗi cung ứng nhân lực bao gồm từ tuyển dụng, đào tạo và phát triển, lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, gắn kết nhân tài với tổ chức.
- Quản lý quan hệ lao động (QHLD) giữa VIETBANK và cán bộ nhân viên (CBNV).
- Giải quyết tranh chấp lao động và xử lý kỷ luật lao động.
- Quản lý hệ thống thông tin nhân sự và dữ liệu nhân viên.
- Tham mưu xây dựng các chính sách nhân sự, gắn kết nhân viên, cải thiện môi trường làm việc và phát triển nhân sự tiềm năng.
- Quản lý cơ cấu tổ chức.
- Quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc, đánh giá nhân sự.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xử lý quan hệ lao động.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### ❖ Phòng Tuyển dụng

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực, Ban Giám đốc Trung tâm Phát triển Nguồn nhân lực về chiến lược, định hướng trong công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài, nâng cao thương hiệu nhà tuyển dụng.
- Xây dựng và quản lý nguồn tuyển dụng.
- Lập kế hoạch và tổ chức tuyển dụng nhân sự.
- Tham mưu xây dựng, quản lý, triển khai chính sách về tuyển dụng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tuyển dụng.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### ❖ Phòng Tiền lương và Phúc lợi

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực, Ban Giám đốc Trung tâm Phát triển Nguồn nhân lực về chiến lược, định hướng trong công tác liên quan đến lương, thưởng và phúc lợi.
- Tham mưu xây dựng và triển khai quy chế về lương, thưởng và phúc lợi.
- Tham mưu xây dựng chính sách phúc lợi nhân sự.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tiền lương, thưởng cho CBNV.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### b) Trung tâm đào tạo

#### ❖ Phòng Quản lý đào tạo



- Xây dựng kế hoạch đào tạo và ngân sách đào tạo ngắn, trung, dài hạn.
- Triển khai và giám sát các chương trình đào tạo theo kế hoạch được phê duyệt.
- Quản lý và triển khai ngân sách đào tạo.
- Tổ chức lớp học.
- Quản lý lớp học.
- Liên lạc với giảng viên và học viên.
- Phụ trách các công tác hậu cần phục vụ cho lớp học.
- Thống kê phiếu đánh giá, lập báo cáo về khóa học.
- Thực hiện bản tin nội bộ.
- Quản lý, hồ sơ dữ liệu đào tạo của cán bộ nhân viên toàn hàng.
- Quản lý tài sản của Trung tâm đào tạo.
- Tham mưu xây dựng, quản lý, triển khai chính sách đào tạo.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý đào tạo.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Thiết kế chương trình đào tạo**

- Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo ngắn, trung, dài hạn.
- Xây dựng và chỉnh sửa hoàn thiện chương trình/tài liệu đào tạo.
- Đảm bảo số lượng, chất lượng giảng viên đào tạo các chuyên đề đào tạo và tham gia giảng dạy tại lớp.
- Quản lý hệ thống E-Learning và các phần mềm, phần cứng, công nghệ phục vụ cho công tác đào tạo.
- Quản lý ngân hàng đề thi trên hệ thống E-learning, hệ thống sát hạch và vận hành các kỳ thi sát hạch.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác giảng dạy, vận hành hệ thống E-Learning và khảo thí.
- Tham mưu, xây dựng, quản lý, triển khai chính sách về chương trình đào tạo, giảng viên, hệ thống
- E-Learning và khảo thí.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**4.7.8. Khối Hỗ trợ kinh doanh**



Đơn vị trực thuộc Khối Hỗ trợ kinh doanh bao gồm:

**a) Trung tâm Marketing**

**❖ Phòng Đối ngoại và Truyền thông**

- Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của VIETBANK.
- Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thông tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...
- Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho VIETBANK.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của VIETBANK trên mọi kênh tương tác.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các sự kiện cấp ngân hàng của VIETBANK.
- Xây dựng, quản lý các nội dung truyền thông, kiểm soát và xử lý thông tin/sự cố/khủng hoảng truyền thông.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác truyền thông và quan hệ công chúng.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

**❖ Phòng Marketing kinh doanh**

- Tổ chức công tác Nghiên cứu thị trường và Thấu hiểu khách hàng.
- Tổ chức công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của VIETBANK.
- Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp...đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
- Phối hợp với các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, chương trình khách hàng thân thiết.
- Tổ chức hoạt động Marketing kỹ thuật số trên toàn hệ thống.



- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Thương hiệu và Chính sách Marketing**

- Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của VIETBANK.
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu VIETBANK trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
- Thiết kế hình ảnh, thương hiệu VIETBANK.
- Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing tổng thể và quản lý kế hoạch chi phí Marketing của Trung tâm.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển thương hiệu và hoạt động Marketing của VIETBANK.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**b) Trung tâm dịch vụ nội bộ**

❖ **Phòng Hành chính quản trị**

- Công tác Lễ tân, khánh tiết.
- Công tác Hành chính quản trị.
- Công tác An ninh – An Toàn.
- Công tác Mua sắm – Quản lý hợp đồng.
- Tham mưu xây dựng, quản lý triển khai chính sách liên quan đến chức năng của Phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác an toàn an ninh, hành chính và mua sắm.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.
- Phòng Quản lý tài sản Công tác Xây dựng cơ bản.
- Công tác Phát triển mạng lưới.
- Công tác quản lý tài sản cố định và công cụ lao động.
- Công tác quản lý bất động sản và văn phòng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản, phát triển



mạng lưới và xây dựng cơ bản.

- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### **4.7.9. Khối Quản lý rủi ro**

Đơn vị trực thuộc Khối Quản lý rủi ro bao gồm:

##### **❖ Phòng Quản lý rủi ro vận hành**

- Xây dựng, triển khai và giám sát Khung quản lý rủi ro vận hành bao gồm chính sách, quy định, quy trình, phương pháp và công cụ.
- Xây dựng, triển khai và giám sát chính sách và quy trình phòng, chống rửa tiền và tuân thủ FATCA.
- Xây dựng, triển khai và giám sát chính sách và quy trình phòng chống gian lận.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Quản lý rủi ro tín dụng**

- Xây dựng và triển khai khung quản lý rủi ro tín dụng.
- Triển khai giám sát và cảnh báo rủi ro liên quan chất lượng danh mục tín dụng.
- Đầu mối triển khai, xây dựng và giám sát hệ thống khởi tạo và quản lý cấp tín dụng.
- Kiểm soát công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng toàn bộ danh mục tín dụng; Thực hiện báo cáo và vận hành hệ thống báo cáo CIC.
- Đầu mối thực hiện các báo cáo liên quan đến tín dụng cho cơ quan quản lý.
- Báo cáo và tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng Rủi ro, Ủy ban QLRR về các vấn đề liên quan đến Rủi ro tín dụng.
- Chức năng khác do Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản**

- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro thị trường và rủi ro tập trung đối với giao dịch tự doanh.
- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro thanh khoản.
- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.
- Báo cáo tham mưu cho Ban điều hành về hoạt động quản lý rủi ro thị trường, Rủi ro tập trung đối với giao dịch tự doanh, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng.
- Chức năng khác do Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Quản lý rủi ro dữ liệu và công nghệ**



- Xây dựng triển khai và vận hành khung quản trị dữ liệu.
- Xây dựng và triển khai khung quản trị rủi ro mô hình.
- Xây dựng và vận hành các mô hình rủi ro (bao gồm hệ thống XHTDNB).
- Xây dựng và vận hành kho dữ liệu phục vụ công tác quản trị rủi ro.
- Xây dựng chính sách và giám sát rủi ro công nghệ.
- Báo cáo tham mưu cho Ban điều hành các vấn đề liên quan rủi ro dữ liệu, mô hình và công nghệ.
- Chức năng khác do Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Quản lý rủi ro tích hợp**

- Xây dựng, triển khai và giám sát các công tác liên quan đến khẩu vị rủi ro và các chỉ số an toàn hoạt động của VIETBANK.
- Triển khai, giám sát và đề xuất các công tác liên quan đến nghiệp vụ quản lý rủi ro theo quy chuẩn Basel và các cơ quan quản lý.
- Đầu mối triển khai các hoạt động liên quan đến xếp hạng tín nhiệm bên ngoài cho VIETBANK.
- Đầu mối triển khai các dự án liên quan đến Quản lý rủi ro tại VIETBANK.
- Công tác Thư ký Hội đồng rủi ro (HĐRR), Ủy ban quản lý rủi ro (UBQLRR).
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Kiểm soát tuân thủ**

- Xây dựng quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, hệ thống thông tin, hạ tầng, báo cáo, mẫu biểu để phục vụ cho công tác giám sát từ xa, kiểm tra trực tiếp thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng Kiểm soát tuân thủ.
- Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất về tính tuân thủ trên toàn hệ thống.
- Đầu mối thực hiện các công việc liên quan đến công tác Phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm.
- Báo cáo tham mưu cho Ban điều hành các vấn đề liên quan đến tuân thủ tại VIETBANK và đề xuất biện pháp xử lý rủi ro tuân thủ, hành vi vi phạm và theo dõi giám sát việc khắc phục.
- Chức năng khác do Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**4.7.10. Khối Công nghệ thông tin**

Đơn vị trực thuộc Khối Công nghệ thông tin bao gồm:

❖ **Phòng Vận hành ứng dụng**



- Vận hành Corebanking:
  - + Vận hành hệ thống Corebanking của VIETBANK.
  - + Đề xuất và thực hiện nâng cấp Corebanking.
  - + Phối hợp và triển khai các ứng dụng thuộc Corebanking.
  - + Đào tạo sử dụng đối với các tính năng mới, hoặc theo yêu cầu VIETBANK.
  - + Quản lý và thực thi chương trình BCP (Business continuity Plan), DRP (Disaster Recovery Plan) của hệ thống Corebanking và các ứng dụng nghiệp vụ khác.
- Vận hành hệ thống thẻ, ngân hàng số và các ứng dụng khác:
  - + Vận hành hệ thống thẻ, Ngân hàng số và các ứng dụng khác.
  - + Xử lý số liệu và các báo cáo liên quan.
  - + Cập nhật và cài đặt các phiên bản phần mềm hệ thống thẻ, Ngân hàng số.
  - + Quản lý chương trình BCP (Business continuity Plan), DRP (Disaster Recovery Plan) của hệ thống thẻ và Ngân hàng số.
- Vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu báo cáo:
  - + Thiết kế, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ báo cáo, khai thác và phân tích dữ liệu.
  - + Nghiên cứu, phát triển, triển khai các hệ thống quản lý thông tin (MIS), hệ thống quản lý kế toán nội bộ và các công cụ quản lý phân tích thông minh (BI).
  - + Vận hành hệ thống MIS, hệ thống quản lý kế toán nội bộ và các công cụ phân tích, khai thác dữ liệu quản trị, xây dựng báo cáo trên hệ thống MIS.
  - + Tham gia phối hợp triển khai các dự án liên quan đến hệ thống MIS và các công cụ phân tích dữ liệu từ Kho dữ liệu (DWH).
  - + Quản lý và vận hành hệ thống Data Warehouse/BI.
- Hỗ trợ công nghệ thông tin (CNTT):
  - + Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu hỗ trợ CNTT trên toàn hệ thống VIETBANK.
  - + Tổ chức lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác hỗ trợ và kết quả thực hiện tại đơn vị.
  - + Tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng liên quan đến công tác hỗ trợ CNTT.
  - + Tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu hỗ trợ CNTT liên quan hệ thống Corebanking, Core thẻ, Ngân hàng số.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành Corebanking, vận hành hệ thống thẻ và ngân hàng số, quản lý vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.



**❖ Phòng Phát triển ứng dụng**

- Nghiên cứu, phân tích và tư vấn giải pháp:
  - + Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất lựa chọn công nghệ từ các Tổ chức cung cấp giải pháp CNTT, nhà cung cấp cho các ứng dụng Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số, ứng dụng ngoài Corebanking hoặc do tự phát triển theo định hướng phát triển công nghệ của VIETBANK.
  - + Thực hiện công tác đào tạo, chuyển giao; tổ chức triển khai áp dụng công nghệ mới cho các phòng thuộc Khối CNTT.
  - + Đề xuất áp dụng công nghệ phù hợp cho từng dự án; tham mưu cho Ban Giám đốc Khối CNTT về định hướng công nghệ từng thời kỳ và theo yêu cầu.
  - + Phân tích nghiệp vụ và các chức năng phát triển liên quan đến các nghiệp vụ Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số, ứng dụng ngoài Corebanking.
- Phát triển các giải pháp, ứng dụng và dịch vụ:
  - + Quản lý, tiếp nhận, xử lý và phát triển các phiếu yêu cầu điều chỉnh nghiệp vụ liên quan tới phần mềm ứng dụng Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và ngoài Corebanking.
  - + Lập trình ứng dụng cho các dự án, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VIETBANK.
  - + Xây dựng và triển khai các giải pháp tích hợp hệ thống.
  - + Quản lý công nghệ thanh toán thẻ và thẻ thanh toán thông minh.
  - + Thực hiện các chương trình tuân thủ của các Tổ chức thẻ trong nước và quốc tế.
  - + Xây dựng kịch bản kiểm thử nghiệp vụ và kiểm thử kỹ thuật các ứng dụng tự xây dựng
  - + Phối hợp triển khai các ứng dụng cùng các đơn vị thuộc Khối CNTT đến các đơn vị nghiệp vụ Ngân hàng/Chi nhánh/Phòng giao dịch.
- Quản lý các dự án công nghệ thông tin:
  - + Quản lý toàn bộ hồ sơ các dự án công nghệ thuộc Phòng Phát triển ứng dụng.
  - + Quản lý toàn bộ hồ sơ các dự án hợp tác giữa VIETBANK với các đối tác.
  - + Phân tích và thiết kế tổng quát các kiến trúc và mô hình tích hợp hệ thống công nghệ, các dự án, sản phẩm và công nghệ mới. Đầu mối xây dựng tiêu chí đầu tư công nghệ.
  - + Theo dõi và báo cáo nhu cầu và thực tế về nguồn lực cho các dự án công nghệ thông tin.
  - + Xây dựng chính sách, biểu mẫu, quy trình nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định trong việc triển khai các dự án CNTT.



- + Quản lý tiến độ các dự án.
- Kiểm soát chất lượng:
  - + Quản lý và giám sát chất lượng triển khai dự án, dịch vụ, sản phẩm CNTT.
  - + Giám sát hoạt động các dự án theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng hiện hành.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và phát triển ứng dụng CNTT
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### ❖ Phòng Kỹ thuật hạ tầng

- Quản trị hạ tầng công nghệ thông tin:
  - + Quản trị hệ thống tại Đơn vị.
  - + Quản trị mạng tại Đơn vị.
  - + Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) tại Đơn vị.
  - + Quản lý IT tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch.
  - + Công tác dịch vụ hệ thống tại Đơn vị.
- Quản trị Trung tâm dữ liệu:
  - + Quản trị hệ thống tại Trung tâm dữ liệu.
  - + Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống CNTT tại Trung tâm dữ liệu.
  - + Công tác quản lý Trung tâm dữ liệu.
- Quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu:
  - + Thiết kế, quy hoạch về Cơ sở dữ liệu.
  - + Quản trị, cài đặt và cấu hình các Cơ sở dữ liệu.
  - + Tinh chỉnh và giám sát hiệu suất của các Cơ sở dữ liệu.
  - + Chẩn đoán và phục hồi các Cơ sở dữ liệu bị sự cố.
  - + Quản lý chương trình BCP (Business continuity Plan), DRP (Disaster Recovery Plan) đối với dữ liệu toàn hệ thống.
- Đảm bảo hệ thống, hạ tầng CNTT hoạt động ổn định, đảm bảo ATTT.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác triển khai hạ tầng, quản trị hệ thống tại trung tâm dữ liệu, công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### ❖ Phòng Chính sách và An ninh thông tin



- Xây dựng chính sách, quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn về an toàn thông tin cho toàn hệ thống VIETBANK.
- Giám sát an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin.
- Vận hành an ninh mạng.
- Đánh giá bảo mật, kiểm tra mức độ an toàn thông tin của các hệ thống, ứng dụng,...
- Xây dựng các quy tắc ứng cứu sự cố an toàn thông tin và diễn tập an ninh mạng hàng năm.
- Kiểm soát tuân thủ và an toàn thông tin.
- Tiếp nhận xử lý công văn, tổng hợp báo cáo thuộc Khối CNTT.
- Nhận dạng, kiểm soát rủi ro và giảm thiểu rủi ro trong công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

#### **4.7.11. Trung tâm Định giá**

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Định giá bao gồm:

##### **❖ Phòng Định giá tài sản**

- Thẩm định và phê duyệt kết quả định giá tài sản thông dụng và chuyên biệt.
- Quản lý chất lượng về nghiệp vụ định giá tài sản.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác định giá tài sản trong toàn hệ thống.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Chính sách và Dữ liệu định giá**

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn, đào tạo liên quan đến nghiệp vụ định giá tài sản bảo đảm (bao gồm bất động sản, động sản, tài sản chuyên biệt khác) trong toàn hệ thống VIETBANK.
- Đầu mối trong việc xử lý thông tin đầu vào và trả thông tin kết quả của Trung tâm định giá cho các đơn vị yêu cầu.
- Tổ chức, triển khai thực hiện đo lường và cải tiến chất lượng định giá tài sản của Trung tâm.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu giá của Trung tâm, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu định giá.
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Soát xét và Định giá từ xa**

- Thực hiện soát xét hồ sơ định giá theo phân luồng.



- Thực hiện định giá từ xa theo phân luồng.
- Đầu mối hợp tác với các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng định giá tài sản.
- Kiểm tra, kiểm soát kết quả định giá theo quy định của VIETBANK và quy định pháp luật.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác định giá tài sản trong toàn hệ thống.

*4.7.12. Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.*

#### **4.7.13. Trung tâm Xử lý nợ**

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Xử lý nợ bao gồm:

##### **❖ Phòng Chính sách và Quản lý danh mục nợ**

- Quản lý danh mục nợ toàn hàng.
- Xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các quy chế, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản lý, xử lý, thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm (TSBD), các quy trình tác nghiệp nội bộ.
- Theo dõi, cập nhật số liệu, tiến độ thu hồi nợ, KPIs và chính sách thưởng, chế tài xử lý nợ của toàn hệ thống.
- Nhận dạng, kiểm soát, đôn đốc và giảm thiểu rủi ro trong công tác xử lý nợ sớm.
- Vận hành công tác nhắc nợ, thu hồi nợ qua điện thoại (Call).
- Thực hiện công tác xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định.
- Thực hiện các thủ tục mua bán nợ cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), các đối tác khác và hoạt động nhận TSBD để thay thế nghĩa vụ trả nợ (nhận cầm trù) theo quy định pháp luật.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý, xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

##### **❖ Phòng Tổ tụng**

- Thực hiện công tác khởi kiện để xử lý, thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác thi hành án để xử lý, thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến các khoản nợ quá hạn, nợ xấu trên toàn hàng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tổ tụng/ thi hành án/ giải quyết khiếu nại, tố cáo.



- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

❖ **Phòng Xử lý nợ hiện trường**

- Thực hiện công tác đôn đốc, tìm các giải pháp phù hợp để xử lý và thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác thu giữ tài sản bảo đảm của khách hàng để xử lý thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác trực tiếp quản lý, xử lý nợ quá hạn, nợ xấu phát sinh trên toàn hàng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác đôn đốc, thu giữ tài sản bảo đảm (TSBD).
- Các chức năng khác được Tổng giám đốc giao trong từng thời kỳ.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1. Danh sách Công ty mẹ của VIETBANK, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VIETBANK trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán**

Không có.

**5.2. Danh sách Công ty con của VIETBANK, những công ty mà VIETBANK nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán**

STT	Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/6/2025
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	100%	100%	100%

Nguồn: VIETBANK

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín**

Tên đầy đủ: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310898270 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 07, ngày 03/4/2025

Dịa chỉ:	90 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký:	200.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	200.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại ngày 30/06/2025:	100%
Hoạt động kinh doanh:	Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành**

Ngân hàng chưa thực hiện giảm vốn điều lệ. Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



**Bảng 1: Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của VIETBANK**

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/2006	0	200.000.000.000	200.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ cho một số nhà đầu tư bên ngoài - Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 v/v khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm và Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 v/v cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Không có
2	24/04/2007	200.000.000.000	500.000.000.000	300.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 300.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2017 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có
3	30/12/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	500.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 500.000 cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu		
4	30/12/2010	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông. - Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN.	Không có
5	31/12/2016	3.000.000.000.000	3.249.000.000.000	249.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 249.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN.	Không có
6	2018-2019	3.249.000.000.000	4.190.199.040.000	941.199.040.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên VIETBANK theo chương trình lựa chọn người lao	- Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 61/GCN-UBCK ngày 25/10/2018 của	Không có



STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					<p>đồng (ESOP). Trong đó, VIETBANK đã phát hành cho tổng cộng 225 cổ đông, trong đó 52 Cổ đông hiện hữu, 173 Cổ đông ESOP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng phát hành: 94.119.904 cổ phiếu</li> <li>Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</li> </ul>	<p>UBCKNN cấp cho VB v/v đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn số 8460/UBCK – QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.</li> <li>Công văn số 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/03/2019.</li> <li>Công văn số 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.</li> </ul>	
7	2021	4.190.199.040.000	4.776.826.690.000	586.627.650.000	<p>Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn số 2074/NHNN-TTGSNH ngày 30/03/2021 về việc chấp thuận việc tăng vốn điều lệ thêm 586.627.856.600 đồng của VIETBANK;</li> <li>Công văn số 2339/UBCK-CLCB ngày 26/5/2021 về việc thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát</li> </ul>	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<p>hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 của VIETBANK.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn số 3138/UBCK – QLCB ngày 25/6/2021 về việc Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.</li> <li>Quyết định 1495/QĐ- NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.</li> </ul>	
8	2024	4.776.826.690.000	5.711.532.700.000	934.706.010.000	<p>Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng phát hành: 93.470.601 cổ phiếu</li> <li>Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Văn bản số 4592/NHNN-TTGSNH ngày 05/7/2022 chấp thuận tăng vốn điều lệ của VIETBANK năm 2022.</li> <li>Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu số 437-GCN-UBCK ngày 19/12/2023 của UBCKNN.</li> <li>Quyết định chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 229/2024 ngày 26/02/2024 của UBCKNN.</li> </ul>	(Nội dung chi tiết được trình bày tại phần Ghi chú phía dưới Bảng 1)



STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn số 2478/UBCK-CLCB ngày 19/4/2024 về việc UBCKNN nhận được tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 1561/2024/BC-VB ngày 16/04/2024 của VIETBANK.</li> <li>Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 34/2018/GCNCP-VSD-04 ngày 03/5/2024.</li> <li>Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 1900/QĐ-NHNN ngày 12/9/2024 về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.</li> </ul>	
9	2024	5.711.532.700.000	7.139.413.290.000	1.427.880.590.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 142.788.059 cổ phiếu	- Văn bản số 8520/NHNN-TTGSNH ngày 17/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v tăng vốn điều lệ của VIETBANK.	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Văn bản số 7695/UBCK-QLCB ngày 14/11/2024 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của VIETBANK.</li> <li>Văn bản số 8403/UBCK-QLCB ngày 11/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VIETBANK.</li> <li>Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 2758/QĐ-NHNN ngày 25/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.</li> </ul>	
10	2025	7.139.413.290.000	8.210.319.700.000	1.070.906.410.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận việc VIETBANK</li> </ul>	Không có



STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					Số lượng phát hành: 107.090.641 cổ phiếu	<p>tăng vốn điều lệ tối đa thêm 3.780.319.330.000 đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 2481/UBCK-QLCB ngày 16/6/2025 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIETBANK.</li> <li>- Văn bản số 1233/TB-CN VSDC ngày 18/6/2025 vv ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán.</li> <li>- Văn bản số 3273/UBCK-QLCB ngày 09/7/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VBB.</li> <li>- Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về</li> </ul>	

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.	

*Nguồn: VIETBANK*

Ghi chú:

- Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần: Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn cổ phần của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 5 tháng 6 năm 2024.
- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.



**7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác**

Không có

**8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**

**8.1. Cổ phiếu phổ thông**

**Bảng 2: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát hành tại ngày 30/06/2025**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	1.759	820.989.919	99,9949
1	Cổ đông tổ chức	18	525.700.932	64,0293
2	Cổ đông cá nhân	1.741	295.288.987	35,9656
II	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	18	42.051	0,0051
1	Cổ đông tổ chức	2	9.775	0,0012
2	Cổ đông cá nhân	16	32.276	0,0039
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.777</b>	<b>821.031.970</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

**8.2. Cổ phiếu ưu đãi**

Không có.

**8.3. Các loại chứng khoán khác**

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, VIETBANK còn các loại chứng khoán khác đang lưu hành.

- Tính đến thời điểm 30/06/2025, khối lượng trái phiếu ra công chúng đang lưu hành là: 2.900.000.000.000 đồng
- Tính đến thời điểm 30/06/2025, khối lượng trái phiếu riêng lẻ đang lưu hành là: 479.300.000.000 đồng

Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại VIETBANK cụ thể như sau:

**Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VIETBANK**

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản khác
VBBL2128002	Riêng lẻ	125.300	5 năm đầu: 7.8% 2 năm cuối: 8.83%	29/9/2021	7 năm	Lãi Suất Tham Chiếu đồng để xác định lãi suất đối với mỗi Kỳ

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản khác
VBBL2128003	Riêng lẻ	100.200	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2.5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3.5%/năm	29/10/2021	7 năm	<p>Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.</p> <p>Lãi Suất Tham Chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.</p>
VBBL2128005	Riêng lẻ	3.500	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2.5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3.5%/năm	26/11/2021	7 năm	
VBBL2128010	Riêng lẻ	300	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2.5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3.5%/năm	28/12/2021	7 năm	
VBBL2330001	Riêng lẻ	250.000	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2.8%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3.8%/năm	28/12/2023	7 năm	
VBB123034	Công chúng	1.900.000	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2.5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3.5%/năm	30/06/2023	7 năm	
VBB124001	Công chúng	1.000.000	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu +	003/2024	7 năm	



Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản khác	khảo trọng
			2.5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3.5%/năm				

Nguồn: VIETBANK

#### 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2025/NĐ-CP ngày 18/03/2025 sửa đổi Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19/5/2025. Theo đó, căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 1 Nghị định 69/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài thì Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại (6) và (7) hoặc trong thời gian thực hiện quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định 01/2014/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 69/2025/NĐ-CP).
- Căn cứ theo công văn số 2294/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 25/05/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: tối đa 30% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Ngân hàng (nếu có): Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại thời điểm ngày 30/06/2025: 0,0051%

#### 10. Hoạt động kinh doanh

##### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

###### 10.1.1. Loại sản phẩm và dịch vụ

VIEBANK thuộc loại hình NHTM theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý trực tiếp của NHNN. Cũng như các NHTM khác, VIETBANK đã và đang kinh doanh các nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ cho vay, hoạt động đầu tư và các dịch vụ khác dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu quả.

❖ Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập nhập thuần

**Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.760.915	93,95	9.721.857	91,56	5.564.890	96,04
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	189.796	1,83	231.629	2,18	118.125	2,04
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	197.562	1,90	179.588	1,69	79.014	1,36
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	79.782	0,77	21.212	0,20	27.894	0,48
Thu nhập từ hoạt động khác	161.312	1,55	463.620	4,37	4.275	0,07
<b>Tổng</b>	<b>10.389.367</b>	<b>100,00</b>	<b>10.617.906</b>	<b>100,00</b>	<b>5.794.198</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Nhìn chung hoạt động kinh doanh năm 2024 của VIETBANK theo BCTC năm 2024 hợp nhất tiếp tục phát triển ổn định, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập có xu hướng tăng là Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (2,18%) và Thu nhập từ hoạt động khác (4,37%) đều tăng so với năm 2023 (1,83% và 1,55%). Tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 90% (cụ thể 31/12/2024 là 91,56%, chỉ tiêu này giảm nhẹ so với năm 2023 là 93,95%). Trong khi đó, tỷ trọng Thu nhập từ mua bán chứng khoán (MBCK) đầu tư năm 2024 là 0,20%, giảm so với năm 2023 (0,77%).

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2025, thu nhập lãi hợp nhất của VIETBANK tăng trưởng tích cực đạt gần 5.795 tỷ đồng, tăng 19,72% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VIETBANK qua các năm đều có những bước tăng trưởng ổn định.

**Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.760.915	93,95	9.721.857	91,56	5.564.890	96,04
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	189.796	1,83	231.629	2,18	118.125	2,04
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	197.562	1,90	179.588	1,69	79.014	1,36
Thu nhập từ	79.782	0,77	21.212	0,20	27.894	0,48



Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
mua bán chứng khoán đầu tư						
Thu nhập từ hoạt động khác	161.312	1,55	463.620	4,37	4.275	0,07
<b>Tổng</b>	<b>10.389.367</b>	<b>100,00</b>	<b>10.617.906</b>	<b>100,00</b>	<b>5.794.198</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Hoạt động kinh doanh năm 2024 của VIETBANK theo BCTC năm 2024 riêng được kiểm toán tiếp tục phát triển ổn định. Các chỉ tiêu thu nhập có xu hướng tăng tỷ trọng là Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (2,18% năm 2024) và Thu nhập từ hoạt động khác (4,37% năm 2024) đều tăng so với năm 2023 (1,83% và 1,55%). Tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 90% (cụ thể 31/12/2024 là 91,56%, chỉ tiêu này giảm nhẹ so với năm 2023 là 93,95%). Trong khi đó, tỷ trọng Thu nhập từ mua bán chứng khoán (MBCK) đầu tư năm 2024 là 0,20%, giảm so với năm 2023 (0,77%).

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2025, thu nhập lãi của VIETBANK (riêng lẻ) tăng trưởng tích cực, đạt gần 5.795 tỷ đồng, tăng 19,72% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VIETBANK qua các năm đều có những bước tăng trưởng ổn định.

**Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)**

Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi thuần	1.999.898	83,44	2.811.573	80,30	1.389.918	90,97
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	103.348	4,31	136.726	3,90	64.716	4,24
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	65.295	2,72	80.215	2,29	51.497	3,37
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	77.648	3,24	19.009	0,54	23.265	1,52
Lãi thuần từ hoạt động khác	150.647	6,29	453.840	12,96	-1.431	-0,09
<b>Tổng</b>	<b>2.396.836</b>	<b>100,00</b>	<b>3.501.363</b>	<b>100,00</b>	<b>1.527.965</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Theo BCTC Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, nhìn chung tỷ trọng của mỗi hoạt động trên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VIETBANK có sự biến động như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 80,30%, giảm so với năm 2023 (83,44%). Tỷ trọng Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư năm 2024 là 0,54%, giảm so với tỷ trọng năm 2023 (3,24%). Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm từ 4,31% và 2,72% năm 2023 xuống 3,90% và 2,29% năm 2024.



- Tỷ trọng giảm, lợi nhuận mang lại từ các hoạt động này trong năm 2024 cao hơn rõ rệt so với năm 2023, cho thấy tổng lợi nhuận năm 2024 đã có sự tăng trưởng lớn so với 2023, cụ thể lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VIETBANK năm 2024 tăng 46,08% so với 2023.
- Duy nhất tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác tăng lên 12,96% năm 2024 từ mức 6,29% năm 2023.

Theo BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025 của VIETBANK, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 1.527 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, các chỉ tiêu chính đóng góp cho sự tăng trưởng này là:

- Thu nhập từ lãi thuần tăng hơn 129 tỷ đồng, tăng trưởng 10,23% so với cùng kỳ năm trước.
- Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng hơn 15 tỷ đồng tương đương khoảng 41,12% so với cùng kỳ năm trước.
- Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư tăng hơn 13 tỷ đồng, tương đương 133,28% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)**

Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	1.999.834	83,77	2.811.510	80,43	1.389.519	91,11
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	93.939	3,93	130.955	3,75	62.247	4,08
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	65.295	2,74	80.215	2,29	51.497	3,38
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	77.648	3,25	19.009	0,54	23.265	1,53
Lãi thuần từ hoạt động khác	150.647	6,31	453.840	12,98	-1.431	-0,09
<b>Tổng</b>	<b>2.387.363</b>	<b>100,00</b>	<b>3.495.529</b>	<b>100,00</b>	<b>1.525.097</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025*

Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần theo Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2025 của VIETBANK có số liệu tương đồng với báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, có thể thấy, trong giai đoạn năm 2023-2024 và 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh của VIETBANK tăng trưởng ổn định qua từng năm.



## 10.1.2. Huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của VIETBANK tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của VIETBANK đến ngày 31/12/2024 đạt 151 nghìn tỷ đồng, tăng 17,93% so với năm 2023. Mặc dù tiền gửi của khách hàng vẫn là nguồn vốn chính của VIETBANK, trong năm 2024 VIETBANK đã gia tăng tỷ trọng các nguồn huy động vốn khác. Cụ thể, tỷ trọng vốn huy động từ tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác của năm 2024 tăng lên 25,41% từ 20,77% trong năm 2023 và tỷ trọng vốn từ phát hành giấy tờ có giá tăng lên 11,7% từ 9,01% trong năm 2023.

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống của VIETBANK nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2024, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng 62,74%; 25,41% và 11,70%.

VIETBANK chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của VIETBANK.

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>I. Loại vốn huy động</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	9.020	0,01	222.891	0,15	6.149	0,00
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	26.621.774	20,77	38.416.167	25,41	42.869.783	25,75
Tiền gửi của khách hàng	89.995.715	70,21	94.841.470	62,74	104.208.415	62,60
Phát hành giấy tờ có giá	11.551.170	9,01	17.678.260	11,70	19.382.160	11,64
<b>Tổng</b>	<b>128.177.679</b>	<b>100,00</b>	<b>151.158.788</b>	<b>100,00</b>	<b>166.466.507</b>	<b>100,00</b>
<b>II. Trong nước/nước ngoài</b>						
Khách hàng trong nước	127.882.618	99,77	151.097.289	99,96	166.436.184	99,98
Khách hàng nước ngoài	295.061	0,23	61.499	0,04	30.323	0,02
<b>Tổng</b>	<b>128.177.679</b>	<b>100</b>	<b>151.158.788</b>	<b>100</b>	<b>166.466.507</b>	<b>100,00</b>



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

**Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>I. Loại vốn huy động</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	9.020	0,01	222.891	0,15	6.149	0,00
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	26.621.774	20,77	38.416.167	25,41	42.869.783	25,72
Tiền gửi của khách hàng	90.000.811	70,21	94.845.677	62,74	104.405.016	62,64
Phát hành giấy tờ có giá	11.551.170	9,01	17.678.260	11,69	19.382.160	11,63
<b>Tổng</b>	<b>128.182.775</b>	<b>100</b>	<b>151.162.995</b>	<b>100</b>	<b>166.663.108</b>	<b>100,00</b>
<b>II. Trong nước/nước ngoài</b>						
Khách hàng trong nước	127.887.714	99,77	151.101.496	99,96	166.632.785	99,98
Khách hàng nước ngoài	295.061	0,23	61.499	0,04	30.323	0,02
<b>Tổng</b>	<b>128.182.775</b>	<b>100,00</b>	<b>151.162.995</b>	<b>100,00</b>	<b>166.663.108</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

**Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (Hợp nhất)**

Stt	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Phân theo khách hàng							
1	Tổ chức kinh tế	10.794.346	11,99	7.757.034	8,18	8.357.211	8,02
	Cá nhân	79.201.369	88,01	87.084.436	91,82	95.851.204	91,98
	Tổng tiền gửi khách hàng	89.995.715	100,00	94.841.470	100,00	104.208.415	100,00
Phân theo kỳ hạn							
2	Tiền gửi không kỳ hạn	7.411.858	8,24	4.596.959	4,85	5.437.058	5,22
	Tiền gửi có kỳ hạn	8.183.181	9,09	7.974.942	8,41	8.895.672	8,54
	Tiền gửi tiết kiệm	74.295.928	82,55	82.167.416	86,64	89.788.390	86,16
	Tiền gửi ký quỹ	91.550	0,10	95.918	0,10	86.734	0,08



Stt	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	13.198	0,01	6.235	0,01	561	0,00
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>89.995.715</b>	<b>100,00</b>	<b>94.841.470</b>	<b>100,00</b>	<b>104.208.415</b>	<b>100,00</b>
3	Phân theo loại tiền						
	VND	89.510.059	99,46	94.246.496	99,37	103.278.986	99,11
	Ngoại tệ	485.656	0,54	594.974	0,63	929.429	0,89
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>89.995.715</b>	<b>100,00</b>	<b>94.841.470</b>	<b>100,00</b>	<b>104.208.415</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

**Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (riêng lẻ)**

Stt	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Phân theo khách hàng						
	Tổ chức kinh tế	10.799.442	12,00	7.761.241	8,18	8.553.812	8,19
	Cá nhân	79.201.369	88,00	87.084.436	91,82	95.851.204	91,81
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>90.000.811</b>	<b>100,00</b>	<b>94.845.677</b>	<b>91,82</b>	<b>104.405.016</b>	<b>100,00</b>
2	Phân theo kỳ hạn						
	Tiền gửi không kỳ hạn	7.412.937	8,24	4.599.655	4,85	5.437.122	5,21
	Tiền gửi có kỳ hạn	8.187.198	9,10	7.976.453	8,41	9.092.209	8,71
	Tiền gửi tiết kiệm	74.295.928	82,55	82.167.416	86,63	89.788.390	86,08
	Tiền gửi kỳ quỹ	91.550	0,10	95.918	0,10	86.734	0,08
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	13.198	0,01	6.235	0,01	561	0,00
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>90.000.811</b>	<b>100,00</b>	<b>94.845.677</b>	<b>100,00</b>	<b>104.405.016</b>	<b>100,00</b>
3	Phân theo loại tiền						
	VND	89.515.155	99,46	94.250.703	99,37	103.475.587	99,11
	Ngoại tệ	485.656	0,54	594.974	0,63	929.429	0,89
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>90.000.811</b>	<b>100</b>	<b>94.845.677</b>	<b>100</b>	<b>104.405.016</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

### 10.1.3. Hoạt động tín dụng

#### ❖ Tổng dư nợ cho vay

VIETBANK cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được VIETBANK kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của VIETBANK có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 93,6 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 16,0% so với năm 2023.

**Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	50.433.686	62,45	58.480.666	62,45	65.258.442	63,70
Nợ trung hạn	12.850.110	15,91	17.826.226	19,04	20.135.437	19,65
Nợ dài hạn	17.470.634	21,63	17.330.144	18,51	17.053.579	16,65
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025*



**Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	50.433.686	62,45	58.480.666	62,45	65.258.442	63,70
Nợ trung hạn	12.850.110	15,91	17.826.226	19,04	20.135.437	19,65
Nợ dài hạn	17.470.634	21,63	17.330.144	18,51	17.053.579	16,65
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay của VIETBANK tại các kỳ hạn trong 2 năm gần đây nhìn chung tương đối đồng đều.

Tính đến ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VIETBANK chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 62,45%, 19,04% và 18,51%.

Tại ngày 30/06/2025, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VIETBANK chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 63,70%, 19,65% và 16,65%. Danh mục dư nợ của VIETBANK tập trung chủ yếu ở các khoản cho vay kỳ hạn ngắn (chiếm hơn 60%) đảm bảo cho ngân hàng có thể sử dụng vốn linh hoạt, giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình sử dụng vốn dài hạn, đáp ứng tỷ lệ an toàn của ngân hàng nhà nước.

VIETBANK tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của VIETBANK đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

**Bảng 14: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	36.019.943	44,60	44.006.464	47,00	45.391.880	44,31
Hoạt động kinh doanh bất động sản	16.015.253	19,83	17.228.200	18,40	20.896.550	20,40
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô,	8.465.055	10,48	8.177.995	8,73	7.309.461	7,13



Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
xe máy và xe có động cơ khác						
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.368.051	4,17	2.763.520	2,95	1.958.074	1,91
Xây dựng	3.863.144	4,78	6.680.198	7,13	6.389.036	6,24
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.716.476	2,13	1.511.411	1,61	1.535.224	1,50
Các ngành nghề khác	11.306.508	14,00	13.269.248	14,17	18.967.233	18,51
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	36.019.943	44,60	44.006.464	47,00	45.391.880	44,31
Hoạt động kinh doanh bất động sản	16.015.253	19,83	17.228.200	18,40	20.896.550	20,40
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.465.055	10,48	8.177.995	8,73	7.309.461	7,13
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.368.051	4,17	2.763.520	2,95	1.958.074	1,91
Xây dựng	3.863.144	4,78	6.680.198	7,13	6.389.036	6,24
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.716.476	2,13	1.511.411	1,61	1.535.224	1,50
Các ngành nghề khác	11.306.508	14,00	13.269.248	14,17	18.967.233	18,51
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

Phân theo ngành kinh tế, các khoản cho vay hoạt động phục vụ hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của VIETBANK. Điều này cho thấy VIETBANK vẫn đang ưu tiên nguồn vốn cho vay mảng cá nhân và dịch vụ hộ gia đình.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của VIETBANK tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.



**Đối với nhóm khách hàng cá nhân:** Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, VIETBANK đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho VIETBANK. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VIETBANK cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao, ...
- Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCC phục vụ mục đích SXKD,...

**Đối với Khách hàng Doanh nghiệp:** Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, VIETBANK không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:

- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
- Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
- Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu,... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
  - Bảo lãnh dự thầu.
  - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
  - Bảo lãnh thanh toán.
  - Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
  - Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
  - Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.



**Bảng 16: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)**

Stt	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo khách hàng</b>						
1	Tổ chức kinh tế	44.734.487	55,40	49.630.572	53,00	57.055.578	55,69
	Công ty TNHH	26.863.238	33,27	30.861.771	32,96	32.554.967	31,78
	Công ty cổ phần	16.588.494	20,54	17.817.151	19,03	23.623.337	23,06
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	913.924	1,13	767.020	0,82	721.491	0,70
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	227.058	0,28	124.128	0,13	100.922	0,10
	Doanh nghiệp tư nhân	-	0,00	-	0,00	-	0,00
	Tổ chức kinh tế khác	141.773	0,18	60.502	0,06	54.861	0,05
2	Cá nhân	36.019.943	44,60	44.006.464	47,00	45.391.880	44,31
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	36.019.943	44,60	44.006.464	47,00	45.391.880	44,31
	<b>Tổng cho vay khách hàng</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo loại tiền</b>						
1	VND	79.974.696	99,03	93.267.210	99,61	102.068.900	99,63
2	Ngoại tệ	779.734	0,97	369.826	0,39	378.558	0,37
	<b>Tổng cho vay khách hàng</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

**Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)**

Stt	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo khách hàng</b>						
1	Tổ chức kinh tế	44.734.487	55,40	49.630.572	53,00	57.055.578	55,69
	Công ty TNHH	26.863.238	33,27	30.861.771	32,96	32.554.967	31,78
	Công ty cổ phần	16.588.494	20,54	17.817.151	19,03	23.623.337	23,06



St t	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	913.924	1,13	767.020	0,82	721.491	0,70
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	227.058	0,28	124.128	0,13	100.922	0,10
	Doanh nghiệp tư nhân	-	0,00	-	0,00	-	0,00
	Tổ chức kinh tế khác	141.773	0,18	60.502	0,06	54.861	0,05
2	Cá nhân	36.019.943	44,60	44.006.464	47,00	45.391.880	44,31
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	36.019.943	44,60	44.006.464	47,00	45.391.880	44,31
	<b>Tổng cho vay khách hàng</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo loại tiền</b>						
1	VND	79.974.696	99,03	93.267.210	99,61	102.068.900	99,63
2	Ngoại tệ	779.734	0,97	369.826	0,39	378.558	0,37
	<b>Tổng cho vay khách hàng</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: VIETBANK

❖ **Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**

VIETBANK thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 11 của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 “Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”

- Tính đến 31/12/2024, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của VIETBANK được kiểm soát tại mức 1,60% trên tổng dư nợ cho vay. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 1.144 tỷ đồng.
- Tính đến 30/06/2025, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của VIETBANK xấp xỉ 1,73% trên tổng dư nợ cho vay, tăng nhẹ so với mức 1,60% tại ngày 31/12/2024, dự phòng tại thời điểm này là 1.771 tỷ đồng.

Bảng 18: Phân loại chất lượng tín dụng VIETBANK

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/06/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	77.114.842	95,50	90.288.767	96,43	98.804.848	96,44
Nợ cần chú ý	1.568.456	1,94	769.999	0,82	1.075.086	1,05
Nợ dưới tiêu chuẩn	397.017	0,49	583.717	0,62	195.439	0,19
Nợ nghi ngờ	251.044	0,31	496.483	0,53	600.700	0,59
Nợ có khả năng mất vốn	1.423.071	1,76	1.498.070	1,60	1.771.385	1,73
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>80.754.430</b>	<b>100,00</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00</b>	<b>102.447.458</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

#### ❖ Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của VIETBANK tại thời điểm 30/06/2025 là 10,49%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 19: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại VIETBANK

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tổng dư nợ cấp tín dụng (triệu đồng)	80.754.430	93.637.036	103.947.458
Tỷ lệ nợ xấu	2,56%	2,75%	2,47%
Tỷ lệ nợ quá hạn	4,51%	3,58%	3,50%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	10,39%	11,73%	10,49%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC soát xét bán niên hợp nhất năm 2025

#### ❖ Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

VIETBANK luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.



**Bảng 20: Tình hình trích lập dự phòng của VIETBANK**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/06/2025
Dự phòng chung	594.985	691.042	766.321
Dự phòng cụ thể	182.887	452.920	590.047
<b>Tổng quỹ dự phòng</b>	<b>777.872</b>	<b>1.143.962</b>	<b>1.356.368</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

❖ **Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của VIETBANK**

Rủi ro lãi suất được VIETBANK thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi cho các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

**10.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán**

**Bảng 21: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	197.562	179.588	79.014
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	132.267	99.373	27.517
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>65.295</b>	<b>80.215</b>	<b>51.497</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	79.728	126.652	86.730
Chi phí từ hoạt động thanh toán	17.068	24.943	31.650
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>62.660</b>	<b>101.709</b>	<b>55.080</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

**Bảng 22: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	197.562	179.588	79.014
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	132.267	99.373	27.517
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>65.295</b>	<b>80.215</b>	<b>51.497</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	79.728	126.652	86.730
Chi phí từ hoạt động thanh toán	17.068	24.943	31.650
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>62.660</b>	<b>101.709</b>	<b>55.080</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của VIETBANK đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

❖ **Hoạt động kinh doanh ngoại hối:**

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: VIETBANK đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- Giao dịch ngoại tệ giao ngay:

Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc: Mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...

- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:

Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.

- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:

Hỗ trợ khách hàng trong việc: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2024 của VIETBANK đạt 80,2 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2023 nhờ vào tập trung trọng tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc. Trong 6 tháng đầu năm 2025, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của



VIETBANK đạt 51,5 tỷ đồng.

❖ **Hoạt động thanh toán:**

VIETBANK cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VIETBANK (Internet banking, Mobile banking, ...).

VIETBANK luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

Sản phẩm Tài trợ thương mại:

- Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Tài trợ nhập khẩu: Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hóa nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Chiết khấu Hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho doanh nghiệp sau khi giao hàng trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu. Hình thức tài trợ: mua có truy đòi hối phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu trước khi đến hạn thanh toán.
- UPAS L/C: L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

Sản phẩm Thanh toán quốc tế:

- Quy định chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài dành cho KHCN: quy định về đối tượng, mục đích, chứng từ, hạn mức chuyển ngoại tệ dành cho khách hàng cá nhân khi thực hiện giao dịch tại VIETBANK.
- Quy định chuyển tiền quốc tế trực tuyến qua App VIETBANK Digital dành cho KHCN: bắt kịp xu hướng số hóa vận hành; nâng cao chất lượng dịch vụ TTQT của VIETBANK, đa dạng hóa kênh giao dịch của VIETBANK, tăng tính cạnh tranh trên thị trường với các ngân hàng khác.
- Quy định chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài dành cho tổ chức: nhằm đáp ứng các nhu



cầu chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài của tổ chức liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ

- Quy định chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến giao dịch vốn: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển vốn, lợi nhuận, nguồn thu hợp pháp từ các giao dịch vốn, trả nợ gốc, lãi & cho vay ra nước ngoài của khách hàng cá nhân & tổ chức
- Sản phẩm liên kết chuyển tiền vãng lai: tạo công cụ bán hàng giữa VIETBANK & các tổ chức cung ứng các sản phẩm liên quan đến giao dịch vãng lai nhằm tăng cường bán chéo/bán trọn gói sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng cá nhân

Năm 2024, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 101,7 tỷ đồng, tăng 62,32% so với năm 2023. Trong 6 tháng đầu năm 2025, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 55,08 tỷ đồng.

VIETBANK nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cải tiến, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, tăng cường số hóa quy trình vận hành và sản phẩm dịch vụ thanh toán nhằm nâng cao chất lượng vận hành và phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng.

#### 10.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

VIETBANK đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 30/06/2025, VIETBANK có quan hệ đại lý với 172 ngân hàng ở 36 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, VIETBANK tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của VIETBANK để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

#### 10.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

##### ❖ Hoạt động đầu tư tài chính

Các dịch vụ đầu tư tăng trưởng tốt, tập trung phát triển về số lượng và chất lượng nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cao cho VIETBANK và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng. Các hoạt động đầu tư tại VIETBANK bao gồm: trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá do các TCTD khác phát hành, trái phiếu Doanh nghiệp.

**Bảng 23: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/06/2025
Chứng khoán kinh doanh	1.076.343	340.337	117.387



Chứng khoán nợ	1.076.343	340.337	117.387
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>16.440.405</b>	<b>22.417.404</b>	<b>27.049.079</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	346.650	2.729.322	9.119.717
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	16.093.755	19.688.082	17.929.362

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025*

**Bảng 24: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/06/2025
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>1.076.343</b>	<b>340.337</b>	<b>117.387</b>
Chứng khoán nợ	1.076.343	340.337	117.387
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>16.440.405</b>	<b>22.417.404</b>	<b>27.049.079</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	346.650	2.729.322	9.119.717
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	16.093.755	19.688.082	17.929.362

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025*

*(Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống)*

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 25: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023			31/12/2024			30/06/2025		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	655.139	408.344	62,33%	624.193	367.166	58,82%	622.998	360.647	57,89%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	298.964	160.210	54,50%	304.056	142.066	46,72%	315.708	136.855	43,35%
Phương tiện vận tải	160.548	28.182	17,55%	166.706	30.269	18,16%	172.226	34.168	19,84%
Các TSCĐ hữu hình khác	32.086	4.606	14,36%	31.042	3.932	12,67%	31.042	3.616	11,65%
<b>Tổng</b>	<b>1.146.737</b>	<b>601.342</b>	<b>52,67%</b>	<b>1.125.997</b>	<b>543.433</b>	<b>48,26%</b>	<b>1.141.974</b>	<b>535.286</b>	<b>46,87%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]



Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023			31/12/2024			30/06/2025		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	655.139	408.344	62,33%	624.193	367.166	58,82%	622.998	360.647	57,89%
Máy móc thiết bị	298.964	160.210	53,59%	304.056	142.066	46,72%	315.708	136.855	43,35%
Phương tiện vận tải	160.548	28.182	17,55%	166.706	30.269	18,16%	172.226	34.168	19,84%
Các TSCĐ hữu hình khác	32.086	4.606	14,36%	31.042	3.932	12,67%	31.042	3.616	11,65%
<b>Tổng</b>	<b>1.146.737</b>	<b>601.342</b>	<b>52,44%</b>	<b>1.125.997</b>	<b>543.433</b>	<b>48,26%</b>	<b>1.141.974</b>	<b>535.286</b>	<b>46,87%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

**10.2.2. Tài sản cố định vô hình**
**Bảng 27: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Danh mục	31/12/2023			31/12/2024			30/06/2025		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Quyền sử dụng đất có thời hạn	59.600	59.600	100,00%	43.131	43.131	100,00%	43.131	43.131	100,00%
Phần mềm máy vi tính	339.379	147.826	43,56%	341.969	112.310	32,84%	341.969	93.061	27,21%
<b>Tổng</b>	<b>398.979</b>	<b>207.426</b>	<b>51,99%</b>	<b>385.100</b>	<b>155.441</b>	<b>40,36%</b>	<b>385.100</b>	<b>136.192</b>	<b>35,37%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025*
*[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]*



Bảng 28: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023			31/12/2024			30/06/2025		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Quyền sử dụng đất có thời hạn	59.600	59.600	100,00%	43.131	43.131	100,00%	43.131	43.131	100,00%
Phần mềm máy vi tính	339.379	147.826	43,56%	341.969	112.310	32,84%	341.969	93.061	27,21%
<b>Tổng</b>	<b>398.979</b>	<b>207.426</b>	<b>51,99%</b>	<b>385.100</b>	<b>155.441</b>	<b>40,36%</b>	<b>385.100</b>	<b>136.192</b>	<b>35,37%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

### **10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

#### **10.3.1. Các chính sách quản trị rủi ro đang áp dụng**

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro tập trung, rủi ro hoạt động.

Ngân hàng và công ty con thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

- UBQLRR chịu trách nhiệm:
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng và công ty con;
- Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 01 lần/quý.

#### **❖ Quản lý rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh.
- Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng và công ty con đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con.



- Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

❖ **Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**

- Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh do sự chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.
- Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Ngân hàng và công ty con tiến hành phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.
- Ngoài ra, VIETBANK thiết lập giới hạn rủi ro nội bộ, giám sát định kỳ, và trong trường hợp cần thiết, sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất như hoán đổi lãi suất, nhằm đảm bảo ổn định thu nhập lãi và giá trị vốn trong điều kiện thị trường biến động.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:
  - ✓ Tiền mặt; Góp vốn, đầu tư dài hạn; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định, các khoản phải thu và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
  - ✓ Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng.
  - ✓ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán.
  - ✓ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Các khoản phải thu từ bán nợ; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
    - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
    - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính hoặc thời gian đáo hạn còn lại của các khoản mục, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

❖ **Quản lý rủi ro tiền tệ**



- Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.
- Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Ngân hàng và công ty con lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập

#### ❖ Quản lý rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải chịu chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, dự trữ một lượng tài sản có tính thanh khoản cao hợp lý, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt. Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của đồng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt, tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Rủi ro thanh khoản được quản lý thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro; Tiền gửi tại NHNN; Các khoản tiền gửi, cho vay TCTD khác và các loại Giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.
- Thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:
  - ✓ Tiền mặt, Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
  - ✓ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
  - ✓ Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.



- ✓ Thời gian đến hạn của góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ✓ Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Tiền gửi của khách hàng; Phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ✓ Thời gian đến hạn của tài sản cố định và tài sản Có khác được xác định dựa vào thời gian thu hồi ước tính của các tài sản.

❖ **Quản lý cam kết ngoại bảng**

- Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).
- Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp VIETBANK phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã cam kết.
- Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, VIETBANK đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.
- Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yếu tố sau:
  - ✓ Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định
  - ✓ Phương án kinh doanh khả thi;
  - ✓ Tỷ lệ ký quỹ an toàn;

- Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

❖ **Quản lý rủi ro luật pháp**

Để ngăn ngừa rủi ro về luật pháp, VIETBANK chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản luật hiện hành, nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời VIETBANK thành lập Ban Pháp chế với



các chức năng quản lý và tổ chức thực hiện việc tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của VIETBANK, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Điều hành về các hoạt động của Ngân hàng, nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

NHNN đã ban hành Thông tư mới số 02/2025/TT-NHNN ngày 29/4/2025 về việc quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") có hiệu lực ngày 16/6/2025 thay thế cho Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 về việc quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Thông tư 02 đã quy định cụ thể chứng chỉ tiền gửi là một hình thức tiền gửi dưới dạng giấy tờ có giá, đồng thời quy định một cách rõ ràng hơn các quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng như quy định rõ hơn về đối tượng được mua chứng chỉ tiền gửi, bổ sung biện pháp để người mua tra cứu thông tin của giấy tờ có giá, quy định về phương thức nhận chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá của người không cư trú (tổ chức, cá nhân) và người cư trú là cá nhân nước ngoài, ... cũng như xóa bỏ đi một số hạn chế của các văn bản trước đó, nhằm mục tiêu giúp người gửi tiền có thêm niềm tin, cơ sở pháp luật khi gửi tiền tại Tổ chức tín dụng thông qua hình thức chứng chỉ tiền gửi, giúp phát triển thị trường giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng nói riêng cũng như thị trường trái phiếu, thị trường giấy tờ có giá ở Việt Nam nói chung.

Về lãi suất của chứng chỉ tiền gửi, theo Thông tư 02 quy định rằng, lãi suất chứng chỉ tiền gửi được xác định bởi Tổ Chức Phát Hành và phải "phù hợp với quy định về lãi suất được công bố bởi NHNN trong từng thời kỳ". Tại thời điểm này, lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng thực hiện theo Thông tư 48/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024, theo đó, tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất của tổ chức và cá nhân không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 6 tháng do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ đối với từng loại hình tổ chức tín dụng; lãi suất đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên của tổ chức và cá nhân trên cơ sở cung cầu vốn thị trường. Quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024 đang được quy định tại Quyết định 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024.

- Trong thời gian cuối năm 2020 và đầu năm 2021, Chính phủ và Bộ Tài chính cũng đã ban hành một số các Nghị Định mới về hướng dẫn chi tiết Luật Chứng khoán 2019 ("Hiệu lực ngày 01/01/2021), trong đó có liên quan đến thị trường Trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó, liên quan đến chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định 153/2020/NĐ-CP ("Nghị định 153") ngày 31/12/2020. Nghị định 153 đã giới hạn lại đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không chuyển đổi không kèm chứng quyền chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Văn bản cũng giới hạn việc chỉ cho phép giao dịch trái phiếu giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp sẽ tạo ra rào cản đối với các đối tượng có nhu cầu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và theo đó tạo ra động lực cho quá trình "chuyển



ng nghiệp hóa” và chọn lọc đối tượng nhà đầu tư trên thị trường. Đây tiếp tục được xem là biện pháp nhất quán của nhà lập pháp nhằm thiết lập sự phát triển bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

❖ **Quản lý rủi ro hoạt động**

- Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VIETBANK (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.
- Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Định kỳ hằng năm, VIETBANK tổ chức rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro, và có điều chỉnh Chính sách phù hợp với thực tế của VIETBANK (văn bản hiện hành theo QĐ số 85/2024/QĐ-HĐQT ngày 25/06/2024).
- VIETBANK đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đón đầu việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: VIETBANK tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
  - ✓ Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
  - ✓ Sử dụng kết quả của KTNB, kết giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời VIETBANK cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
  - ✓ Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, VIETBANK có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
  - ✓ Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại VIETBANK đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.
- Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm: Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ..., VIETBANK đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe Ô tô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).



- Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:
  - ✓ Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, VIETBANK đã ban quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.
- Tính vốn cho rủi ro hoạt động: VIETBANK tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- ❖ **Quản lý rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)**
  - VIETBANK tuân thủ chính sách Phòng, chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố (PCRT & TTKB) của Việt Nam, Liên Hợp Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Vương quốc Anh và các quốc gia có liên quan đến giao dịch.
  - VIETBANK luôn đảm bảo tuân thủ và triển khai hiệu quả quy định của Pháp luật về PCRT & TTKB. Hệ thống chính sách, quy định nội bộ về PCRT&TTKB được rà soát định kỳ và hiệu chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của ngành ngân hàng nói chung và của VIETBANK nói riêng.
  - VIETBANK xây dựng mô hình PCRT&TTKB theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng Chi nhánh, Phòng Giao Dịch với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT đại diện Ban Điều hành.
  - VIETBANK luôn nghiêm túc triển khai các khóa học đào tạo kiến thức về PCRT&TTKB hàng tháng, hàng năm thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến (E-learning) cho các CBNV thuộc đối tượng bắt buộc phải tham gia đào tạo theo quy định PCRT. Ngoài ra, khi NHNN/Cục PCRT tổ chức các lớp đào tạo kiến thức PCRT trực tiếp, VIETBANK luôn cử CBNV tại Hội sở và Các CN, PGD tham gia để được cập nhật/bổ sung kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết và tính tuân thủ của CBNV trong công tác PCRT&TTKB.
  - VIETBANK sử dụng chương trình Firco Soft hiện đại với các chức năng: sàng lọc khách hàng, sàng lọc điện chuyển tiền,...nhằm hỗ trợ ngăn chặn khách hàng, ngăn chặn giao dịch không tuân thủ chính sách chấp nhận khách hàng của VIETBANK.
- ❖ **Quản lý rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ**
  - Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, VIETBANK đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn mực này dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của VIETBANK. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm



có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của VIETBANK và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.

- VIETBANK xây dựng và ban hành Nội quy lao động, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp công khai trên toàn hệ thống
- VIETBANK ban hành bộ tiêu chí rủi ro trong tác nghiệp, có ghi nhận đánh giá rủi ro cho CBNV để áp dụng trong trường hợp điều chuyển, tái bổ nhiệm, hoặc tăng tiến trong công việc.

#### ❖ Quản lý rủi ro hệ thống CNTT

VIETBANK đã phối hợp với Finastra để xây dựng hệ thống Core banking và các hệ thống ngân hàng chuyên dụng khác (hay còn gọi The Transformer – VIETBANK Prime) hoàn toàn mới với đầy đủ các chức năng. Finastra là Công ty hàng đầu thế giới về công nghệ đã triển khai thành công các dự án Core cho rất nhiều ngân hàng lớn trên thế giới. Ngày 16/09/2019, VIETBANK công bố chính thức vận hành hệ thống Core banking và các hệ thống hiện đại như thanh toán quốc tế, nguồn vốn. VIETBANK luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn hệ thống và đồng thời triển khai nhiều giải pháp kiểm soát rủi ro như sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng;
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Cục CNTT hay các đối tác tổ chức;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên toàn thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi theo khuyến nghị của các nhà cung cấp giải pháp phần cứng và phần mềm;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật trong hệ thống CNTT VIETBANK để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật riêng lẻ nhằm phát hiện sớm nguy cơ để ngăn chặn kịp thời;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống chính tại trung tâm dữ liệu chính sang hệ thống dự phòng tại trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi có thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn chương trình an ninh khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT; hàng năm gia hạn các chứng chỉ về chuẩn bảo mật dữ liệu thanh toán (PCIDSS) cho hệ thống thẻ;
- Cung cấp cho khách hàng các giải pháp xác thực giao dịch điện tử an toàn và hiện đại;



- Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp nhằm chủ động phát hiện các giao dịch có dấu hiệu gian lận;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho toàn Ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật trong các dịch vụ của Ngân hàng.

#### ❖ Tình hình bảo toàn vốn

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, VIETBANK đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin...nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

Đến thời điểm hiện nay, VIETBANK cơ bản đã triển khai xong 3 trụ cột Basel II theo quy định tại Thông tư 13/2019/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN:

- ✓ Từ tháng 11/2019, VIETBANK là một trong số 14 ngân hàng được NHNN chấp thuận cho áp dụng quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn.
- ✓ Từ năm 2021, VIETBANK đã triển khai thực hiện Đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP) theo quy định tại Thông tư 13/2019/TT-NHNN.
- ✓ Tháng 6/2021, VIETBANK đã thực hiện kiểm toán độc lập đánh giá mức độ tuân thủ việc triển khai 3 trụ cột của Basel II và kết quả đánh giá là "Hoàn toàn tuân thủ".

Việc tuân thủ theo chuẩn Basel II đã giúp cho VIETBANK nâng cao năng lực quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, đồng nghĩa với việc VIETBANK đã đáp ứng các quy định nghiêm khắc về quản trị và công nghệ.

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, VIETBANK đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin...nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

#### 10.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế tại VIETBANK

Ý thức rằng QLRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, VIETBANK đã xây dựng chính sách và hệ thống QLRR dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo hài hòa mục tiêu QLRR với mục tiêu phát triển kinh doanh về trung, dài hạn.
- Thực hiện quản lý rủi ro theo hướng tập trung (tập trung về Hội sở chính) và theo hướng thống nhất (trong toàn hệ thống, kể cả tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh).
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào các tài sản có rủi ro.



- Tiến tới mục tiêu là mọi loại rủi ro đều phải được đo lường thông qua các mô hình, công cụ đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp và xác thực.
- Các khoản dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định của NHNN và chính sách QLRR của VIETBANK.

Tương ứng với các nguyên tắc nêu trên, hệ thống QLRR của Ngân hàng đã được tổ chức với ba phòng tuyến để phòng thủ và kiểm soát rủi ro:

- Phòng tuyến thứ nhất là các đơn vị phát sinh rủi ro như các đơn vị kinh doanh (Các Trung tâm Kinh doanh, Khối thị trường Tài chính, Khối vận hành), các cá nhân là Chuyên viên khách hàng có nhiệm vụ xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác.
- Phòng tuyến thứ hai là các đơn vị phụ trách về quản lý rủi ro trực thuộc Khối Quản lý rủi ro gồm: quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, quản lý rủi ro vận hành, quản lý rủi ro dữ liệu và công nghệ, quản lý rủi ro tích hợp..
- Phòng tuyến thứ ba là Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập với Ban Điều hành.

Từ đây, bộ máy tổ chức và nhân sự QLRR của Ngân hàng đã được cơ cấu và phân định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, minh bạch với sự giám sát của cơ quan quản lý cấp cao của Ngân hàng gồm Hội đồng quản trị và UBQLRR giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn giúp việc cho Tổng giám đốc.

Mặt khác, cũng để đáp ứng các yêu cầu QLRR nêu trên, Ngân hàng đã thiết lập khẩu vị rủi ro và các giới hạn kiểm soát rủi ro, thể hiện bằng các chỉ số, hạn mức cụ thể, đối với từng loại rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động); từng loại hoạt động kinh doanh; từng Đơn vị kinh doanh; cũng như đối với từng cá nhân tham gia vào các giao dịch có khả năng phát sinh rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro được rà soát theo định kỳ, ít nhất 01 lần/năm hoặc các trường hợp đột xuất khi cần thiết.

Bên cạnh đó Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống thông tin quản lý về QLRR, nhằm mục đích để thông tin đầy đủ, kịp thời trong nội bộ, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu liên quan đến công tác QLRR của Ngân hàng.

#### **10.4. Thị trường hoạt động**

##### **10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của VIETBANK**

Trải qua 19 năm xây dựng và phát triển, hiện tại VIETBANK đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với địa hình kinh doanh và mạng lưới hoạt động được phân bố khắp cả nước. Cụ thể tại ngày 30/6/2025, Ngân hàng có:

- 01 Trụ sở chính: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- VIETBANK hiện có mạng lưới 132 Trung tâm kinh doanh trải dài trên toàn quốc, bao gồm 30 Chi nhánh và 102 Phòng Giao dịch, phân bố theo khu vực: 36 Trung tâm kinh



doanh tại Phía Bắc, 22 Trung tâm kinh doanh tại Miền Trung và 74 Trung tâm kinh doanh tại Miền Nam.

- 01 Công ty con.

#### ❖ Mạng lưới của Công ty thành viên

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ & khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín; gồm 1 Trụ sở chính tại 90 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

#### 10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

##### Mạng lưới khách hàng

VIETBANK có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Cùng với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của VIETBANK tăng lên nhanh chóng. Trong danh mục Khách hàng chính hiện nay của Ngân hàng bao gồm các cá nhân có tiềm lực tài chính rất tốt và các tổ chức là các Tổng Công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, VIETBANK xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước.

##### Dịch vụ cho khách hàng cá nhân

##### I. Ngân hàng số

Dịch vụ ngân hàng số của VIETBANK giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, hỗ trợ dễ dàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất kỳ địa điểm có thiết bị kết nối Internet.

- **Mobile VIETBANK Digital:** Ứng dụng Mobile banking dành cho Khách hàng cá nhân. Ứng dụng được sử dụng trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS và Android có Mobile VIETBANK Digital cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính ngân hàng nhanh chóng, an toàn, bảo mật như: Thông tin tài khoản/Thẻ; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; Chuyển khoản nhanh 24/7; Chuyển tiền quốc tế, Thanh toán thẻ tín dụng, nạp tiền vào thẻ trả trước; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán QR code (QRPay); Thanh toán hóa đơn dịch vụ (điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Nạp tiền giao thông; Đặt vé máy bay, tàu xe, Taxi, khách sạn, vé xem phim, đặt hoa, đặt giao hàng, đặt sân Golf, thể thao giải trí, mua sắm VN SHOP;.
- **Internet Banking:** Dịch vụ cung cấp cho KHCN thông qua máy tính kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ



thông; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...).

- **SMS Banking:** Thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn SMS, cập nhật tức thì, hỗ trợ khách hàng quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi.
- **Ứng dụng công nghệ vào định danh Khách hàng trực tuyến (eKYC):** VIETBANK đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (OCR, Face matching, Liveness detection) vào định danh Khách hàng trực tuyến thay thế cho các thủ tục tại quầy giao dịch; Mở tài khoản trực tuyến; Thu thập sinh trắc học tuân thủ quy định NHNN...

## ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của VIETBANK bao gồm:

- **Sản phẩm “Tiết kiệm truyền thống”:** Có nhiều kỳ hạn, và kỳ lãnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm “Tiết kiệm online”:** Giải pháp gia tăng tiện ích giúp Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng được rút gửi mọi lúc, mọi nơi, thuận tiện theo nhu cầu. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được nhận mức lãi suất ưu đãi cao hơn kênh tiết kiệm truyền thống.
- **Sản phẩm “Tiết kiệm quyền chọn”:** giải pháp giúp khách hàng có nhu cầu kinh doanh được tối đa hóa lợi ích thông qua lựa chọn thời gian gửi thực tế phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- **Sản phẩm tiết kiệm Phát Lộc (VND):** Sản phẩm đa dạng với nhiều kỳ hạn từ ngắn hạn đến trung dài hạn có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn khi đến hạn.
- **Chứng chỉ tiền gửi:** Sản phẩm dài hạn với lãi suất ưu đãi cực kỳ hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn của khách hàng mang lại lợi tức vượt trội so với tiết kiệm thông thường nhưng vẫn đảm bảo an toàn.
- Bên cạnh đó, VIETBANK cũng triển khai các sản phẩm như Tiết kiệm đa tiện ích, Tiết kiệm tích lũy tương lai,... phục vụ cho đối tượng khách hàng có nhu cầu tích lũy tiền định kỳ.

## iii. Thẻ

Hiện nay VIETBANK đã cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế cho Khách hàng cá nhân, gồm:

- **Thẻ tín dụng quốc tế Visa/Mastercard:** VIETBANK Visa My Style/VIETBANK Mastercard Happy (Hạng chuẩn), VIETBANK Visa Luxury/VIETBANK Mastercard Lifecare (Hạng Platinum) với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ, với các hình thức cấp hạn mức tín dụng tín chấp hoặc thế chấp Tài sản đảm bảo. Thẻ tín dụng Visa VIETBANK/Mastercard VIETBANK là công cụ hỗ trợ



khách hàng thanh toán, rút tiền, thanh toán trực tuyến (E-com) trên mạng lưới VISA/Mastercard toàn cầu và trả góp ưu đãi lãi suất với đối tác liên kết với VIETBANK.

- **Thẻ thanh toán tín dụng nội địa Napas:** Là thẻ tín dụng nội địa với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ. Thẻ cho phép người dùng thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thẻ trong nước, rút tiền mặt tại các ATM trong hệ thống NAPAS và trả góp ưu đãi lãi suất với đối tác liên kết với VIETBANK.
- **Thẻ thanh toán nội địa VIETBANK:** Là thẻ ghi nợ nội địa cho phép Khách hàng sử dụng Tài khoản thanh toán tại VIETBANK, thông qua Thẻ để thực hiện rút tiền, thanh toán, vắn tin số dư, sao kê tài khoản tại mạng lưới ATM/POS VIETBANK và tất cả các ngân hàng trong NAPAS.
- **Thẻ trả trước quốc tế Visa:** VIETBANK phát hành thẻ trả trước quốc tế Visa mà không cần Khách hàng phải mở Tài khoản thanh toán tại VIETBANK. Khách hàng nạp tiền vào thẻ (Top-up) và thực hiện thanh toán, rút tiền trên số dư thẻ trả trước một cách thuận tiện.
- Mạng lưới chấp nhận thanh toán Thẻ của VIETBANK hiện đã có 34 máy ATM, 542 máy POS và đang được mở rộng nhanh chóng trên toàn quốc.
- Việc đầu tư cho an toàn, bảo mật thông tin cũng được VIETBANK chú trọng. VIETBANK hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn thanh toán thông minh qua công nghệ Chip Contactless (Chip không tiếp xúc) cả phát hành thẻ (100% thẻ VIETBANK phát hành đã sử dụng công nghệ Chip contactless) và chấp nhận thanh toán thẻ (ATM/POS) của Tổ chức thẻ quốc tế Visa/Mastercard. Đối với thẻ nội địa, VIETBANK phát hành thẻ Chip nội địa VCCS nhằm đảm bảo tính bảo mật cao và khả năng tương thích với các hệ thống thanh toán của NAPAS. VIETBANK đã được Tổ chức Control Case cấp chứng chỉ đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ PCI – DSS Level 1 (3.2.1) ở cấp độ cao nhất.

#### iv. Cho vay

Các sản phẩm cho vay đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, đặc biệt đối với KHCHN.

- **Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống:** VIETBANK cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
- **Cho vay Sản xuất kinh doanh:** Là giải pháp tài chính đối với KHCHN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng: Cho vay đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh; Cho vay bổ sung vốn lưu động; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng số dư tiền gửi, số thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD.
- VIETBANK đẩy mạnh cho vay đối với các lĩnh vực trọng điểm theo định hướng của



NHNN và Chính phủ như cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, cho vay sản xuất, kinh doanh lúa gạo,...

- VIETBANK triển khai nhiều chương trình ưu đãi lãi suất cho vay với lãi suất chỉ từ 0%/năm trở lên đối với các khách hàng trẻ mua nhà để ở.

#### v. Bảo hiểm

- Đối với mảng bảo hiểm thì hiện tại VIETBANK đang thực hiện triển khai theo mô hình gián tiếp (refer) nghĩa là CBNV sẽ giới thiệu khách hàng cho Chuyên viên tư vấn bảo hiểm của các công ty bảo hiểm tiến hành tư vấn và thực hiện hợp đồng bao gồm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ:
- **Bảo hiểm phi nhân thọ:** VIETBANK đang liên kết với 3 Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ là Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Quân Đội (MIC), Công ty bảo hiểm Bảo Long, và Công ty bảo hiểm Petrolimex (Pjico) để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của của KHCN với các sản phẩm như: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhà chung cư...
- **Bảo hiểm nhân thọ:** VIETBANK hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha life Việt Nam cung cấp các gói sản phẩm ưu việt, toàn diện: Tôi Chọn An Yên, An Tâm Học Vốn, An Khang Tài Lộc, Life Fun:Đ Sống Thỏa Chất...tuy nhiên nhằm cải thiện và nâng cao thêm các tính năng sản phẩm thì vào ngày 01/07/2025 HLV và VIETBANK sẽ triển khai các dòng sản phẩm mới thay cho các sản phẩm hiện hữu cùng với các danh mục sản phẩm rất đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo tương lai học vấn cho con, các sản phẩm Bảo vệ giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với các sản phẩm đính kèm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe nâng cao cho Khách hàng và cả gia đình.

### Dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp

#### i. Tiền gửi

VIETBANK cung cấp đa dạng dịch vụ tiền gửi phục vụ cho nhu cầu của KHDN:

- **Sản phẩm Tiền gửi truyền thống:** Có nhiều kỳ hạn và kỳ lĩnh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm “Tiền gửi Linh hoạt”:** giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- **Sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Online:** Kỳ hạn gửi tiền linh hoạt, giao dịch mọi lúc, mọi nơi 24/7 Khách hàng không phải đến quầy giao dịch, không lo mất hoặc thất lạc Hợp đồng tiền gửi. Thao tác thực hiện giao dịch đơn giản, an toàn và bảo mật với phương thức xác thực thông minh Soft OTP.



- **Tài khoản tiền gửi ký quỹ:** Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với VIETBANK hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.
- **Sân phẩm chi hộ lương:** Khách hàng thực hiện chi hộ lương tại VIETBANK với nhiều ưu đãi hấp dẫn, giúp Khách hàng tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự quản lý.
- **Dịch vụ Trung gian thanh toán:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch mua bán/chuyển nhượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ, ... Đảm bảo quyền lợi trong giao dịch mua bán/chuyển nhượng: Người bán/chuyển nhượng nhận đầy đủ tiền, Người mua/nhận chuyển nhượng thì nhận đủ tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- **Dịch vụ giao dịch qua Email:** Doanh nghiệp đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch qua Email với VIETBANK. Với hạn mức giao dịch trên mỗi chứng từ tối đa 10 tỷ đồng và hạn mức giao dịch trong ngày tối đa 50 tỷ đồng. Thủ tục đơn giản Khách hàng chỉ cần scan chứng từ gốc gửi email đến VIETBANK để thực hiện giao dịch với địa chỉ email đã được đăng ký.

## ii. Tín dụng

VIETBANK cam kết đem lại những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn, trung dài hạn cũng như phát hành các loại bảo lãnh trong nước của doanh nghiệp như:

- **Cho vay ngắn hạn:** bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết, ...
- **Cho vay trung dài hạn:** đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới, ...
- **Bảo lãnh trong nước:** phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
  - o Bảo lãnh dự thầu.
  - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
  - o Bảo lãnh thanh toán.
  - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
  - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
  - o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
- Ngoài ra, để hỗ trợ cho Khách hàng Doanh Nghiệp, VIETBANK cũng chủ động có những gói cho vay ưu đãi như Gói ưu đãi ngắn hạn dành cho KHDN 2025 (với lãi suất ưu đãi chỉ từ 6%/năm), Gói ưu đãi trung dài hạn dành cho KHDN 2025, Chương trình



lãi suất cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm sản, thủy sản theo gói tín dụng 100.000 tỷ đồng của Ngân hàng Nhà nước... Đồng thời, đối với các Khách hàng thuộc các nhóm ngành ưu tiên phát triển theo định hướng tín dụng, VIETBANK cũng đã xây dựng các chính sách riêng để thu hút mở rộng tệp khách hàng này cũng như để phục vụ tốt hơn nhu cầu của Khách hàng như Chính sách dành cho KHDN ngành thi công xây lắp, Chính sách dành cho KHDN ngành được y tế.

### iii. Dịch vụ thanh toán

VIETBANK cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VIETBANK (Internet banking, Mobile banking, ...).

### iv. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VIETBANK luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

- **Tài trợ L/C xuất khẩu:** Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- **Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng:** Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- **Tài trợ nhập khẩu:** Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hóa nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- **UPAS L/C:** L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

### v. Kinh doanh ngoại tệ và phái sinh

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: VIETBANK đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- **Giao dịch ngoại tệ giao ngay:** Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...



- **Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- **Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:** Hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

#### vi. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử do VIETBANK cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...).

#### vii. Bảo hiểm

**Bảo hiểm nhân thọ:** VIETBANK đem đến những giải pháp phù hợp và tối ưu dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

**Bảo hiểm phi nhân thọ:** Các sản phẩm bảo hiểm dành cho KHDN với chi phí hợp lý như: bảo hiểm tai sản, bảo hiểm cháy nổ - hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không; Bảo hiểm tài sản và thiệt hại; Bảo hiểm kỹ thuật; bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu; Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt...

#### 10.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Vietbank đã thực hiện khảo sát các báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2025 của 27 ngân hàng trong tổng số 31 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử của các ngân hàng hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Theo đó, vị thế của Vietbank so với các doanh nghiệp trong ngành như sau:

- **Về quy mô hoạt động:** Tại thời điểm 30/06/2025, quy mô Tổng tài sản, Cho vay, Huy động khách hàng, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ của Vietbank như sau:
  - + Tổng tài sản đạt 178.671 tỷ đồng.
  - + Dư nợ cấp tín dụng đạt 103.947 tỷ đồng (Trong đó, cho vay KH đạt 102.447 tỷ đồng).
  - + Tổng huy động vốn gồm phát hành GTCG đạt: 123.591 tỷ đồng (Tiền gửi khách hàng đạt 104.208 tỷ đồng).
  - + Vốn chủ sở hữu đạt 9.073 tỷ đồng.
  - + Vốn điều lệ đạt 7.139 tỷ đồng.
- **Về năng lực tài chính:** Vốn chủ sở hữu Vietbank nằm trong nhóm có năng lực tài chính không cao, tuy nhiên vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định.
- **Về kết quả kinh doanh:** Lợi nhuận trước thuế lũy kế cải thiện dần qua các năm, hiện xếp

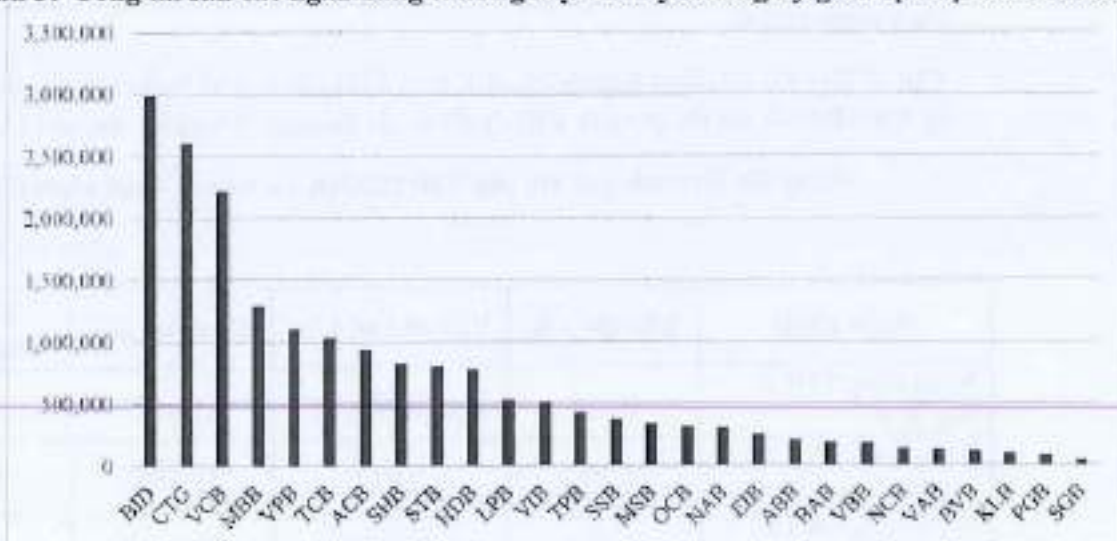


vị trí 23/27 vào Quý II năm 2025 (Quý II năm 2024, LNTT Vietbank xếp hạng 23/27 TCTD). Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế Vietbank trong nửa đầu năm 2025 đạt 25,3%. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của Vietbank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng.

- **Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch:** Trong khi Vietbank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 30 chi nhánh, nhưng lại có 102 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của Vietbank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- **Về mạng lưới và số lượng lao động:** Vietbank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Tính đến ngày 30/06/2025, Vietbank có 3.010 nhân viên.
- **Về chất lượng tài sản:** Vietbank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cân trọng, chủ động đẩy mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.

*Chi tiết thông tin Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch tại 30/06/2025 như sau:*

**Hình 3: Tổng tài sản các ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch tại 30/06/2025**



*Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất Quý II năm 2025 của các ngân hàng*

Vietbank đang nỗ lực đẩy mạnh xây dựng và phát triển hình ảnh thương hiệu theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và gần gũi, nhằm gia tăng sự nhận diện thương hiệu và củng cố niềm tin từ khách hàng. Thông qua các hoạt động truyền thông đồng bộ và tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, Vietbank từng bước nâng cao vị thế trên thị trường.

Trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, Vietbank với mạng lưới hoạt động và đội ngũ nhân sự được tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Những năm gần đây, hiệu quả kinh doanh Ngân hàng đã liên tục cải thiện qua các năm, cho thấy sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Việc mở rộng quy mô và nâng cao năng lực hoạt động đang tạo đà cho



Vietbank nắm bắt cơ hội, phát huy tiềm năng và tiến gần hơn đến mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

**Bảng 29: Quy mô vốn chủ sở hữu và dư nợ cho vay của VIETBANK**

Chỉ tiêu (hợp nhất tại ngày 30/6/2025)	Tổng số của 27 ngân hàng (tỷ đồng)	VBB (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	1.568.172	8.898	0,57
Dư nợ cho vay	12.304.604	97.299	0,79

*Nguồn: BCTC hợp nhất Quý II năm 2025 của 27 ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch*

Tính đến ngày 30/06/2025, tỷ trọng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VIETBANK) trong tổng vốn chủ sở hữu và dư nợ cho vay trong 27 ngân hàng đang giao dịch và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán (gồm có: BID, CTG, VCB, MBB, VPB, TCB, ACB, SHB, STB, HDB, LPB, VIB, TPB, SSB, MSB, OCB, NAB, EIB, ABB, BAB, VBB, NCB, VAB, BVB, KLB, PGB, SGB) lần lượt là 0,56% và 0,78%. Tuy nhiên, hiện chưa có số liệu công bố chính thức về thị phần của VIETBANK so với các tổ chức tín dụng khác trong ngành.

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025 của một số Ngân hàng có quy mô tương tự VIETBANK, có thể so sánh VIETBANK với các ngân hàng này như sau :

**Bảng 30: So sánh quy mô của VIETBANK và một số ngân hàng khác**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Ngân hàng	Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Cho vay khách hàng
Ngân hàng TMCP Bản Việt	6.208	6.920	115.509	72.601
Ngân hàng TMCP Việt Á	5.400	9.425	133.952	87.422
Ngân hàng TMCP Bắc Á	9.580	12.204	184.958	115.110
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VIETBANK)	7.139	9.073	178.671	102.447

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025 của các ngân hàng BVB, VAB, BAB và VIETBANK*

**10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh**

- Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, VIETBANK đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng số, quản trị rủi ro, CNTT, quản trị nguồn nhân lực.



Bảng 31: So sánh quy mô của VIETBANK và một số ngân hàng khác

Tên Dự án	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của VIETBANK	Thời gian triển khai dự án
Triển khai thẻ Mastercard	Dự án phát triển dòng thẻ Mastercard là một mắt xích chiến lược trong tiến trình: (1) Thúc đẩy chuyển đổi số hóa, nâng cao trải nghiệm và gắn kết khách hàng; (2) Nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường bán lẻ; (3) Định vị thương hiệu theo hướng hiện đại và quốc tế; (4) Mở rộng nguồn thu phí dịch vụ – tăng trưởng thu nhập ngoài lãi, hỗ trợ chiến lược bán chéo sản phẩm.  Đặc biệt, tháng 12/2023, dự án vinh dự được Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh ở hạng mục “Excellence in Innovation”, khẳng định năng lực triển khai sản phẩm số sáng tạo và hiệu quả của ngân hàng.	Năm 2023
Xây dựng Chính sách Lương – Thưởng	Việc xây dựng chính sách lương – thưởng gắn liền với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh không chỉ là một yêu cầu thiết yếu về mặt nhân sự, mà còn là đòn bẩy chiến lược thúc đẩy hiệu suất tổ chức. Dự án góp phần quan trọng vào các khía cạnh sau:  1. Quản lý hiệu quả công việc: tạo động lực và gắn kết mục tiêu cá nhân với mục tiêu đơn vị.  2. Thúc đẩy năng suất: thông qua lương – thưởng KPI cá nhân và hiệu quả đơn vị, thúc đẩy văn hóa hiệu suất và tinh thần trách nhiệm.  3. Hoạch định nguồn lực: hỗ trợ đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự chiến lược.  4. Thúc đẩy tính công bằng: tăng minh bạch và công bằng nội bộ, nâng cao sự hài lòng và giữ chân nhân sự chủ chốt.	Từ năm 2022 đến năm 2024
Xây dựng và triển khai giải pháp Omni Channel dành cho Khách hàng tổ chức	Dự án mở rộng kênh giao dịch đa điểm, hợp nhất trải nghiệm khách hàng doanh nghiệp qua nền tảng số. Góp phần: (1) nâng cao năng lực phục vụ, (2) tăng trải nghiệm liên mạch và hiệu quả, (3) nâng sức cạnh tranh thị trường. Đây là nền tảng hỗ trợ mạnh mẽ cho chiến lược bán hàng đa kênh và quản trị tập trung khách hàng tổ chức.	Từ năm 2024 đến năm 2026
Thiết kế, xây dựng và vận hành Văn phòng chuyển đổi	Dự án đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy quản trị chuyển đổi, nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình chiến lược. Văn phòng chuyển đổi là trung tâm điều phối – giám sát – bảo đảm tiến độ và chất lượng các sáng kiến ưu tiên, đảm bảo (1) quản trị hiệu quả, (2) tinh gọn mô hình tổ chức, (3) gia tăng chất lượng dịch vụ, và (4) nâng cao giá trị chuyển đổi mang lại cho khách hàng và tổ chức.	Năm 2025

Nguồn: VIETBANK

## 10.6. Chiến lược kinh doanh

### 10.6.1. Tổng quan về các chiến lược

- a. Tầm nhìn: VIETBANK đặt mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu về tăng trưởng an toàn, hiệu quả, và đổi mới trong lĩnh vực bán lẻ và ngân hàng số.



## b. Mục tiêu tổng quát:

- Tăng trưởng quy mô an toàn và bền vững: Đảm bảo tốc độ tăng trưởng tài sản, huy động và cho vay ở mức cao nhưng đi đôi với kiểm soát chặt chẽ rủi ro.
- Chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số và bán lẻ: Tăng cường ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và nâng cao tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện: Hoàn thiện mô hình quản trị, tối ưu hóa vận hành, và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Đảm bảo đủ vốn và an toàn hoạt động: Tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về an toàn vốn và thanh khoản, đặc biệt là triển khai hiệu quả ICAAP và triển khai hoàn chỉnh Basel3.

## 10.6.2. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và nâng cao giá trị cho cổ đông, VIETBANK tập trung triển khai các định hướng chiến lược trọng yếu về quản trị điều hành, huy động và phân bổ nguồn lực như sau:

## a. Chiến lược quản trị, điều hành:

Ngân hàng chủ trương xây dựng một mô hình quản trị và vận hành hiện đại, minh bạch, vừa bảo năng lực quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí tập trung, vừa trao quyền tự chủ cần thiết để các đơn vị kinh doanh phát huy sự linh hoạt và hiệu quả.

- Tối ưu hóa Mô hình Vận hành:
- ✓ Thực hiện việc rà soát và phân định rõ ràng vai trò, trách nhiệm giữa Hội sở và các Đơn vị Kinh doanh. Các chức năng mang tính trọng yếu, đòi hỏi sự nhất quán toàn hệ thống và kiểm soát rủi ro tập trung (như Ban hành chính sách tín dụng, Quản trị rủi ro, Quản trị thanh khoản, Kiểm toán nội bộ) sẽ được chuẩn hóa và quản lý chặt chẽ tại Hội sở.
- ✓ Trao quyền tự chủ cho các Đơn vị Kinh doanh trong một phạm vi được xác định rõ ràng, dựa trên Ma trận phân cấp quyền hạn. Mức độ tự chủ gắn liền với hiệu suất hoạt động và năng lực quản trị rủi ro của từng đơn vị, qua đó thúc đẩy tính chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh (P&L).
- Nâng cao Hiệu quả quản lý theo chức năng:
- ✓ Tái cấu trúc hệ thống quản lý theo trục dọc, chuyển đổi vai trò của các Khối/Phòng ban chức năng tại Hội sở từ giám sát đơn thuần thành các Trung tâm Chuyên môn hoá (Center of Excellence - CoE). Các trung tâm này có trách nhiệm cung cấp định hướng, công cụ và hỗ trợ chuyên môn kịp thời để các Đơn vị Kinh doanh đạt được mục tiêu.
- ✓ Thiết lập và áp dụng Khung quản trị hiệu suất (Performance Management Framework) với hệ thống chỉ tiêu (KPIs) minh bạch, có trọng số, liên kết trực tiếp tới các chỉ số tài chính chiến lược của ngân hàng (ví dụ: Tỷ lệ Thu nhập lãi cận biên - NIM, Tỷ lệ Chi



phí trên Thu nhập - CIR, Tỷ lệ Nợ xấu - NPL, Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu - ROE).

b. Chiến lược về Nguồn vốn và Phân bổ nguồn lực:

- Chiến lược Huy động và Quản lý nguồn vốn:

✓ Tăng trưởng huy động từ thị trường dân cư và tổ chức kinh tế: Duy trì cơ cấu huy động vốn tối ưu, trong đó tiền gửi của khách hàng đóng vai trò nền tảng và chủ đạo.

✓ Chủ động huy động vốn trung và dài hạn: Chủ động phát hành các công cụ nợ như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi trên thị trường vốn nhằm tối ưu hóa chi phí huy động và tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn.

- Chiến lược Tăng cường Năng lực Vốn chủ sở hữu:

✓ Tăng vốn điều lệ: Ngân hàng đã xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu và/hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận giữ lại, tùy thuộc vào điều kiện thị trường và sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo lộ trình dự kiến như sau:

➢ Năm 2025: tối đa 10.919 tỷ đồng.

➢ Năm 2026: tối đa 15.000 tỷ đồng.

➢ Năm 2027: tối đa 20.000 tỷ đồng.

✓ Bổ sung vốn cấp 2: Khi cần thiết, Ngân hàng sẽ xem xét phát hành trái phiếu thứ cấp nhằm duy trì và cải thiện Tỷ lệ An toàn vốn (CAR) theo quy định.

✓ Sử dụng hiệu quả lợi nhuận giữ lại: Tối ưu hóa việc sử dụng lợi nhuận tạo ra để tái đầu tư, liên tục củng cố nền tảng vốn chủ sở hữu.

## 11. Chính sách đối với người lao động

### 11.1. Số lượng, cơ cấu người lao động

Bảng 32: Số lượng, cơ cấu người lao động của VIETBANK

STT	Tính chất phân loại	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo giới tính	2.552	100%	2.864	100%	3.010	100%
1	Nam	1.058	41%	1.224	43%	1.278	42%
2	Nữ	1.494	59%	1.640	57%	1.732	58%
II	Theo trình độ	2.552	100%	2.864	100%	3.010	100%
1	Trên Đại học	46	1,3%	103	3,6%	113	4%
2	Cử nhân	2.156	84,8%	2.403	83,9%	2.534	84%
3	Cao đẳng	216	8,6%	229	8%	235	8%
4	Khác	134	5,3%	129	4,5%	128	4%
III	Theo hợp đồng	2.552	100%	2.864	100%	3.010	100%
1	Lao động thường xuyên	2.552	100%	2.864	100%	3.010	100%
2	Lao động thời vụ	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%



## 11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

### ❖ Chính sách đào tạo:

- VIETBANK luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho toàn thể cán bộ nhân viên phát triển một cách toàn diện, cả về trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc, cấp bậc thông qua các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao. Số hóa hoạt động đào tạo được đẩy mạnh với những cải tiến quan trọng nhằm nâng cao trải nghiệm của các cán bộ nhân viên từ đó thúc đẩy tinh thần tự học. Các chương trình đào tạo được triển khai thông qua đa dạng các hình thức, bao gồm: lớp học tập trung trực tiếp, lớp học thông qua các nền tảng trực tuyến và E-learning nhằm tạo sự thuận tiện, linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập cho CBNV..
- Chương trình đào tạo xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh, mục tiêu ngắn hạn, dài hạn của Ngân hàng kết hợp với tiến trình nghề nghiệp của nhân viên. Nội dung đào tạo chú trọng vào tính thực tiễn, được thiết kế và cung cấp trên cơ sở yêu cầu năng lực cần thiết cho công việc. Cơ hội đào tạo và phát triển là bình đẳng đối với mọi nhân viên căn cứ vào tiềm năng phát triển của nhân viên, nhu cầu kinh doanh và định hướng phát triển của Ngân hàng.
- Nhân viên Ngân hàng tích cực học tập, rèn luyện để đạt được tiêu chuẩn nghề nghiệp cho công việc hiện tại và cho công việc có trách nhiệm cao hơn trong tiến trình nghề nghiệp của mình. Ngân hàng khuyến khích và sẽ tạo điều kiện để nhân viên tự nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng, kiến thức và tích cực tham gia các hoạt động đào tạo để trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với đồng nghiệp.
- Công tác đào tạo phải đúng thời điểm; theo tiêu chuẩn năng lực, chức danh; theo yêu cầu kinh doanh thực tế tại đơn vị và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng. Công tác đào tạo phải lấy hiệu quả, chất lượng làm phương châm, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Ngân hàng trên cơ sở tiết kiệm thời gian và kinh phí.

### ❖ Chính sách lương thưởng, phúc lợi, trợ cấp, thăng tiến:

- Về chế độ phụ cấp, Bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên chính thức của VIETBANK đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động;
- Chế độ phúc lợi: Nhân viên chính thức của VIETBANK được hưởng các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, chế độ nghỉ mát;
- Chế độ lương, thưởng, thăng tiến:
  - Duy trì và đảm bảo thu nhập cho NLD;
  - Duy trì chế độ thưởng căn cứ theo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị và kết quả xếp loại cá nhân định kỳ, thực hiện và triển khai chính sách điều chỉnh lương định kỳ, Cơ chế khuyến khích thưởng vượt chỉ tiêu cho CBNV thuộc lực lượng kinh doanh (Khách hàng Cá nhân/ Khách hàng Doanh nghiệp).
  - Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp: Ngân hàng đã xây dựng Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp



cho từng chức danh tại các đơn vị, qua đó, từng nhân sự có thể tự định hướng và xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp cho bản thân.

- Các chế độ khác: Chính sách vay ưu đãi dành cho CBNV VIETBANK: CBNV được vay tại VIETBANK với lãi suất cho vay ưu đãi. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kết quả hoàn thành công việc được đánh giá hàng kỳ. CBNV hoàn thành công việc càng xuất sắc, lãi suất cho vay càng được điều chỉnh thấp hơn so với lãi suất cho vay thông thường.

### 11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Ngân hàng không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ, HĐQT của VIETBANK sẽ quyết định quy chế cụ thể theo từng lần phát hành.

## 12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của VIETBANK, cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VIETBANK chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ VIETBANK và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và Pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, VIETBANK vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

**Bảng 33: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	0%	0%	25% Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Nguồn: VIETBANK

## 13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

### 13.1. Thông tin về đợt Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán, đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của VIETBANK là đợt tăng vốn năm 2024 từ 4.776.826.690.000 đồng lên 5.711.532.700.000 đồng, cụ thể như sau:

#### a. Thông tin về đợt chào bán:

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/06/2022 và Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022 về việc bổ sung, sửa đổi và triển khai phương án tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 về việc thông qua tiếp tục triển khai từng theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 thông qua;



- Nghị quyết số 66/2023/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023 về việc triển khai hồ sơ thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023;
- Công văn số 5872/NHNN-TTGSNH ngày 25/07/2023 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận việc Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 1.003.113.600.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ;
- Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023 về việc thông qua tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà nước, người lao động, và phương án chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược;
- Giấy chứng nhận số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023 về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng cổ phiếu;
- Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024 về việc chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận số 437/GCN-UBCK;
- Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐQT ngày 04/04/2024 về việc thông qua kết quả đăng ký mua cổ phiếu của Công đoàn cơ sở thành viên - Phương án xử lý số lượng cổ phiếu còn dư của đợt chào bán ra công chúng;
- Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐQT ngày 16/04/2024 về việc điều chỉnh kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Báo cáo số 1561/2024/BC-VB ngày 16/04/2024 về việc Kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ngân hàng gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Công văn số 1563/2024/CV-VB ngày 16/04/2024 về việc thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán cổ phiếu và quyết định quy chế đang lưu hành;
- Công văn số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/04/2024 về việc nhận kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- Công văn số 1862/CQ-UBTVQH2B ngày 02/05/2024 của Ngân hàng gửi NHNN về việc báo cáo kết quả tăng vốn và đề nghị sửa đổi mức vốn điều lệ tại giấy phép hoạt động của Ngân hàng.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 93.470.601 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- b. Kết quả đợt chào bán cổ phiếu:
  - Ngày hoàn thành đợt chào bán là ngày 08/4/2025.
  - Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 93.470.601 cổ phiếu



- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 934.706.010.000 đồng
- c. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau :

**Bảng 34: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024**

Đơn vị: đồng

Mục đích sử dụng vốn cổ phiếu theo phương án phát hành	Số tiền theo phương án sử dụng	Sử dụng vốn theo thực tế		
		Phương án sử dụng thực tế	Số tiền đã sử dụng	Chênh lệch
Trái phiếu	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000	0
Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	653.133.600.000	584.706.010.000	584.706.010.000	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.003.133.600.000</b>	<b>934.706.010.000</b>	<b>934.706.010.000</b>	<b>0</b>

Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 cho kỳ từ ngày 23/4/2024 đến ngày 31/12/2024

- d. Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 cho kỳ từ ngày 23/4/2024 đến ngày 31/12/2024:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

### 13.2. Thông tin về đợt Chào bán trái phiếu ra công chúng

Trong vòng 02 năm gần nhất có hai Đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022, bao gồm Đợt 2 VBB123034 phát hành ngày 30/06/2023 - 1.900 tỷ đồng và Đợt 3 VBB124001 phát hành ngày 27/03/2024 - 1.000 tỷ đồng.

#### 13.2.1 Đợt chào bán 30/06/2024:

##### a. Thông tin chào bán:

- Mã trái phiếu: VBB123034,
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.900 tỷ đồng
- Kỳ hạn: 07 năm.

- Lãi suất: Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu +2,50%/năm; Hai năm cuối: Lãi suất tham chiếu +3,50%/năm.
- Mục đích sử dụng: Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng cá nhân và tổ chức

b. Kết quả đợt chào bán

Giá trị chào bán thành công: 1.900 tỷ đồng

c. Tình hình sử dụng Vốn thu được từ đợt chào bán được sử dụng theo đúng mục đích phát hành là tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng và cho vay trung và dài hạn.

d. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và định giá ASCO đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022, đợt 2, mã trái phiếu VBB123034 ngày 31/8/2023:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Bản thuyết minh thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 Đợt 2, mã Trái phiếu: VBB123034 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, đã được lập, trên khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn nêu tại trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

13.2.2. Đợt chào bán 27/03/2024:

a. Thông tin chào bán

- Mã trái phiếu: VBB124001
- Ngày phát hành: 27/03/2024
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.000 tỷ đồng
- Kỳ hạn: 07 năm.
- Lãi suất: Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu +2,50%/năm; Hai năm cuối: Lãi suất tham chiếu +3,50%/năm.
- Mục đích sử dụng: Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng cá nhân và tổ chức

b. Kết quả đợt chào bán

Giá trị chào bán thành công: 1.000 tỷ đồng

c. Vốn thu được từ đợt chào bán được sử dụng theo đúng mục đích phát hành là tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng và cho vay trung và dài hạn.

d. Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY đối với Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 03 năm 2022:



Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 3 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với Thuyết minh số 2 - “Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng” của Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 3 năm 2022.

#### 14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

##### ❖ Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm ngày 30/06/2025, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 3.379.300.000.000 đồng, trong đó:

- Trái phiếu riêng lẻ: 479.300.000.000 đồng
- Trái phiếu chào bán ra công chúng: 2.900.000.000.000 đồng

*(Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng 3 điều 8.3. mục IV)*

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, VIETBANK đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### 15. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết khác của VIETBANK trong 2 năm liền trước như được trình bày ở bảng sau:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]*

**Bảng 35: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VIETBANK**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Bảo lãnh vay vốn	50	50	50	50	50	50
Cam kết giao dịch hối đoái	18.310.221	35.401.945	42.327.209	18.310.221	35.401.945	42.327.209
Cam kết mua ngoại tệ	1.405.237	3.330.715	2.970.603	1.405.237	3.330.715	2.970.603
Cam kết bán ngoại tệ	1.405.388	83.194	831.779	1.405.388	83.194	831.779
Cam kết giao dịch hoán đổi	15.499.596	31.988.036	38.524.827	15.499.596	31.988.036	38.524.827
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	(2.654)	21.773	12.860	(2.654)	21.773	12.860
Bảo lãnh khác	1.030.439	825.609	777.486	1.030.439	825.609	777.486
Cam kết khác	6.707.990	8.804.949	10.240.623	6.707.990	8.804.949	10.240.623
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.046.046</b>	<b>45.054.326</b>	<b>53.358.228</b>	<b>26.046.046</b>	<b>45.054.326</b>	<b>53.358.228</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC soát xét bán niên năm 2025 (hợp nhất và riêng lẻ)

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, các Đợt chào bán, và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

**16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

**Bảng 36: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VIETBANK năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm 2023/2024	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	138.258.073	162.855.332	17,79%	178.670.984
Thu nhập lãi thuần	1.999.898	2.811.573	40,59%	1.389.918
Tổng thu nhập hoạt động	2.396.836	3.501.363	46,08%	1.527.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	927.113	1.936.137	108,84%	726.748
Lợi nhuận trước thuế	811.945	1.131.298	39,33%	514.342
Lợi nhuận sau thuế	646.866	900.925	39,28%	409.810
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	27%	N/a	N/a
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	25%	N/a	N/a

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

**Bảng 37: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 – Riêng lẻ**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm 2023/2024	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	138.262.087	162.859.431	17,79%	178.869.444
Thu nhập lãi thuần	1.999.834	2.811.510	40,59%	1.389.519
Tổng thu nhập hoạt động	2.387.363	3.495.529	46,42%	1.525.097
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	927.113	1.936.137	108,84%	726.748
Lợi nhuận trước thuế	811.945	1.131.298	39,33%	514.342
Lợi nhuận sau thuế	646.866	900.925	39,28%	409.810
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	27%	N/a	N/a
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	25%	N/a	N/a

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024, VIETBANK đã có những tăng trưởng đáng kể trong năm 2024. Tổng thu nhập hoạt động của VIETBANK đạt 3.501,4 tỷ đồng tăng trưởng 46% so với năm 2023. Trong đó thu nhập từ lãi thuần đạt 2.811,51 tỷ đồng tăng trưởng 40,6% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 1.131,2 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm 2024.



Tăng trưởng lợi nhuận đáng kể trong năm 2024 nhờ việc VIETBANK đã thành công thực hiện tăng vốn điều lệ từ 4.776,8 nghìn tỷ đồng tại 31/12/2023 lên 7.139,4 nghìn tỷ đồng tại 31/12/2024. VIETBANK đã sử dụng nguồn vốn tăng thêm một cách hiệu quả và cần trọng, thành công vượt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận đề ra trong năm.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

## 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

❖ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát hành

### Tăng trưởng kinh tế và chính sách tiền tệ vĩ mô

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam, bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá, lãi suất và chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến cầu tín dụng, chi phí vốn và khả năng sinh lời của hệ thống ngân hàng nói chung và VIETBANK nói riêng. Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định lãi suất và kiểm soát lạm phát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

### Chính sách điều hành và quy định pháp luật đối với hoạt động ngân hàng

Là tổ chức tín dụng chịu sự quản lý chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động của VIETBANK chịu tác động trực tiếp từ các quy định pháp luật về giới hạn tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, giới hạn sở hữu cổ phần, định hướng phát triển ngành... Sự thay đổi trong chính sách hoặc quy định có thể ảnh hưởng đến định hướng chiến lược, cấu trúc tài chính và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

### Mức độ cạnh tranh trong ngành ngân hàng

Ngành ngân hàng Việt Nam có mức độ cạnh tranh ngày càng cao với sự tham gia của nhiều ngân hàng TMCP quy mô lớn, ngân hàng ngoại, công ty tài chính và các công ty công nghệ tài chính (fintech). Áp lực cạnh tranh về lãi suất, chất lượng dịch vụ và công nghệ có thể ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng tín dụng, huy động vốn và biên lợi nhuận của VIETBANK.

### Khả năng quản trị rủi ro và chất lượng tài sản

Chất lượng tài sản, đặc biệt là danh mục cho vay, là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của Ngân hàng. Khả năng kiểm soát nợ xấu, trích lập dự phòng phù hợp và phân loại rủi ro tín dụng hiệu quả là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của VIETBANK, nhất là trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động sau đại dịch và áp lực thị trường bất động sản.

### Chiến lược phát triển và năng lực quản trị điều hành

Chiến lược phát triển trung – dài hạn của VIETBANK, bao gồm các định hướng về mở rộng mạng lưới, đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, đội ngũ lãnh đạo và hệ thống quản trị nội bộ đóng vai trò quyết định trong việc thực thi chiến lược hiệu quả và quản trị rủi ro toàn diện.

### Uy tín thương hiệu và mức độ tin nhiệm thị trường



Uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến khả năng mở rộng cơ sở khách hàng và duy trì nguồn huy động ổn định. Đồng thời, mức độ tín nhiệm của VIETBANK trong mắt nhà đầu tư, tổ chức xếp hạng tín nhiệm và đối tác tài chính cũng sẽ tác động đến khả năng tiếp cận vốn và chi phí sử dụng vốn.

- ❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

#### **Diễn biến lãi suất và chính sách tiền tệ**

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên mặt bằng lãi suất huy động vẫn có biến động tùy theo chu kỳ thanh khoản và áp lực cạnh tranh. Sự thay đổi lãi suất thị trường sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận lãi (NIM) và cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng.

#### **Tác động từ biến động tỷ giá và kinh tế toàn cầu**

Tình hình địa chính trị và xu hướng tăng lãi suất tại các nền kinh tế lớn có thể gây áp lực lên tỷ giá và dòng vốn quốc tế, ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán quốc tế, dịch vụ ngoại hối và nhu cầu tín dụng từ khối doanh nghiệp xuất nhập khẩu – một trong các phân khúc khách hàng tiềm năng của VIETBANK.

#### **Diễn biến nợ xấu và khả năng thu hồi nợ**

Trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi chưa đồng đều, một số ngành chịu ảnh hưởng kéo dài sau đại dịch vẫn gặp khó khăn trong dòng tiền và khả năng trả nợ. Điều này có thể làm gia tăng áp lực về trích lập dự phòng và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng trong năm tài chính hiện tại.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

#### **2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

##### **❖ Báo cáo về vốn điều lệ**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 1 năm 2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2023.

Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN của Ngân hàng được thay thế bổ sung bằng Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 2 năm 2023. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006. Vốn điều lệ của Ngân hàng đến thời điểm tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 7.139.413 triệu đồng

**Bảng 38: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*



Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Vốn điều lệ	4.776.827	7.139.413	7.139.413

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025 của VIETBANK

**Bảng 39: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Vốn điều lệ	4.776.827	7.139.413	7.139.413

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025 của VIETBANK

Trong 7 tháng đầu năm 2025, VIETBANK đã hoàn thành việc tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, từ đó nâng vốn điều lệ lên 8.210.319.700.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 16/6/2025, UBCKNN có văn bản v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIETBANK.
- Ngày 30/06/2025 là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách người sở hữu chứng khoán hưởng quyền mua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.
- Ngày 09/7/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VBB.
- Ngày 17/7/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.

❖ Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh

**Bảng 40: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>6.895.659</b>	<b>8.701.053</b>	<b>9.073.487</b>
1	Vốn điều lệ	4.776.827	7.139.413	7.139.413
2	Các quỹ	495.800	675.985	675.985
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(181)
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.623.032	885.892	1.258.507
5	Thặng dư vốn cổ phần	-	(237)	(237)
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>131.362.414</b>	<b>154.154.279</b>	<b>169.597.497</b>
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	9.020	222.891	6.149
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.621.774	38.416.167	42.869.783
3	Tiền gửi của khách hàng	89.995.715	94.841.470	104.208.415
4	Phát hành giấy tờ có giá	11.551.170	17.678.260	19.382.160
5	Các khoản nợ khác	3.184.735	2.995.491	3.130.990
<b>Tổng nguồn vốn kinh doanh</b>		<b>138.258.073</b>	<b>162.855.332</b>	<b>178.670.984</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025



Bảng 41: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>6.895.659</b>	<b>8.701.053</b>	<b>9.073.487</b>
1	Vốn điều lệ	4.776.827	7.139.413	7.139.413
2	Các quỹ	495.800	675.985	675.985
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(181)
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.623.032	885.892	1.258.507
5	Thặng dư vốn cổ phần	-	(237)	(237)
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>131.366.428</b>	<b>154.158.378</b>	<b>169.795.957</b>
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	9.020	222.891	6.149
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.621.774	38.416.167	42.869.783
3	Tiền gửi của khách hàng	90.000.811	94.845.677	104.405.016
4	Phát hành giấy tờ có giá	11.551.170	17.678.260	19.382.160
5	Các khoản nợ khác	3.183.653	2.995.383	3.132.849
<b>Tổng nguồn vốn kinh doanh</b>		<b>138.262.087</b>	<b>162.859.431</b>	<b>178.869.444</b>

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024 và BCTC soát xét bán niên riêng lẻ năm 2025

## ❖ Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 42: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Tiền mặt	535.889	548.602	667.267
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	9.408.855	7.024.700	6.663.710
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	26.547.538	35.921.200	38.100.706
4	Chứng khoán kinh doanh	1.076.343	340.337	117.387
5	Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	19.848	89.061	56.018
6	Cho vay khách hàng	79.976.558	92.493.074	101.102.340
7	Chứng khoán đầu tư	16.440.405	22.417.404	27.037.829
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-
9	Tài sản cố định	808.768	698.874	671.478
10	Tài sản Có khác	3.443.869	3.322.080	4.254.249
<b>Tổng cộng</b>		<b>138.258.073</b>	<b>162.855.332</b>	<b>178.670.984</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Bảng 43: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Tiền mặt	535.889	548.602	667.267
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	9.408.855	7.024.700	6.663.710
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	26.547.538	35.921.200	38.100.706
4	Chứng khoán kinh doanh	1.076.343	340.337	117.387
5	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	19.848	89.061	56.018
6	Cho vay khách hàng	79.976.558	92.493.074	101.102.340
7	Chứng khoán đầu tư	16.440.405	22.417.404	27.037.829
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	4.014	4.126	198.705
9	Tài sản cố định	808.768	698.874	671.478
10	Tài sản Có khác	3.443.869	3.322.053	4.254.004
<b>Tổng cộng</b>		<b>138.262.087</b>	<b>162.859.431</b>	<b>178.869.444</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025*

Tình hình sử dụng vốn: Ngân hàng cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

### 2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

#### ❖ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định hữu hình đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuận từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 50 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 15 năm

#### ❖ Tài sản cố định vô hình



Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vô hình đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Phần mềm máy vi tính 3 – 15 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

### 2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên VIETBANK giai đoạn năm 2023 – 06 tháng đầu 2025 cụ thể như sau:

**Bảng 44: Thu nhập bình quân của VIETBANK**

	2023	2024	6T/2025
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	19,7	21,67	20,68

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, năm 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025 của VIETBANK

Tính đến thời điểm 30/06/2025, thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên VIETBANK đạt khoảng 20,68 triệu đồng/người/tháng. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên của VIETBANK ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn. Mức thu nhập này phản ánh chính sách chi phí nhân sự hợp lý, phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của Ngân hàng. VIETBANK chú trọng vào hiệu quả công việc, tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa nguồn lực trong bối cảnh ngành ngân hàng đang chuyển dịch mạnh mẽ về số hóa và quản trị rủi ro. Với trọng tâm số hóa, cải tiến quy trình và tái cấu trúc mạng lưới hoạt động, VIETBANK kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể năng suất lao động và thu nhập bình quân trong các giai đoạn tiếp theo.

Thu nhập bình quân một số Ngân hàng có cùng quy mô trong hai năm gần nhất được thống kê qua bảng dưới đây:

**Bảng 45: Thu nhập bình quân của các ngân hàng khác trong 2 năm gần nhất**

Ngân hàng	Vốn điều lệ đến 31/12/2024 (tỷ đồng)	Năm 2023 (triệu đồng/người/tháng)	Năm 2024 (triệu đồng/người/tháng)
Ngân hàng TMCP Bản Việt	5.518	21,2	21,9
Ngân hàng TMCP Việt Á	5.399	19,5	20,2
Ngân hàng TMCP Bắc Á	8.959	20,3	25,2



Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024 của các ngân hàng

#### 2.1.4. Tình hình công nợ

VIETBANK thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

**Bảng 46: Tình hình công nợ – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>107.260.416</b>	<b>129.175.759</b>	<b>143.457.295</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	26.547.538	34.021.200	35.700.706
Cho vay các TCTD khác	0	1.900.000	2.400.000
Cho vay khách hàng	80.754.430	93.637.036	102.447.458
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(777.872)	(1.143.962)	(1.345.118)
Các khoản phải thu	569.392	617.707	801.445
Các khoản lãi, phí phải thu	2.707.549	2.560.595	3.258.188
Tài sản có khác	177.936	157.326	208.164
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản	(11.008)	(13.548)	(13.548)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>131.362.414</b>	<b>154.158.378</b>	<b>169.597.497</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	9.020	222.891	6.149
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.621.774	38.416.167	42.869.783
Tiền gửi của khách hàng	89.995.715	94.841.470	104.208.415
Phát hành giấy tờ có giá	11.551.170	17.678.260	19.382.160
Các khoản nợ khác	3.184.735	2.995.491	3.130.990

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025  
Theo BCTC Hợp nhất, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 là 131.736 tỷ đồng, tăng 19,80% so với năm 2023, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2024 là 92.493 tỷ đồng, chiếm 70,21% tổng phải thu, tăng 15,65% so với 2023.
- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác chiếm 27,27% phải thu của VIETBANK tại 31/12/2024, chiếm tỷ trọng cao thứ nhì, tăng trưởng 35,31% so với 2023.
- Những khoản phải thu còn lại chiếm tỷ trọng thấp, chiếm 2,52% tổng phải thu.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 là 154.158 tỷ đồng, tăng 17,35% so với năm 2023, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng đạt 94.846 tỷ đồng chiếm 61,52%, tăng 5,39% so với năm 2023.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 38.416 tỷ đồng chiếm 24,92% trong Tổng nợ phải trả, tăng mạnh 44,30% so với năm 2023.
- Phát hành giấy tờ có giá đạt 17.678 tỷ đồng chiếm 11,47% trong Tổng nợ phải trả, tăng mạnh 53,04% so với năm 2023.



- Các khoản nợ khác và các khoản nợ Chính phủ và NHNN chỉ chiếm 2,09% tổng phải trả

Tại thời điểm 30/06/2025, tổng nợ phải thu đạt 143.457 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cuối năm 2024, chủ yếu do tăng trưởng cho vay khách hàng (+9,4%) và tiền gửi tại các TCTD khác. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tiếp tục được trích lập ở mức phù hợp, với tỷ lệ dự phòng trên dư nợ tăng nhẹ lên 1,31%. Về nợ phải trả, tiền gửi khách hàng tăng 9,9%, phát hành giấy tờ có giá tăng 9,6%, góp phần đáp ứng nhu cầu mở rộng tín dụng. Tổng nợ phải trả đạt 169.598 tỷ đồng, tăng 10% so với cuối năm 2024, phản ánh xu hướng mở rộng quy mô hoạt động.

VIETBANK luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VIETBANK không có khoản nợ quá hạn.

Bảng 47: Tình hình công nợ – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>109.967.965</b>	<b>131.736.327</b>	<b>143.457.050</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	26.547.538	34.021.200	35.700.706
Cho vay các TCTD khác	0	1.900.000	2.400.000
Cho vay khách hàng	80.754.430	93.637.036	102.447.458
Dự phòng rủi ro cho vay KH	(777.872)	(1.143.962)	(1.345.118)
Các khoản phải thu	569.392	617.690	801.445
Các khoản lãi, phí phải thu	2.707.549	2.560.595	3.258.188
Tài sản có khác	177.936	157.316	207.919
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(11.008)	(13.548)	(13.548)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>131.366.428</b>	<b>154.158.378</b>	<b>169.795.957</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	9.020	222.891	6.149
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.621.774	38.416.167	42.869.783
Tiền gửi của khách hàng	90.000.811	94.845.677	104.405.016
Phát hành giấy tờ có giá	11.551.170	17.678.260	19.382.160
Các khoản nợ khác	3.183.653	2.995.383	3.132.849

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC soát xét bán niên riêng năm 2025

Theo BCTC riêng lẻ, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 là 131.736 tỷ đồng, tăng 19,80% so với năm 2023, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2024 là 92.493 tỷ đồng, chiếm 70,21% tổng phải thu, tăng 15,65% so với 2023.
- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác chiếm 27,27% phải thu của VIETBANK tại 31/12/2024, chiếm tỷ trọng cao thứ nhì, tăng trưởng 35,31% so với 2023.
- Những khoản phải thu còn lại chiếm tỷ trọng thấp, chiếm 2,52% tổng phải thu.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 là 154.158 tỷ đồng, tăng 17,35% so với năm 2023, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng đạt 94.846 tỷ đồng chiếm 61,52%, tăng 5,39% so với năm 2023.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 38.416 tỷ đồng chiếm 24,92% trong Tổng nợ phải trả, tăng mạnh 44,30% so với năm 2023.
- Phát hành giấy tờ có giá đạt 17.678 tỷ đồng chiếm 11,47% trong Tổng nợ phải trả, tăng mạnh 53,04% so với năm 2023.
- Các khoản nợ khác và các khoản nợ Chính phủ và NHNN chỉ chiếm 2,09% tổng phải trả

Tại ngày 30/06/2025, số liệu trên báo cáo tài chính riêng không có khác biệt đáng kể so với



báo cáo hợp nhất. Tại ngày 30/06/2025, tổng nợ phải thu theo báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên năm 2025 đạt 143.457 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cuối năm 2024. Dự nợ cho vay khách hàng đạt 102.447 tỷ đồng, tăng 9,4%, phản ánh đã tăng trưởng tín dụng tiếp tục được duy trì. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng được trích lập 1.345 tỷ đồng, tương ứng 1,31% tổng dự nợ, tăng nhẹ so với cuối năm trước (1,22%). Tiền gửi tại các TCTD và cho vay các TCTD khác lần lượt đạt 35.701 tỷ đồng và 2.400 tỷ đồng, tiếp tục đóng góp vào quy mô tài sản sinh lợi. Tổng nợ phải trả đạt 169.796 tỷ đồng, tăng 10,2%, chủ yếu do tăng tiền gửi khách hàng (+10,1%) và phát hành giấy tờ có giá (+9,6%). Các chỉ tiêu khác như lãi, phí phải thu và các khoản phải thu cũng ghi nhận mức tăng, cho thấy sự mở rộng hoạt động kinh doanh và tăng tích lũy thu nhập.

VIETBANK luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VIETBANK không có khoản nợ quá hạn.

#### 2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

VIETBANK nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/06/2025 như sau:

**Bảng 48: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.444	60.661	51.733
2	Thuế giá trị gia tăng	1.874	1.448	2.185
3	Thuế TNCN	3.185	7.946	10.905
<b>Tổng cộng</b>		<b>82.503</b>	<b>70.055</b>	<b>64.823</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

**Bảng 49: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.444	60.661	51.733
2	Thuế giá trị gia tăng	1.370	1.136	2.012
3	Thuế TNCN	2.997	7.708	10.726
<b>Tổng cộng</b>		<b>81.811</b>	<b>69.505</b>	<b>64.471</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

#### 2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Tổ Chức Phát Hành luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được VIETBANK sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình



tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế (Theo Luật TCTD số 32/2024/QH15), tối đa không vượt quá vốn điều lệ của VIETBANK.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

**Bảng 50: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Quỹ dự phòng tài chính	329.335	419.427	419.427
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	166.465	256.558	256.558
<b>Tổng cộng</b>		<b>495.800</b>	<b>675.985</b>	<b>675.985</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

**Bảng 51: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Quỹ dự phòng tài chính	329.335	419.427	419.427
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	166.465	256.558	256.558
<b>Tổng cộng</b>		<b>495.800</b>	<b>675.985</b>	<b>675.985</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

**2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2024)**

Tổ Chức Phát Hành không phát sinh những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

**2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 52: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
<b>1. Chỉ tiêu về vốn</b>				
Vốn điều lệ	triệu đồng	4.776.827	7.139.413	7.139.413
Vốn tự có	triệu đồng	10.776.583	13.600.279	14.214.287
Tỷ lệ an toàn vốn	%	10,39%	11,73%	10,49%
<b>2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản</b>				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,15%	2,42%	2,32%



Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,79%	1,86%	1,64%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,41%	58,66%	59,52%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	96,31%	97,63%	97,53%
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản</b>				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	16,14%	14,47%	14,53%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	13,37%	18,25%	14,77%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	64,62%	64,29%	63,16%
<b>4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,34%	14,51%	5,79%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,65%	0,75%	0,30%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,67%	1,92%	0,83%
Hệ số ROA	%	0,52%	0,60%	0,24%
Hệ số ROE	%	9,83%	11,55%	4,61%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.291	1.656	574
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	7,92%	6,62%	7,73%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	12,73%	12,09%	12,58%

Nguồn: VIETBANK

**Bảng 53: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ**

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
<b>1. Chỉ tiêu về vốn</b>				
Vốn điều lệ	triệu đồng	4.776.827	7.139.413	7.139.413
Vốn tự có	triệu đồng	10.776.583	13.600.279	14.214.559
Tỷ lệ an toàn vốn	%	10,39%	11,74%	10,47%
<b>2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản</b>				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,15%	2,42%	2,32%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,79%	1,86%	1,64%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,41%	58,66%	59,46%



Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	96,30%	97,63%	97,42%
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	16,14%	14,47%	14,52%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	13,37%	18,25%	14,77%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	64,62%	64,29%	63,16%
<b>4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,34%	14,51%	5,79%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,65%	0,75%	0,30%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,67%	1,92%	0,83%
Hệ số ROA	%	0,52%	0,60%	0,24%
Hệ số ROE	%	9,83%	11,55%	4,61%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.354	1.262	574
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	7,95%	6,63%	7,75%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	11,57%	11,58%	12,10%

Nguồn: VIETBANK

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

**3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành**

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam về Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của VIETBANK

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của VIETBANK

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



❖ **Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của VIETBANK**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ **Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của VIETBANK**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức**

**Bảng 54: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025**

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		Ghi chú
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2024	
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	2.811	3.794	35%	
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	900	1.400	55%	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LNST/TOI)	32%	31%	21%	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	11,6%	13,50%	17%	
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức		Không có		

Nguồn: VIETBANK

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 tại nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2025.

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên:**

- VIETBANK tiếp tục hoạt động theo hướng an toàn bền vững và đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định;
- Tiếp tục hoàn thiện tái cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh, cấu trúc danh mục huy động và cho vay theo định hướng bán lẻ, quản lý chi phí chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng;
- VIETBANK chú trọng phát triển và mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số, cải thiện và nâng cao các chỉ số tài chính;



- VIETBANK tập trung tăng vốn, tăng trưởng kinh doanh theo lộ trình Đề án Cơ cấu lại;
- VIETBANK tăng cường kiểm soát chất lượng tài sản và khả năng sinh lời của bảng cân đối; đẩy mạnh công tác xử lý và thu hồi nợ; Cải tiến và nâng cao chất lượng các quy trình vận hành, quy trình hỗ trợ kinh doanh;
- Tăng cường kiểm soát rủi ro, an ninh mạng trong hoạt động kinh doanh, quản trị, đảm bảo thực hiện bám sát theo quy định Basel II; Phát triển đội ngũ quản lý và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định chỉ đạo của NHNN về các giải pháp chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay thì có thể nói kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà VIETBANK đã đề ra trong những năm tới là khả thi nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được Tổ chức phát hành cung cấp có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân Hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của VIETBANK.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tính đến thời điểm hiện nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập của Ngân hàng đã hết hiệu lực.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm 30/06/2025, VIETBANK không có cổ đông lớn.

### 3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

#### 3.1. Hội đồng quản trị

**Bảng 55: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị VIETBANK**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Nhất Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập
3	Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Quách Tố Dung	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên HĐQT

Nguồn: VIETBANK

#### 3.1.1. Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Dương Nhất Nguyên**

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
10/2008 - 08/2009	Giám đốc đầu tư - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
09/2009 - 10/2011	Sinh viên MBA, Devry University và Keller Graduate, San Jose, CA, USA

11/2011 - 01/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm
02/2013 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc của VIETBANK
05/2016 - 05/2016	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD của VIETBANK
05/2016 - 08/2017	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của VIETBANK
08/2017 - 04/2021	Phó Chủ tịch HĐQT của VIETBANK
04/2021 - nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 của VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tính ngày 30/06/2025):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 34.864.940 cổ phần, tỷ lệ 4,88% vốn điều lệ
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan: 50.060.820 cổ phần, tỷ lệ 7,01% vốn điều lệ

Thông tin, số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại VIETBANK	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	DƯƠNG NGỌC HÒA	Cha	Không	27.177.600	3,81%
2	TRẦN THỊ LÂM	Mẹ	Không	142.500	0,02%
3	DƯƠNG BẢO ANH	Em	Không	10.155.120	1,42%
4	DƯƠNG MAI ANH	Em	Không	12.585.600	1,76%

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có



- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với Ông Dương Nhất Nguyên và người có liên quan: Không có.

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao (triệu đồng)	9.556	13.500	6.889
Tiền lương: Không;	0	0	0
Các lợi ích khác: Không;	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.1.2. Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó chủ tịch HĐQT kiêm thành viên độc lập

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Trung**  
 Năm sinh: 1951  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
08/1975 - 01/1984	Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada
02/1984 - 08/2008	Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada
09/2008 - 01/2009	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2009 - 04/2016	Cố vấn Hội đồng Quản trị của Công ty TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long

06/2011 - 04/2013	Cố vấn tài chính, Công ty của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA)
05/2016 - 06/2020	Giám đốc điều hành Khối tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG
04/2021 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VIETBANK
16/10/2021 - 13/08/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VIETBANK kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK và Ông Nguyễn Hữu Trung và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên HĐQT VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao (triệu đồng)	2.766	4.083	5.889



Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có

### 3.1.3. Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Lương Thị Hương Giang**

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
09/1998 - 01/2016	Trưởng Phòng kế toán, Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
02/2016 - 08/2016	Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh
09/2016 - 04/2021	Phó Giám đốc truyền thông Marketing, Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VIETBANK
04/2021 – 30/8/2023	Thành viên Hội đồng Quản trị VIETBANK kiêm nhiệm Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VIETBANK.
01/9/2023 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại **Thành viên HĐQT VIETBANK**

Tổ chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại **Không có**

các tổ chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 8.550.000 cổ phần, tỷ lệ 1,20% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 8.550.000 cổ phần, tỷ lệ 1,20% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK và Bà Lương Thị Hương Giang và người nội bộ: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên HĐQT VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao (triệu đồng)	848	842	460
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

#### 3.1.4. Bà Quách Tổ Dung – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Quách Tổ Dung
Năm sinh:	1957
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản lý kinh tế, tài chính; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Cử nhân Chính trị

Quá trình công tác:



Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
05/1975 - 05/1978	Cán bộ - Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1978 - 05/1988	Phó Chủ tịch, Chủ tịch, Bí thư Phường 4 - UBND Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1988 - 05/1994	UV Ban thường vụ Quận Ủy Quận 11 - UBND Phường 6, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1994 - 12/1999	UV Ban thường vụ Quận Ủy, Phó Chủ tịch UBND Quận 11 – UBND 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2000 - 12/2012	Phó Giám đốc Thường trực - Sở Công Nghiệp sau là Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2013 - 03/2018	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2020 - 04/2020	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH BĐS Nguyễn Khang
04/2018 – 02/2022	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City
02/2022 – 07/2024	Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la
01/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Vũ Quang Dung và Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Vũ Quang Dung  
Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): Không có.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ  
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
-----	-----------	-------------	---------------------	------------------	---------------

			VIETBANK		
I	CÔNG TY TNHH SỸ PHÁT	Doanh nghiệp mã bà Quách Tổ Dung là Chủ tịch HĐTV	Không có	34.357.777	4,81%

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan VIETBANK với bà Quách Tổ Dung và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên HĐQT VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao (triệu đồng)	933	911	533
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

### 3.1.5. Bà Lê Thị Xuân Lan

Họ và tên: **Lê Thị Xuân Lan**

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:



Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/1979 - 06/1983	Kế toán của Tổ sản xuất Thành Long
07/1983 - 11/1987	Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Long
12/1987 - 01/1996	Kế toán trưởng Công ty Đại Hồng Phát
02/1996 - 12/1999	Kế toán trưởng Công ty Đại Đông Nguyên
01/2000 - 12/2010	Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm
01/2011 - 07/2014	Quản lý tài chính Cơ sở sản xuất Dây viên Thanh
08/2014 - 06/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Chợ Đũi
06/2015 - 10/2015	Thành viên Ban kiểm soát VIETBANK
10/2015 - 04/2021	Trưởng Ban kiểm soát VIETBANK
04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Viebank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại  
Tổ chức phát hành:

Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại  
các tổ chức khác:

Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng  
khoán tại VIETBANK (tại ngày  
30/06/2025):

0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu  
của những người có liên quan  
đồng thời là cổ đông, người nội bộ  
của VIETBANK:

0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Ngân  
hàng tại 30/06/2025:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân  
hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan VIETBANK với Bà Lê Thị Xuân Lan và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên HĐQT VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao (triệu đồng)	778	744	444
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có

### 3.2. Ban Kiểm soát

**Bảng 56: Danh sách thành viên Ban kiểm soát VIETBANK**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên chuyên trách
3	Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên chuyên trách

Nguồn: VIETBANK

#### 3.2.1. Ông Hứa Ngọc Nghĩa – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Hứa Ngọc Nghĩa**

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
11/2002 - 06/2008	Nhân viên, chuyên viên - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín



07/2008 - 06/2012	Thành viên HĐQT Ngân hàng 100% vốn Việt Nam - Sacombank Cambodia
08/2012 - 09/2014	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP chứng khoán Langexang Lào PRD
06/2012 - 07/2018	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
07/2008 - 06/2018	Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
08/2018 - 05/2020	Chuyên viên tư vấn độc lập về chứng khoán, quản lý đầu tư, thu xếp vốn, quản lý tài sản
05/2020 - 04/2021	Thành viên Ban kiểm soát - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
04/2021 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại      Trưởng Ban kiểm soát  
Tổ chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại      Không có  
các tổ chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng      0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ  
khoán tại VIETBANK (tại ngày  
30/06/2025):

- Đại diện sở hữu:      0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu:      0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu      0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ  
của những người có liên quan  
đồng thời là cổ đông, người nội bộ  
của VIETBANK:

Những khoản nợ đối với Ngân      Không có.  
hàng tại 30/06/2025:

Lợi ích liên quan đối với Ngân  
hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với VIETBANK với Ông Hứa Ngọc Nghĩa và người có liên quan: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên BKS VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	770	743	498
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.2.2. Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Xuân Dung**

Năm sinh: 1987

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
2011 - 2015	Nhân viên kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
2015 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ



- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có.

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Người có liên quan với VIETBANK với Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên BKS VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	395	381	228
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.2.3. Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Mạc Hữu Danh**

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
1991 - 1995	Phó phòng Đối Ngoại – Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Hồ Chí Minh
1995 - 2005	Trưởng phòng Thanh toán & Chuyển ngân – Deutsche Bank, CN Hồ Chí Minh
2005 - 2006	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
2006 - 2013	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
2013 - 2017	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
2019 - 2020	Phó Ban kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
05/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:



- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với VIETBANK với Ông Mạc Hữu Danh và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên BKS VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	990	937	555
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.3. Ban Tổng Giám đốc

**Bảng 57: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc VIETBANK**

STT	Tên	Chức vụ
1	Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Linh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Lê Thanh Quý Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Kế toán trưởng

Nguồn: VIETBANK

#### 3.3.1. Bà Trần Tuấn Anh - Tổng Giám đốc

Họ và tên:	<b>Trần Tuấn Anh</b>
Năm sinh:	1976
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Luật học chuyên ngành Luật Kinh tế, Cử nhân Luật học, Cử nhân tài chính – tín dụng.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
05/1999 – 02/2009	Chuyên viên Phòng Dịch vụ Địa ốc; Phó phòng Dịch vụ Địa ốc; Trưởng Ban pháp chế Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM
02/2009 – 05/2010	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Pháp chế Ngân hàng TMCP Bán Việt
05/2010 – 10/2011	Thành viên HĐQT chuyên trách Ngân hàng TMCP Bán Việt
11/2011 – 09/2012	Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bán Việt
10/2012 – 07/2013	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bán Việt
10/2013 – 07/2014	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long
07/2014 – 05/2016	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Phòng Pháp chế và Xử lý nợ Ngân hàng TMCP Kiên Long
05/2016 – 02/2018	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
02/2018 – 04/2018	Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
04/2018 – 10/2021	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
10/2021 – 04/2023	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long
07/2023 – 08/2023	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
08/2023 – đến nay	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức      Tổng Giám đốc  
phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ      0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ  
chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại      0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ  
VIETBANK (tại ngày 30/06/2025):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ



Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có. 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với Bà Trần Tuấn Anh và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc VIETBANK như sau: Không có

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương	2.333	9.774	12.102
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.3.2. Bà Nguyễn Thị Thúy Minh – Kế Toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Minh

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 10/2002 – 05/2019:	<p>Công tác tại OCB, các vị trí:</p> <p>+ 09/2014 – 05/2019: Kế toán trưởng – Hội sở</p> <p>+ 06/2012 – 09/2014: Trưởng Phòng Kế toán – Hội sở</p> <p>+ 07/2008 – 06/2012: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Hội sở</p> <p>+ 12/2007 – 06/2008: Phó Phòng Kế toán Hội sở - Hội sở</p> <p>+ 09/2007 – 12/2007: Chuyên viên Kế toán - Hội sở</p> <p>+ 07/2006 – 09/2007: Kiểm soát viên - Hội sở</p> <p>+ 08/2005 – 06/2006: Trưởng Phòng Kế toán – Chi nhánh Khánh Hòa</p> <p>+ 10/2004 – 07/2005: Trưởng Phòng Kế toán – Chi nhánh Bạc Liêu</p> <p>+ 10/2003 – 09/2004: Phó Phòng Kế toán – Chi nhánh Tây Đô</p> <p>+ 10/2002 – 09/2003: Nhân viên Tín dụng, Nhân viên Kế toán - Hội sở</p>
Từ 05/2020 – 06/2020:	Kế toán trưởng – Công ty TNHH Bảo Minh Quân
Từ 06/2020 – 04/2025:	Trưởng Ban Kiểm soát - OCB
Từ 03/6/2025 – 27/6/2025:	Trưởng Phòng Kế toán – Khối tài chính VIETBANK
Từ 28/6/2025 – nay:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán – Khối tài chính VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Kế toán trưởng

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025):

0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ



- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/06/2025: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với Bà Nguyễn Thị Thúy Minh và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc VIETBANK như sau: Không có.

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương	0	0	96
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.3.3. Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Tiến Sỹ**  
 Năm sinh: 1977  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
06/2003 - 10/2018	Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH KYMCO Việt Nam
06/2010 - 06/2015	Giám đốc – Công ty Ô tô Xe máy Tiến Sỹ

11/2018 - 11/2020	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH BĐS Thành phố
03/2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 8.621

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 8.621 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với ông Nguyễn Tiến Sỹ và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương	2.334	2.464	1.257
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.3.4. Ông Phạm Linh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phạm Linh**

Năm sinh: 1974



Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/1996 - 02/2003	Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng United Overseas Bank (Việt Nam)
03/2003 – 07/2007	Giám đốc kinh doanh – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
08/2007 – 12/2008	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam
12/2008 – 02/2011	Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam
03/2011 - 05/2014	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Đông
06/2014 – 01/2025	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Á
01/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với ông Phạm Linh và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương	0	0	5.765
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có

### 3.3.5. Ông Phạm Danh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phạm Danh**  
 Năm sinh: 1980  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, tiền tệ, tín dụng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/2003 - 02/2007	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2007 - 02/2009	Phó giám đốc CN Sài Gòn – Pacific Bank
03/2009 - 08/2009	Trưởng phòng Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
09/2009 - 01/2013	Giám đốc Phòng giao dịch Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
02/2013 - 11/2016	Phó Giám đốc CN TP.HCM kiêm Giám đốc PGD Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
11/2016 - 11/2017	Giám đốc CN Sài Gòn – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín



11/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
---------------	--

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại  
Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại  
các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng  
khoán tại VIETBANK (tại ngày  
30/06/2025): 17.242

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 17.242 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu  
của những người có liên quan  
đồng thời là cổ đông, người nội bộ  
của VIETBANK: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân  
hàng tại thời điểm 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân  
hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với Ông Phạm Danh và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương	2.549	2.367	1.768
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

### 3.3.6. Ông Lê Thanh Quý Ngọc - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lê Thanh Quý Ngọc

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
01/2008 – 09/2009	Giám đốc Quan hệ tín dụng – Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam
10/2009 – 09/2014	Giám đốc Quản lý rủi ro - Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam
10/2014 – 12/2015	Trưởng phòng thanh toán – Ngân hàng Citibank Việt Nam
01/2016 – 04/2019	Giám đốc Khối Tín dụng – Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank Việt Nam
05/2019 – 04/2021	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Phương Đông
08/2021 – 04/2022	Cố vấn quốc gia về Tài chính và Thuế – Công ty Cổ phần công nghệ M-Pay
06/2022 – 08/2024	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Phương Đông
08/2024 – 03/2025	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
08/2024 – 06/2025	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
06/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 30/06/2025): 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ



- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/06/2025: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIETBANK với Ông Lê Thanh Quý Ngọc và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến 6 tháng năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc VIETBANK như sau:

	2023	2024	6T/2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương	0	1.233	1.985
Các lợi ích khác	0	0	0

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]*

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

### 2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Mệnh giá của cổ phiếu chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 270.940.550 cổ phiếu.

### 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá là 2.709.405.500.000 đồng.

### 5. Giá chào bán dự kiến

Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 6. Phương pháp tính giá

#### ❖ Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2024 (căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán): 12.187 đồng/cổ phiếu.
- Giá giao dịch cổ phiếu bình quân trong phiên ngày 26/06/2025 là 11.100 đồng/cổ phiếu

#### ❖ Xác định giá chào bán

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của VIETBANK, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của VIETBANK nên HĐQT đã trình và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 7. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:33 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng với 1 quyền, 100 quyền được mua 33 cổ phần mới). Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được VIETBANK công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.

- Nguyên tắc làm tròn: Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền, để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu.



Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 208 cổ phiếu vào ngày chốt danh sách. Cổ đông A sẽ nhận được quyền mua là: 208 quyền mua cổ phiếu mới. Khi thực hiện quyền mua với tỷ lệ 100:33, cổ đông A sẽ được mua thêm 68,64 cổ phiếu mới. Tuy nhiên, theo nguyên tắc làm tròn số, cổ đông chỉ được quyền mua 68 cổ phiếu mới.

- Phương thức xử lý cổ phần còn lại chưa phân phối hết:
- Phương thức xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết:
  - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết gồm:
    - Số lượng cổ phiếu mà do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần hoặc không nộp tiền mua trong thời hạn quy định;
    - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu.
    - Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 100:33 (nếu có);
    - Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định kết thúc đợt chào bán hoặc chào bán tiếp Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Hội đồng quản trị thông qua tiêu chí lựa chọn các Nhà đầu tư khác để chào bán số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị tìm kiếm và lựa chọn các Nhà đầu tư này, cụ thể như sau:

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để chào bán cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết:

- Các tổ chức, cá nhân trong nước bày tỏ quan tâm, mong muốn và đủ năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu VBB;
- Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của VIETBANK;
- Các nhà đầu tư không có hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới lợi ích của VIETBANK.

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”.
- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều



của Luật chứng khoán.

## 8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. VIETBANK sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán, chuyển giao cổ phiếu:

### *Phương thức thanh toán*

Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông nộp/chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa (*chi tiết về tài khoản phong tỏa tại mục VII.12 dưới đây*).

### *Chuyển giao cổ phiếu:*

Sau khi VIETBANK hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại Trụ sở của VIETBANK, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

- Quyền lợi của người mua cổ phiếu:

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

- Nguyên tắc làm tròn: Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền, để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán là: 0%. Vì vậy, không phát sinh trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký không đạt mức tối thiểu, VIETBANK không phải trả lại tiền cho nhà đầu tư đã thực hiện quyền mua theo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu VBB



phát hành tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu do VSDC cung cấp.

Đối với trường hợp nhà đầu tư nộp tiền nhiều hơn số tiền để thực hiện quyền mua theo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu do VSDC cung cấp, VIETBANK sẽ trả lại số tiền nộp thừa sau khi kết thúc đợt chào bán, VIETBANK báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN và UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc đã nhận được Báo cáo kết quả đợt chào bán của VIETBANK.

#### 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2025. Lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực	D
2	Công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VIETBANK, HNX, UBCKNN. Công bố Bản cáo bạch chính thức trên trang thông tin điện tử của MBS.	D đến D+7
3	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, HNX; Gửi hồ sơ Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	D+1 đến D+3
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D+13
6	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D+13 đến D+15
7	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua	D+19 đến D+34
8	Cổ đông hiện hữu đăng ký thực hiện quyền mua, nộp tiền mua thêm cổ phiếu	D+19 đến D+39
9	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu	D+39 đến D+49



TT	Nội dung công việc	Thời gian
	Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết	
10	Xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua	D+49 đến D+62
11	Báo cáo kết quả đợt chào bán lên UBCKNN	D+64 đến D+74
12	Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC, đăng ký giao dịch bổ sung tại HNX, chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư	D+72 đến D+92

#### 10. Phương thức thực hiện quyền : Không có

#### 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần.
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm:
  - Số lượng cổ phiếu mà do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần hoặc không nộp tiền mua trong thời hạn quy định;
  - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu.
  - Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 100:33 (nếu có);
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

#### 12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa như sau:
- Tên Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Tài khoản số : 134000000959
- Chủ tài khoản : Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

#### 13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

- Văn bản số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước, theo đó, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận việc VIETBANK tăng vốn điều lệ tối đa thêm



3.780.319.330.000 đồng, trong đó tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa 2.709.407.340.000 đồng theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông VIETBANK thông qua tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 và Hội đồng quản trị VIETBANK thông qua tại Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐQT ngày 09/05/2025.

#### 14. Hủy bỏ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán không sử dụng để thực hiện dự án và là trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

#### 15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hội đồng quản trị đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau:

Căn cứ Công văn số 2294/UBCK-PTTT ngày 25/5/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Vietbank là 30%.

Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 30/6/2025 của VSDC cung cấp cho VIETBANK, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VIETBANK, là 0,005%. Để bảo đảm việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, theo đó:

- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Sổ Cổ Phiếu Còn Lại nếu có phân phối tiếp sẽ chỉ phân phối cho tổ chức, cá nhân trong nước.

#### 16. Các loại thuế có liên quan

##### Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Khoản 10, Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế (đã được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ), thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ

đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

**Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**17. Thông tin về các cam kết**

VIETBANK cam kết đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC, thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên HNX đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

**18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành cùng đợt**

Không có

*[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]*



**VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của VIETBANK đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ nhằm:

- Đầu tư tài sản cố định, phát triển hệ thống công nghệ thông tin;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, mở rộng mạng lưới hoạt động;
- Đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn và nâng cao hiệu quả, khả năng sinh lợi trong hoạt động của Ngân hàng.

Mục đích sử dụng vốn nêu trên được sử dụng từ nguồn tổng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 3.780.319,33 triệu đồng, gồm: 2.709.407,34 triệu đồng từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng; và 1.070.911,99 triệu đồng từ đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

ĐHĐCĐ đồng thời ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp tình hình thực tế và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện ủy quyền này, tại Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 10/7/2025, HĐQT đã thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, gia tăng quy mô vốn hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo. Các mục tiêu khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (như đầu tư tài sản cố định, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, mở rộng mạng lưới hoạt động) sẽ được triển khai từ các nguồn vốn sẵn có khác của Ngân hàng, không sử dụng trực tiếp số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Do đó, toàn bộ vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

**IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

HĐQT đã thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tại Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 10/7/2025.

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025 là 2.709.405.500.000 đồng dự kiến sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh		Quý IV/2025 đến
1	Cho vay khách hàng cá nhân	959.405.500.000	
2	Cho vay khách hàng doanh nghiệp SME	750.000.000.000	



TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
	(Khách hàng vừa và nhỏ)		năm 2026
3	Cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn	1.000.000.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.709.405.500.000</b>	

Trường hợp số tiền thu được từ phương án Chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì thứ tự mục đích sẽ theo thứ tự ưu tiên giảm dần nêu trên, cụ thể như sau:

Ưu tiên 1: Cho vay khách hàng cá nhân; tiếp đến;

Ưu tiên 2: Cho vay Khách hàng doanh nghiệp SME (Khách hàng vừa và nhỏ);

Ưu tiên 3: Cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn;

Đại hội đồng cổ đông đã uỷ quyền Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án chào bán, theo đó Hội đồng quản trị quyết định điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định, VIETBANK không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, tùy vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phiếu còn lại đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật;
- Ngoài ra, nếu không thu đủ số tiền huy động dự kiến của đợt chào bán, VIETBANK sẽ sử dụng nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VIETBANK để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]*



**X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN****1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán****Tổ chức tư vấn****Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Khu vực I, Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7304 5688

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)**Tổ chức kiểm toán****Báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024 được kiểm toán bởi:****Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website: <https://www.ey.com/>**2. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán**

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã thực hiện tham gia lập Bản Cáo Bạch này cùng với Tổ chức phát hành. Theo đó, Chúng tôi xin lưu ý rằng, các nội dung được trình bày bao gồm và không giới hạn các số liệu, thông tin, hình ảnh, thống kê... trong phạm vi tài liệu này được cung cấp bởi chính Tổ chức phát hành và Chúng tôi không thực hiện kiểm kê, đánh giá, rà soát, tra soát, truy xuất nguồn gốc, tính chính xác, tính trung thực, tính toàn diện, tính đầy đủ, tính chắc chắn của các thông tin, dữ liệu này.

Các nội dung được trình bày trong Bản Cáo Bạch này chỉ mang tính chất tổng hợp thông tin để các nhà đầu tư biết và đọc tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư cần tự mình tìm hiểu, đánh giá, phân tích cơ hội và rủi ro đầu tư và tự đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro đầu tư và chiến lược đầu tư và kế hoạch tài chính của mỗi nhà đầu tư tại từng thời điểm.

Bản Cáo Bạch này cùng các tài liệu khác của đợt chào bán của Tổ chức phát hành và các ý kiến của Tổ chức tư vấn không phải là tài liệu phân tích và khuyến nghị đầu tư và cũng không hàm ý, bằng cách này hay cách khác, hay bằng hình thức này hay hình thức khác, đưa ra các dẫn dắt hay hàm ý khuyến nghị đầu tư và cũng không đảm bảo giá trị của chứng khoán tại bất cứ thời điểm nào.

Nhà đầu tư cần tự mình phân tích, đánh giá, tìm hiểu và tự đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, khẩu vị rủi ro, và chiến lược đầu tư của mình.

**3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán**

Không có.

**XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 S. UNIVERSITY AVE.  
CHICAGO, ILL. 60637  
TEL: 773-936-5000  
FAX: 773-936-5001  
WWW.CHEM.UCHICAGO.EDU

PROFESSOR OF CHEMISTRY  
DR. J. K. STILLE  
5408 S. UNIVERSITY AVE.  
CHICAGO, ILL. 60637  
TEL: 773-936-5000  
FAX: 773-936-5001  
WWW.CHEM.UCHICAGO.EDU

ASSISTANT PROFESSOR  
DR. J. K. STILLE  
5408 S. UNIVERSITY AVE.  
CHICAGO, ILL. 60637  
TEL: 773-936-5000  
FAX: 773-936-5001  
WWW.CHEM.UCHICAGO.EDU

ASSISTANT PROFESSOR  
DR. J. K. STILLE  
5408 S. UNIVERSITY AVE.  
CHICAGO, ILL. 60637  
TEL: 773-936-5000  
FAX: 773-936-5001  
WWW.CHEM.UCHICAGO.EDU



**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Cần Thơ, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**  
**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Dương Nhật Nguyên

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Trần Tuấn Anh*

Trần Tuấn Anh

*Nguyễn Thị Thúy Minh*

Nguyễn Thị Thúy Minh

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

LIBRARY OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

1962

1962

1962



1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962

1962



Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB  
QUYÊN GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**



**La Thi Thu Hiền**



**XIII. PHỤ LỤC**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín do Sở KH&ĐT tỉnh Sóc Trăng cấp, mã số doanh nghiệp 2200269805, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2007, thay đổi lần thứ 28 ngày 28/8/2023.
2. Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 do NHNN cấp cho VIETBANK; Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 sửa đổi nội dung Vốn điều lệ; Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5 ngày 24/6/2025 bổ sung nội dung hoạt động.
3. Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2025.
4. Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua phương án tăng vốn điều lệ kèm Phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2025 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông (tại Tò trình ngày 01/4/2025).
5. Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐQT ngày 09/5/2025 của HĐQT về triển khai phương án tăng vốn điều lệ.
6. Nghị quyết số 66/2025/NQ-HĐQT ngày 09/5/2025 của HĐQT về triển khai phương án tăng vốn điều lệ.
7. Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 10/7/2025 của HĐQT về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8. Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ toàn năm 2023 và 2024; Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ soát xét bán niên 2025.
9. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu cho kỳ từ 23/4/2024 đến ngày 31/12/2024 được kiểm toán.
10. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022, Đợt 2, mã trái phiếu VBB123034.
11. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 03 năm 2022.